

CHI TIẾT CỦA BỘ ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học : BỒ_ĐIỆN KHÍ NÉN

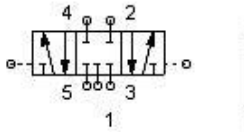
Thời gian thi : 60

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi : 255

Ngày soạn đề : 08/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Phần tử này là:



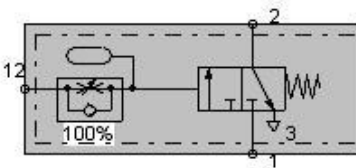
- A. Rơle thời gian thường đóng.
- B. Rơle thời gian thường mở.
- C. Rơle áp suất
- ☒ D. Van điều khiển 5/3

Câu 2: Kí hiệu này là :



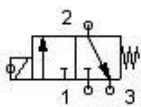
- A. Nút nhấn thường mở.
- ☒ B. Nút nhấn thường đóng.
- C. Nút nhấn gài thường mở.
- D. Nút nhấn gài thường đóng

Câu 3: Phần tử này là :



- ☒ A. Rơle thời gian thường đóng.
- B. Rơle thời gian thường mở.
- C. Rơle áp suất
- D. Van điều khiển 5/3

Câu 4: Phần tử này là:

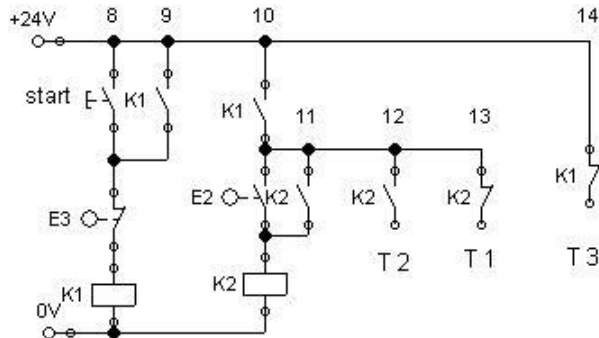


- A. Van điện từ 3/2 duy trì.
- B. Van điện từ 3/2 không duy trì



- C. Van điện từ 4/2 duy trì.
- D. Van điện từ 4/2 không duy trì

Câu 5: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. T1 là



- A. Tín hiệu đảo tầng 1
- B. Nguồn tầng 1
- C. Tín hiệu đảo tầng 3
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

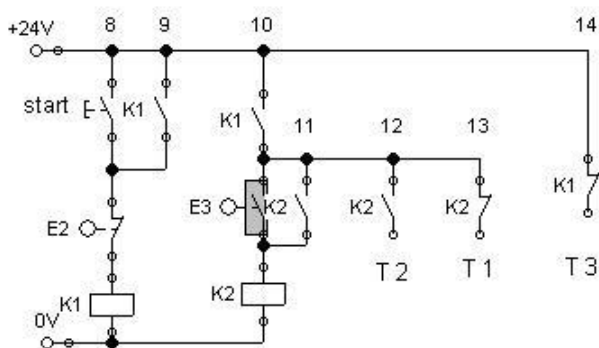


Câu 6: Kí hiệu này là :



- A. Công tắc hành trình thường mở.
- B. Công tắc hành trình thường đóng
- C. Tiếp điểm role trung gian.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 7: Cho mạch đảo tầng điện khí nén 3 tầng.
E3:tín hiệu đảo tầng 3 , E2:tín hiệu đảo tầng 2



- A. Mạch sai tại T1 – T2
- B. Mạch sai tại E2 – E3
- C. Mạch sai tại K1 – K2
- D. Mạch không sai

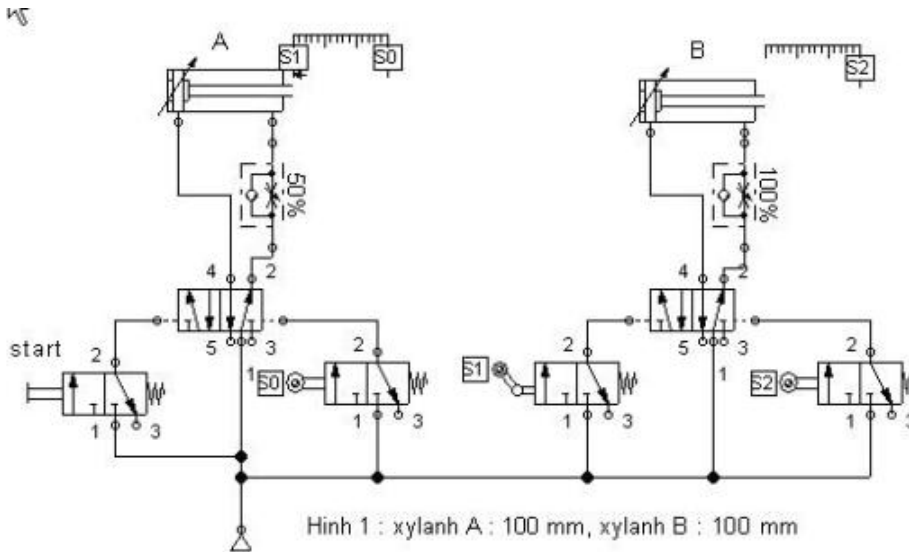


Câu 8: Kí hiệu này là :



- ABC ✓ A. Cuộn dây ONDELAY
B. Cuộn dây OFFDELAY
C. Cuộn dây van điện từ
D. Cuộn dây rơle trung gian

Câu 9: Mạch điều khiển trên Hình 1. S1 là :

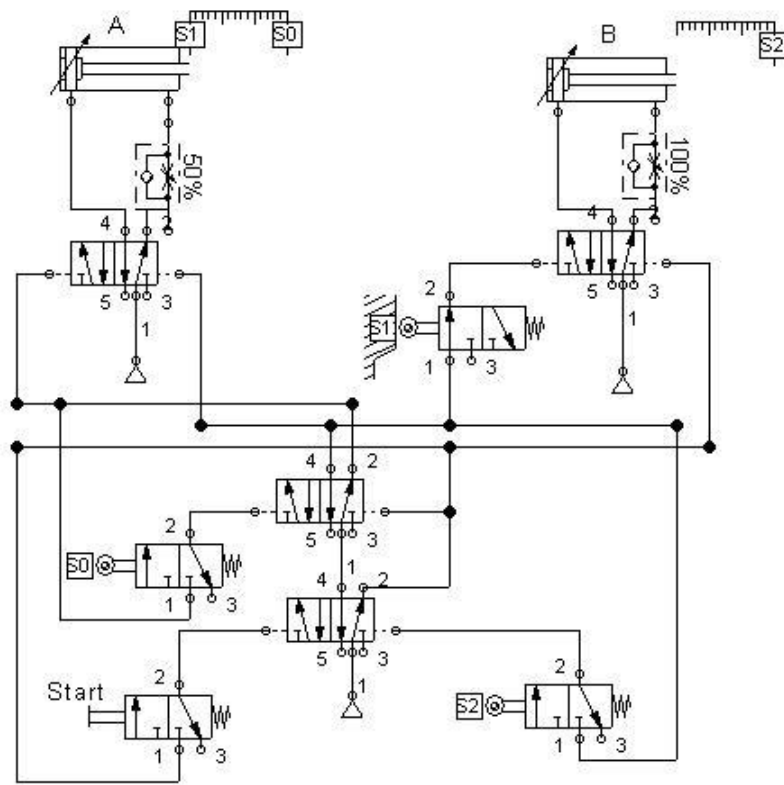


- ABC ✓ A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều
B. Công tắc hành trình tác động chiều ra
C. Công tắc hành trình tác động chiều vào
D. Công tắc hành trình bất kỳ

Câu 10: Theo nguyên lí thay đổi thể tích . ta có :

- ABC ✓ A. Máy nén khí kiểu pittông
B. Kiểu bánh răng
C. Kiểu cánh gạt
D. Cả 3 kiểu trên

Câu 11: Mạch điều khiển trên Hình 3. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :

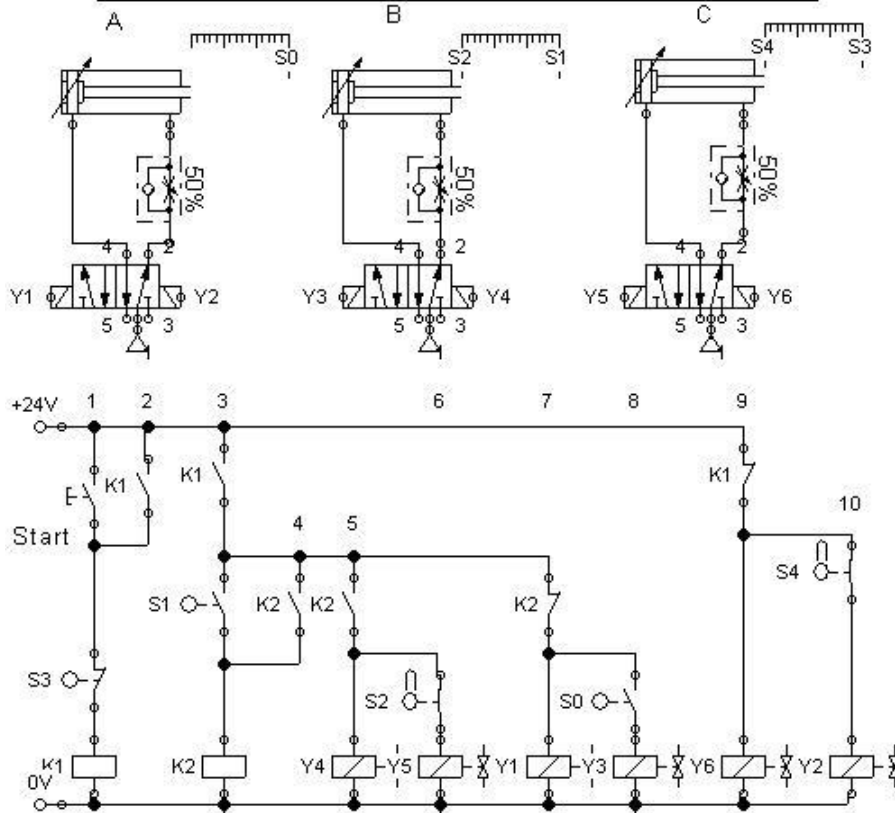


Hình 3 : xy lanh A : 100 mm, xy lanh B : 100 mm

-  A. S0 : 100, S1 : 0, S2 : 100 (mm)
- B. S0 : 100, S1 : 1, S2 : 100 (mm)
- C. S0 : 100, S1 : 100, S2 : 100 (mm)
- D. S0 : 100, S1 : 99, S2 : 100 (mm)

Câu 12: Mạch điều khiển trên Hình 8. Công tắc hành trình nào đang bị tác động

Hình 8: xylanh A : 100 mm, xylanh B : 100 mm, xylanh C : 100 mm

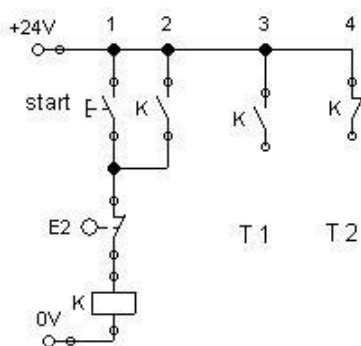


- A. S0 và S3
 B. S1 và S4
 C. S2
 D. S2 và S4

Câu 13: Một ưu điểm của truyền động khí nén :

- A. Lực truyền tải trọng thấp
 B. Có khả năng truyền tải năng lượng đi xa vì tổn thất áp suất trên đường dẫn ít.
 C. Dòng khí nén thoát ra gây tiếng ồn
 D. Thực hiện được các chuyển động thẳng tuyến tính và quay đều.

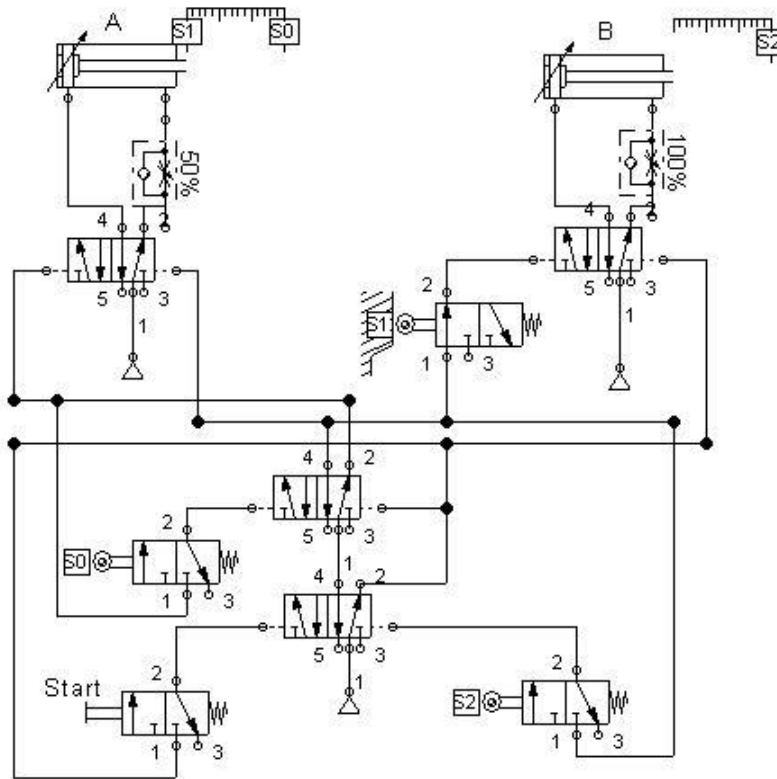
Câu 14: Cho mạch đảo tăng điện khí nén. Công tắc hành trình E2 là



- A. Nguồn T1

- B. Nguồn T2
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- ☒ D. Tín hiệu đảo tầng 2

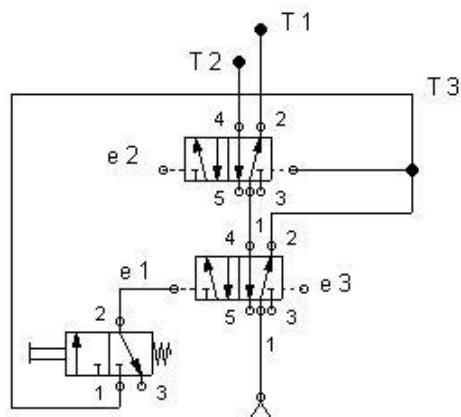
Câu 15: Mạch điều khiển trên Hình 3. Mạch điều khiển mấy tầng.



Hình 3 : xylanh A : 100 mm, xylanh B : 100 mm

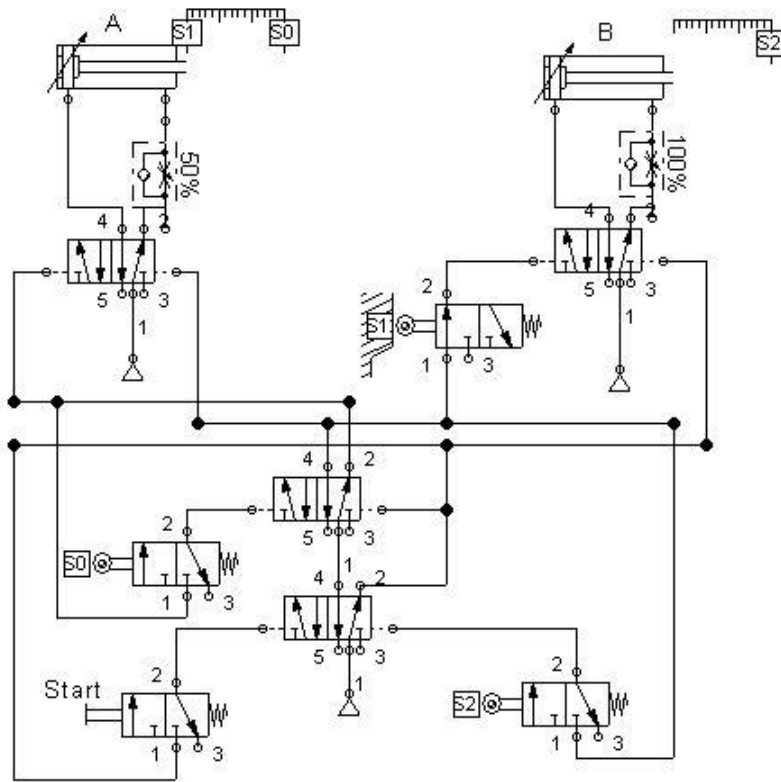
- A. 1 tầng
- B. 2 tầng
- ☒ C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 16: Cho hệ đảo tầng : T3 là



- ☒ A. Nguồn T3
- B. Tín hiệu đảo tầng 3
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 17: Mạch điều khiển trên Hình 3. Công tắc hành trình nào đang bị tác động

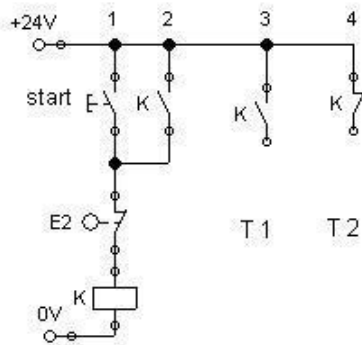


Hình 3 : xy lanh A : 100 mm, xy lanh B : 100 mm

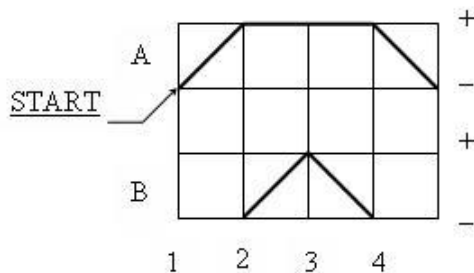
- A. S0
- ☒ B. S1
- C. S2
- D. Tất cả đều sai

Câu 18: Mạch điều khiển trên Hình 6. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là:

- Câu 19: Cho mạch đảo tầng điện khí nén.

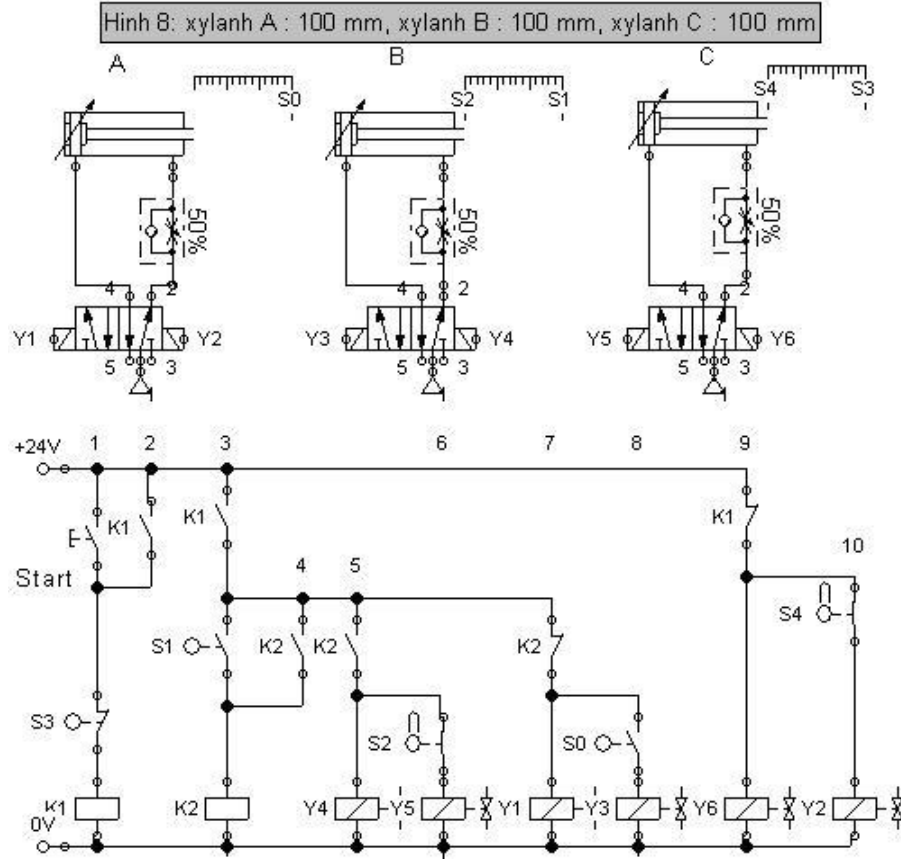


- Câu 20: Cho biểu đồ trạng thái, số tầng của mạch là :



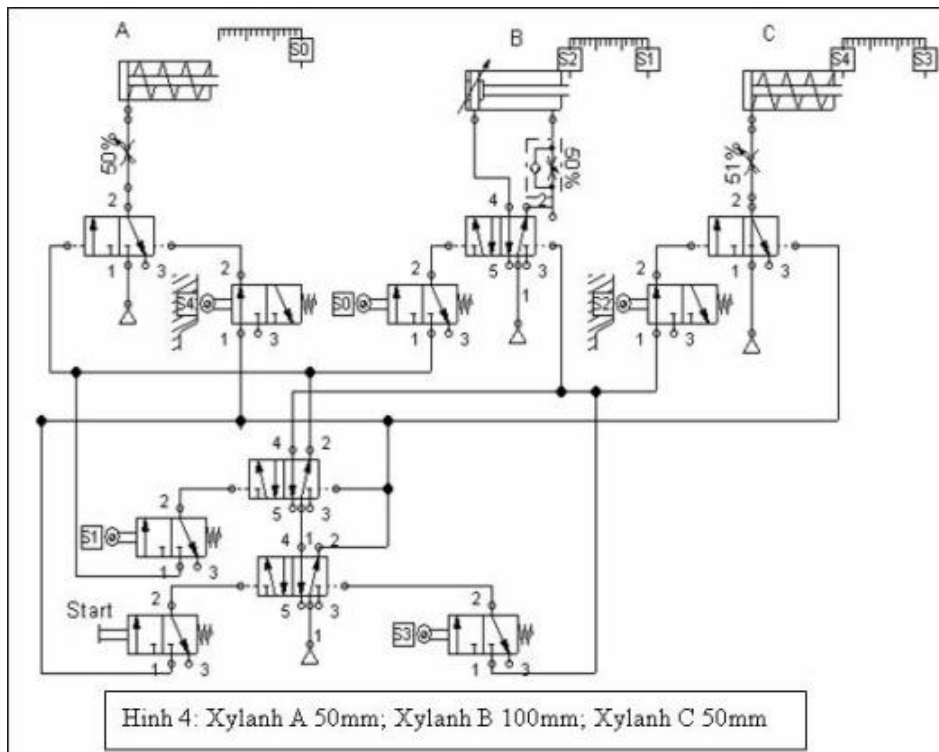
- A. 1 tầng
- ☒ B. 2 tầng
- C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 21: Mạch điều khiển trên Hình 8. Trạng thái hoạt động của mạch là:



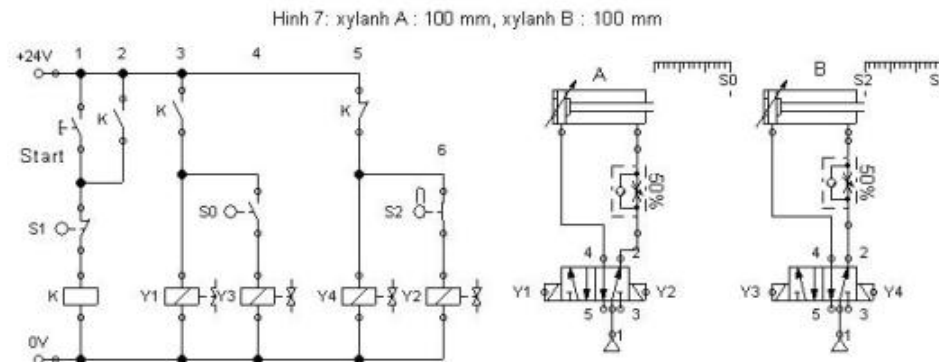
- ☒ A. A+ B+ B- C+ C- A-
- B. A+ B+ B- A- C+ C-
- C. A+ A- B+ B- C+ C-
- D. A+ A- B+ C+ B- C-

Câu 22: Mạch điều khiển trên Hình 4. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là:



- ABC
- A. S0 : 50, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 50, S4 : 0
- B. S0 : 99, S1 : 100, S2 : 1, S3 : 1, S4 : 100
- C. S0 : 49, S1 : 100, S2 : 1, S3 : 1, S4 : 50
- D. S0 : 99, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 0, S4 : 50

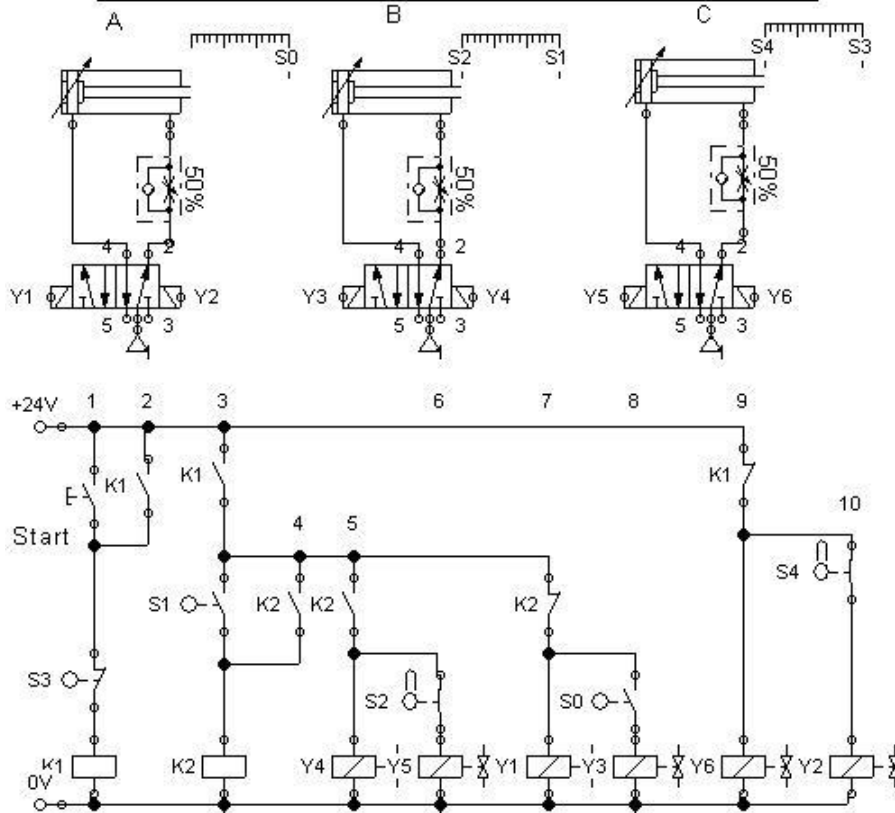
Câu 23: Mạch điều khiển trên Hình 7. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :



- ABC
- A. S0 : 100, S1 : 0, S2 : 100 (mm)
- B. S0 : 100, S1 : 1, S2 : 100 (mm)
- C. S0 : 100, S1 : 100, S2 : 0 (mm)
- D. S0 : 100, S1 : 99, S2 : 100 (mm)

Câu 24: Mạch điều khiển trên Hình 8. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là:

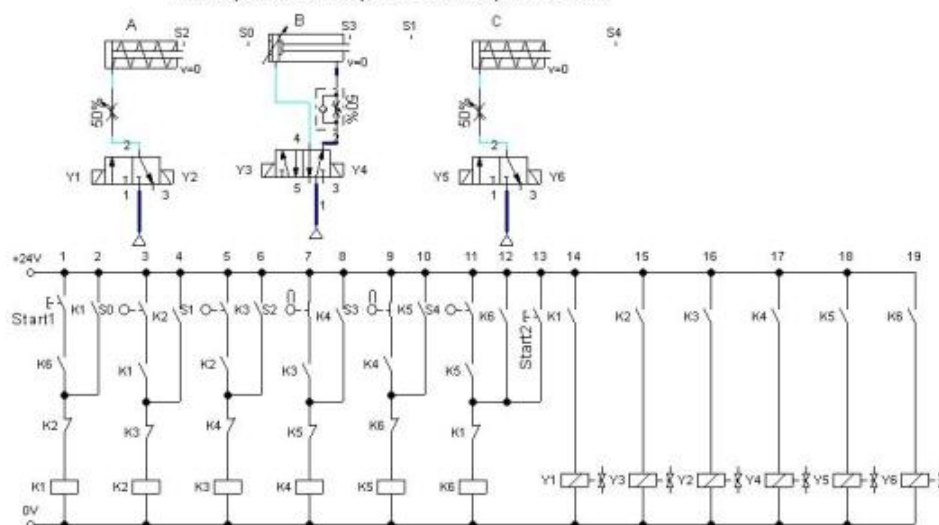
Hình 8: xy lanh A : 100 mm, xy lanh B : 100 mm, xy lanh C : 100 mm



- A. S0 : 50, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 50, S4 : 0
- B. S0 : 100 S1 : 100, S2 : 0, S3 : 100, S4 : 0
- C. S0 : 49, S1 : 100, S2 : 1, S3 : 1, S4 : 50
- D. S0 : 99, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 0, S4 : 50

Câu 25: Mạch điều khiển trên Hình 6. Trạng thái hoạt động của mạch là:

Hình 6 : xy lanh A : 50 mm, xy lanh B : 100 mm, xy lanh C : 50 mm

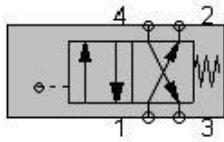


- A. A+ B+ B- C+ C- A-
- B. A+ B+ A- B- C+ C-

C. A+ A- B+ B- C+ C-

D. A+ A- B+ C+ B- C-

Câu 26: Phần tử này là :



A. Van điều khiển 4/2 duy trì.

☒ B. Van điều khiển 4/2 không duy trì

C. Van điều khiển 5/2 duy trì.

D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

Câu 27: Kí hiệu này là :



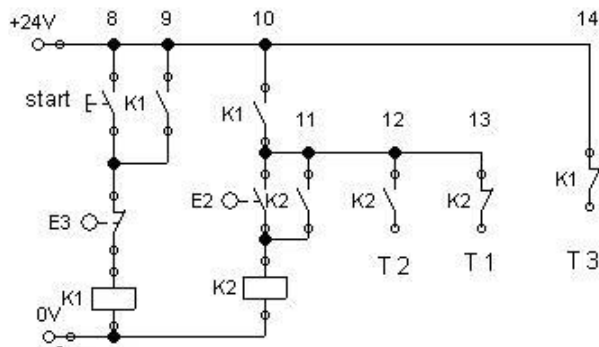
A. Cuộn dây ONDELAY

☒ B. Cuộn dây OFFDELAY

C. Cuộn dây van điện từ

D. Cuộn dây role trung gian

Câu 28: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. Công tắc hành trình E3 là



A. Nguồn T3

☒ B. Tín hiệu đảo tầng 3

C. Tín hiệu đảo tầng 1

D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 29: Trong hệ thống điều khiển, phần tử xử lý tín hiệu là:

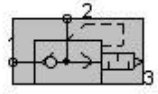
A. Xylanh, động cơ khí nén

B. Nút nhấn, công tắc hành trình, cảm biến

☒ C. Van tiết lưu, van logic OR, AND

D. Van đảo chiều, ly hợp

Câu 30: Phần tử này là:



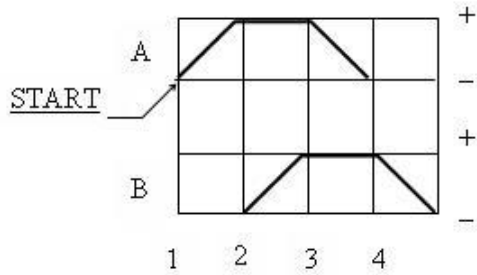
A. Van tiết lưu 1 chiều.

☒ B. Van xả nhanh

C. Van logic OR

D. Van logic AND

Câu 31: Cho biểu đồ trạng thái :
Chọn trạng thái đúng của mạch.



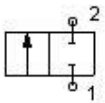
A. $A+B+B-A-$

B. $A+A-B+B-$

☒ C. $A+B+A-B-$

D. $B+A+A-B-$

Câu 32: Phần tử này là :



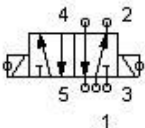
☒ A. 2/2

B. 3/2

C. 4/2

D. 5/2

Câu 33: Phần tử này là :



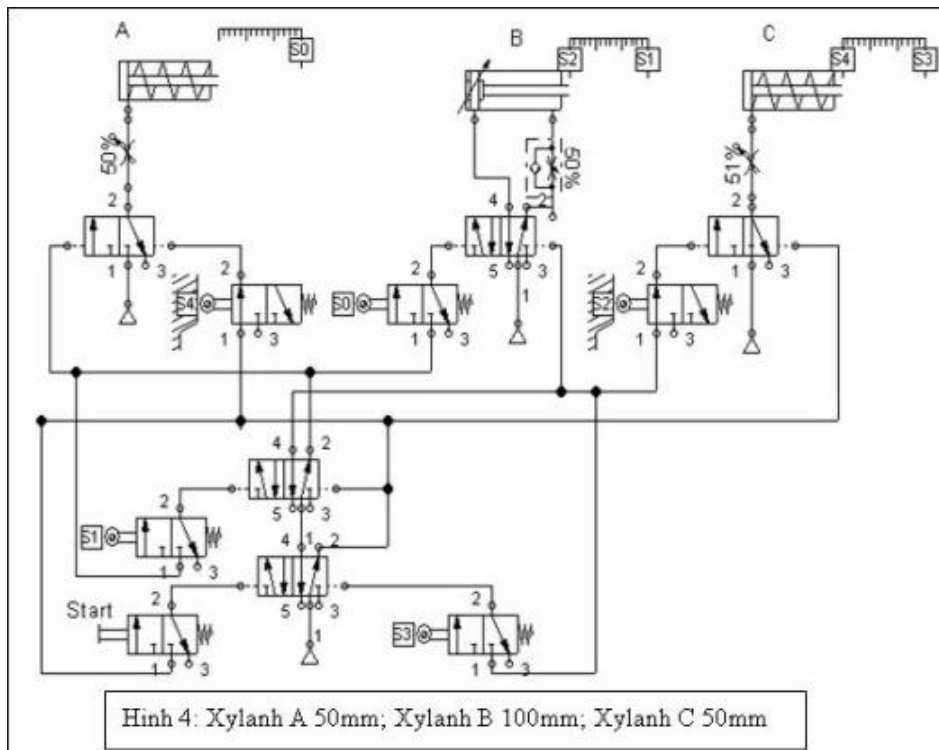
☒ A. Van điện từ 5/2 duy trì.

B. Van điện từ 5/2 không duy trì.

C. Van điện từ 5/3

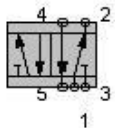
D. Tất cả đều sai.

Câu 34: Mạch điều khiển trên Hình 4. Công tắc hành trình nào đang bị tác động



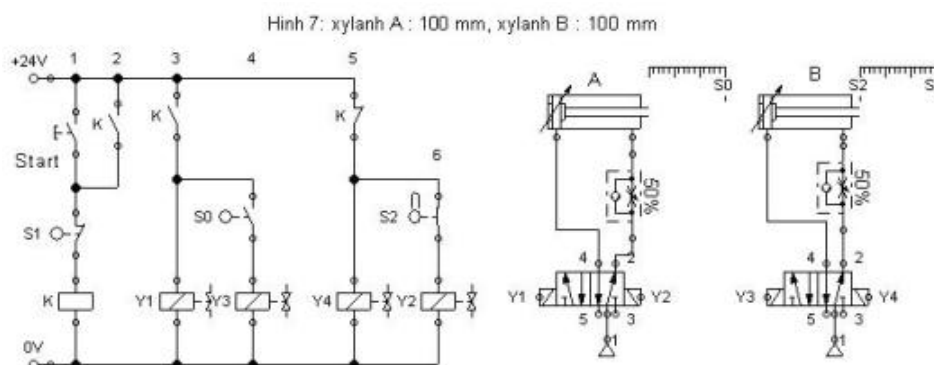
- A. S0 và S3
 B. S1 và S4
 C. S2
 D. S2 và S4

Câu 35: Phần tử này là :



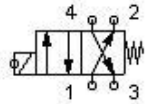
- A. 2/2
 B. 3/2
 C. 4/2
 D. 5/2

Câu 36: Mạch điều khiển trên Hình 7. Mạch điều khiển mấy tầng.



- A. 1 tầng
- ☒ B. 2 tầng
- C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 37: Phần tử này là:

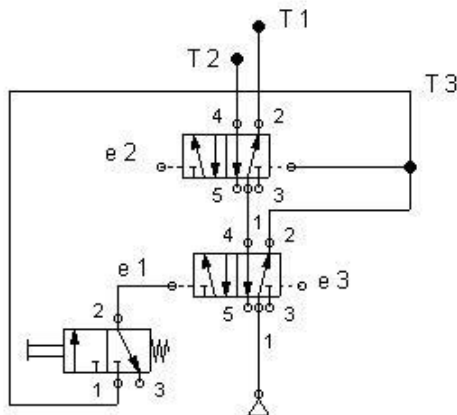


- A. Van điện từ 3/2 duy trì.
- B. Van điện từ 3/2 không duy trì
- C. Van điện từ 4/2 duy trì.
- ☒ D. Van điện từ 4/2 không duy trì

Câu 38: Theo nguyên lí động năng. Ta có :

- ☒ A. Máy nén khí kiểu li tâm
- B. Kiểu pittông
- C. Kiểu bánh răng
- D. Kiểu cánh gạt

Câu 39: Cho hệ đảo tầng : e3 là



- A. Nguồn T3
- ☒ B. Tín hiệu đảo tầng 3
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 40: Trong hệ thống điều khiển, phần tử vào là:

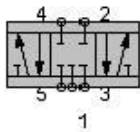
- ☒ A. Nguồn khí, với áp suất 6 – 8 Bar
- B. Nút nhấn, công tắc hành trình, cảm biến
- C. Van tiết lưu, van logic OR, AND
- D. Van đảo chiều, ly hợp

Câu 41: Kí hiệu này là :



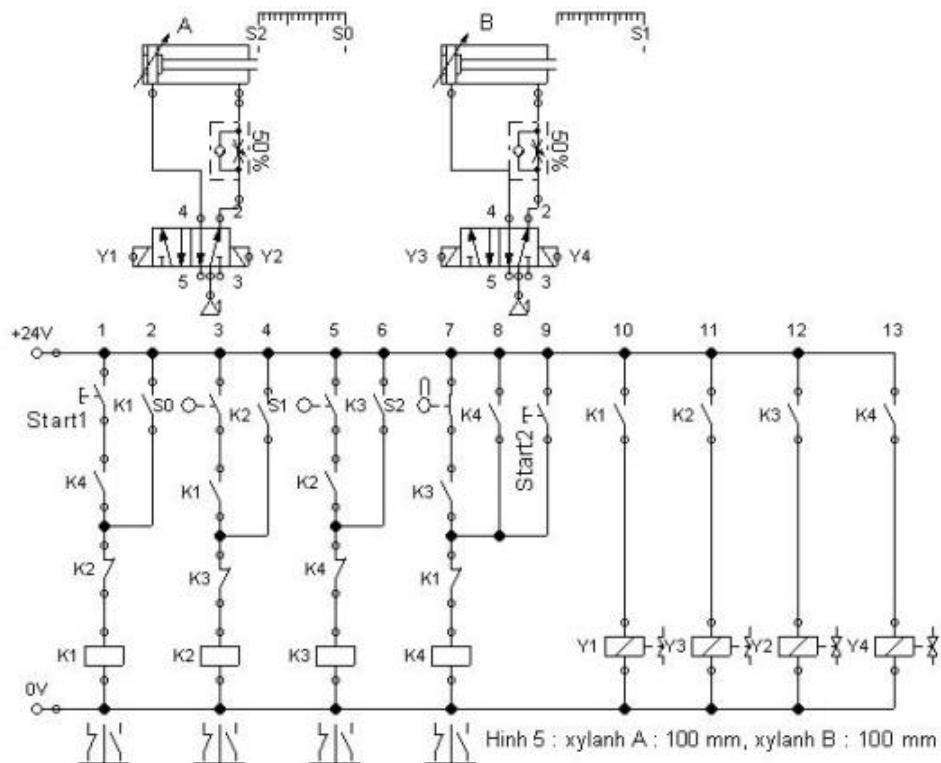
- A. Nút nhấn thường mở.
- B. Nút nhấn thường đóng.
- ☒ C. Nút nhấn gài thường mở.
- D. Nút nhấn gài thường đóng.

Câu 42: Phần tử này là :



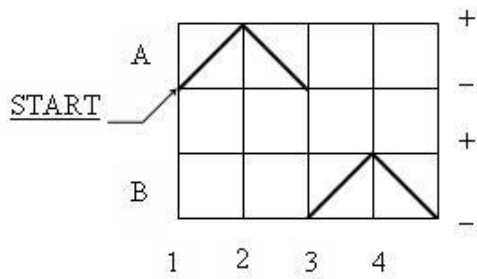
- ☒ A. 5/3
- B. 3/2
- C. 4/2
- D. 5/2

Câu 43: Mạch điều khiển trên Hình 5. Công tắc hành trình nào đang bị tác động



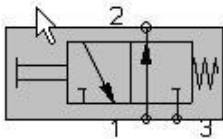
- A. S0
- B. S1
- ☒ C. S2
- D. Tất cả đều sai

Câu 44: Cho biểu đồ trạng thái, số tầng của mạch là :



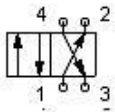
- A. 1 tầng
- B. 2 tầng
- ☒ C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 45: Phần tử này là:



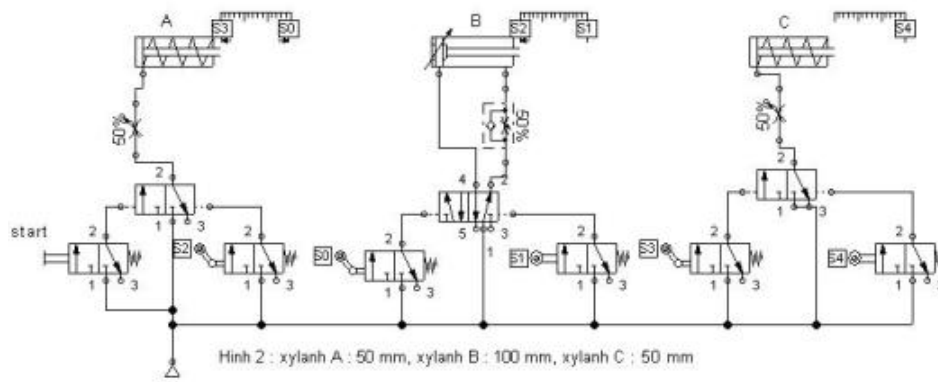
- ☒ A. Nút nhấn 3/2 thường mở
- B. Nút nhấn 3/2 thường đóng
- C. Nút nhấn gài 3/2 thường mở
- D. Nút nhấn gài 3/2 thường đóng

Câu 46: Phần tử này là :



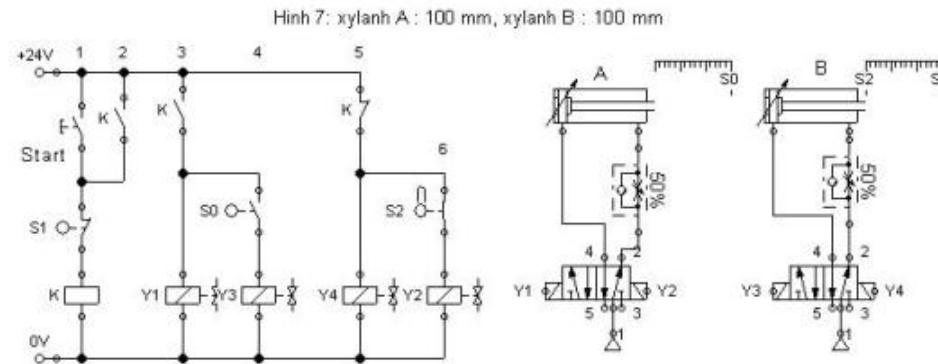
- A. 2/2
- B. 3/2
- ☒ C. 4/2
- D. 5/2

Câu 47: Mạch điều khiển trên Hình 2. Công tắc hành trình một chiều tác động chiều ra là:



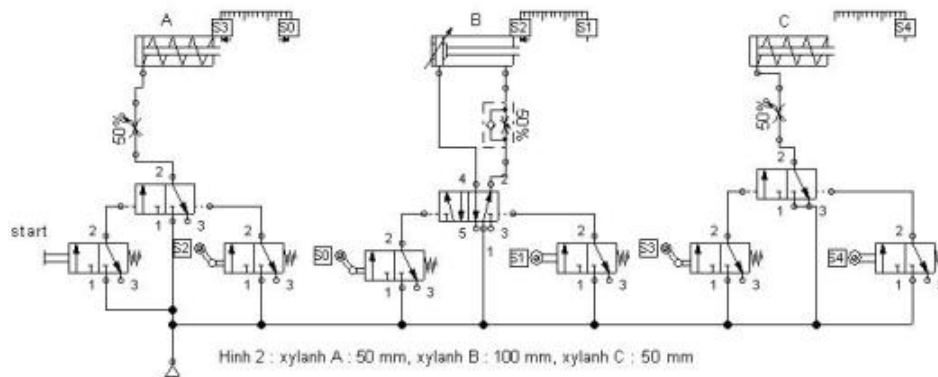
- A. S0, S2 và S3
- B. S1 và S4
- C. S2 và S3
- ☒ D. S0

Câu 48: Mạch điều khiển trên Hình 7. Công tắc hành trình nào đang bị tác động



- A. S0
- B. S1
- ☒ C. S2
- D. Tất cả đều sai

Câu 49: Mạch điều khiển trên Hình 2. Trạng thái hoạt động của mạch là:



- A. A+ B+ B- C+ C- A-
- ☒ B. A+ B+ B- A- C+ C-
- C. A+ A- B+ B- C+ C-

D. A+ A- B+ C+ B- C-

Câu 50: Trong hệ thống điều khiển, cơ cấu chấp hành là:

- ☒ A. Xylanh, động cơ khí nén
- B. Nút nhấn, công tắc hành trình, cảm biến
- C. Van tiết lưu, van logic OR, AND
- D. Van đảo chiều, ly hợp

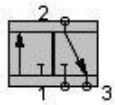
Câu 51: Đơn vị cơ bản của áp suất là Pascal (Pa) :

- ☒ A. $1\text{Pa} = 1 \text{ N/m}^2$
- B. $1\text{Pa} = 10 \text{ N/m}^2$
- C. $1\text{Pa} = 100 \text{ N/m}^2$
- D. $1\text{Pa} = 1000 \text{ N/m}^2$

Câu 52: Hệ thống thiết bị phân phối khí nén gồm:

- A. Máy nén khí
- B. Các bình trích chứa và mạng đường ống dẫn khí.
- C. Thiết bị lọc và van xả
- ☒ D. Tất cả các phần tử trên

Câu 53: Phần tử này là :

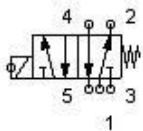


- A. 2/2
- ☒ B. 3/2
- C. 4/2
- D. 5/2

Câu 54: Khí nén được con người sử dụng đầu tiên năm 100 trước công nguyên do:

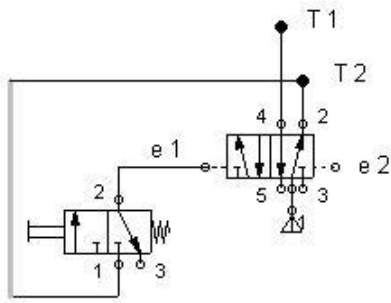
- ☒ A. Người Hy Lạp
- B. Người Đức
- C. Người Trung quốc
- D. Người Mỹ

Câu 55: Phần tử này là :



- A. Van điện từ 5/2 duy trì.
- ☒ B. Van điện từ 5/2 không duy trì.
- C. Van điện từ 5/3
- D. Tất cả đều sai.

Câu 56: Cho hệ đảo tăng : e2 là

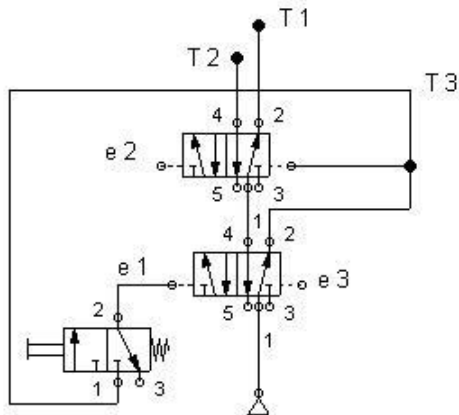


- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- ☒ D. Tín hiệu đảo tầng2

Câu 57: Các phương pháp thiết kế mạch khí nén gồm:

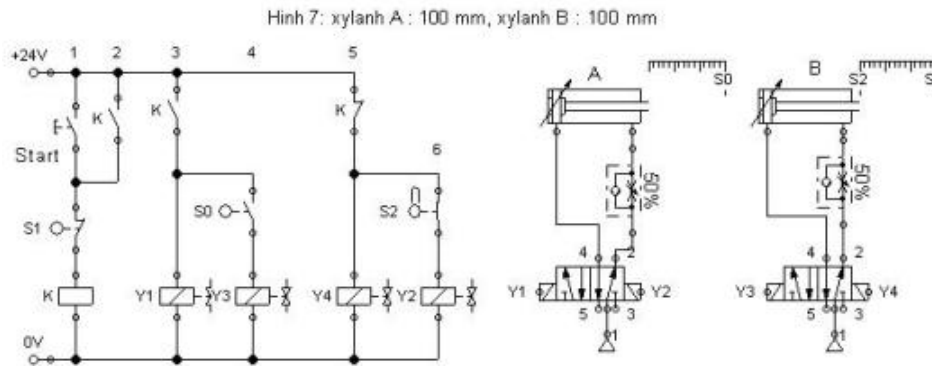
- A. Thiết kế mạch điều khiển theo chu trình.
- B. Thiết kế mạch điều khiển theo nhịp
- C. Thiết kế mạch điều khiển theo tầng.
- ☒ D. Cả 3 phương pháp trên

Câu 58: Cho hệ đảo tầng : e1 là



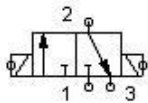
- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- ☒ C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 59: Mạch điều khiển trên Hình 7. Trạng thái hoạt động của mạch là:



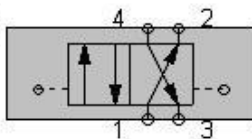
- A. A+ A- B+ B-
- B. A+ B+ B- A-
- C. A+ B+ A- B-
- D. Tất cả đều sai

Câu 60: Phần tử này là:



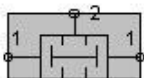
- A. Van điện từ 3/2 duy trì.
- B. Van điện từ 3/2 không duy trì
- C. Van điện từ 4/2 duy trì.
- D. Van điện từ 4/2 không duy trì

Câu 61: Phần tử này là :



- A. Van điều khiển 4/2 duy trì.
- B. Van điều khiển 4/2 không duy trì
- C. Van điều khiển 5/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

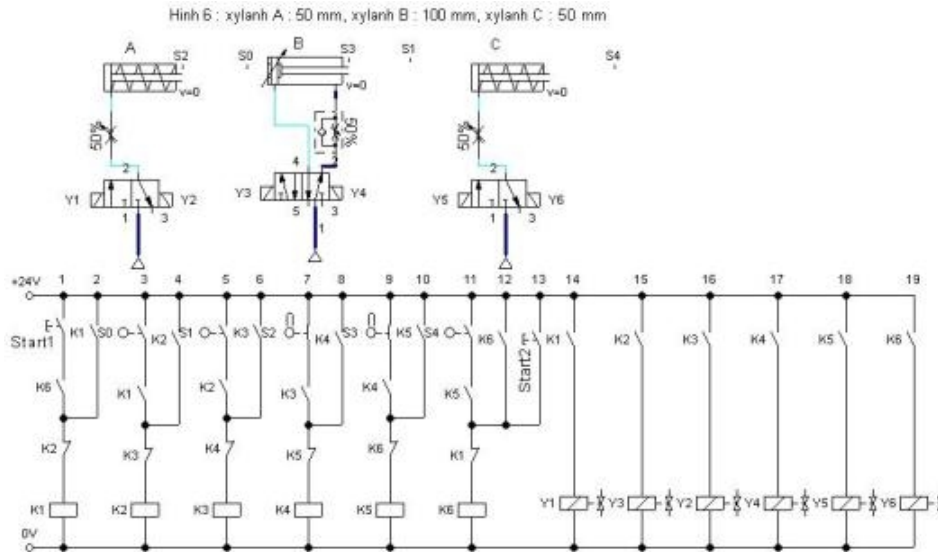
Câu 62: Phần tử này là:



- A. Van tiết lưu 1 chiều.
- B. Van tiết lưu 2 chiều.
- C. Van logic OR

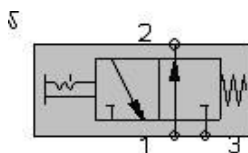
D. Van logic AND

Câu 63: Mạch điều khiển trên Hình 6. Công tắc hành trình nào đang bị tác động



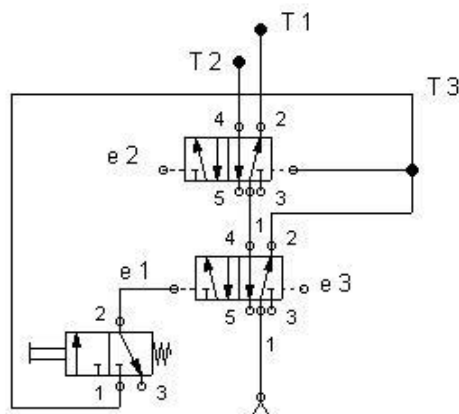
- A. S0, S2 và S3
- B. S1 và S4
- ☒ C. S2 và S3
- D. S0

Câu 64: Phần tử này là:



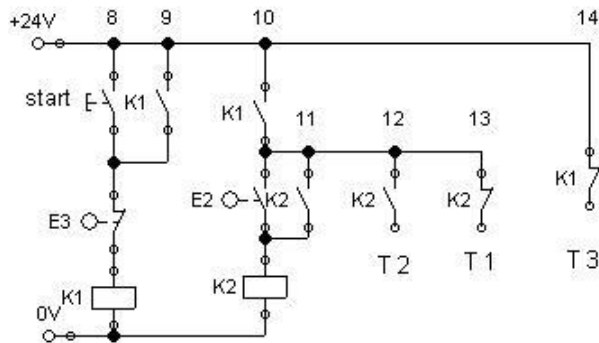
- A. Nút nhấn 3/2 thường mở
- B. Nút nhấn 3/2 thường đóng
- ☒ C. Nút nhấn gài 3/2 thường mở
- D. Nút nhấn gài 3/2 thường đóng

Câu 65: Cho hệ đảo tầng : T1 là



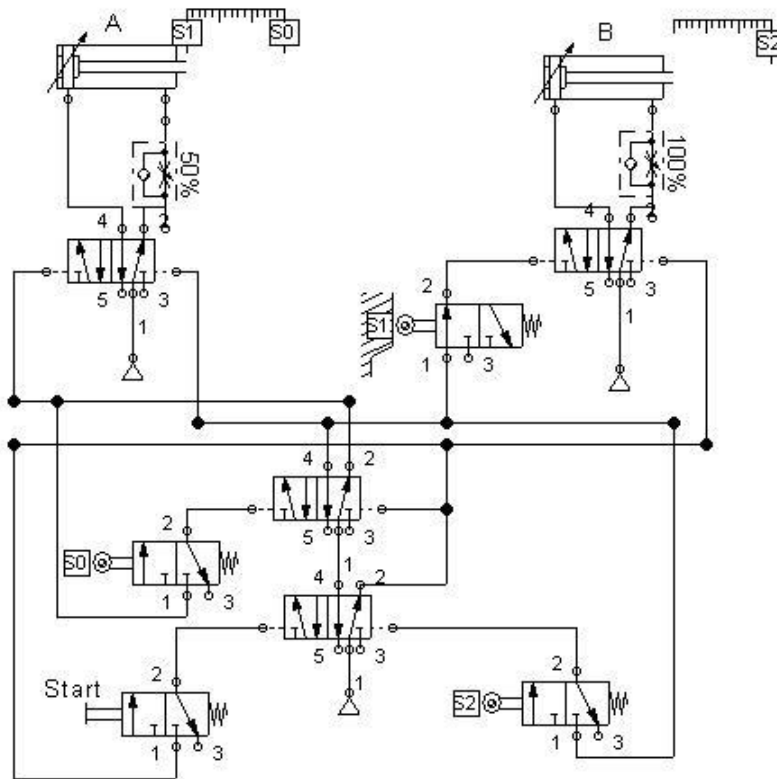
- ☒ A. Nguồn T1
☐ B. Nguồn T2
☐ C. Tín hiệu đảo tầng 1
☐ D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 66: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. T3 là



- ☐ A. Nguồn tầng 2
☒ B. Nguồn tầng 3
☐ C. Tín hiệu đảo tầng 3
☐ D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 67: Mạch điều khiển trên Hình 3. Trạng thái hoạt động của mạch là:

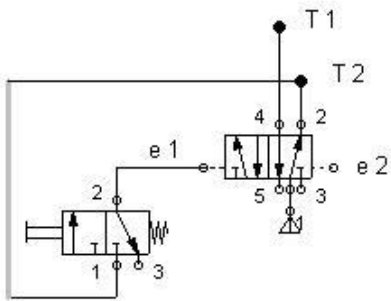


Hình 3 : xylanh A : 100 mm, xylanh B : 100 mm

- ☒ A. A+ A- B+ B-
☐ B. A+ B+ B- A-

- C. A+ B+ A- B-
D. Tất cả đều sai

Câu 68: Cho hệ đảo tầng :

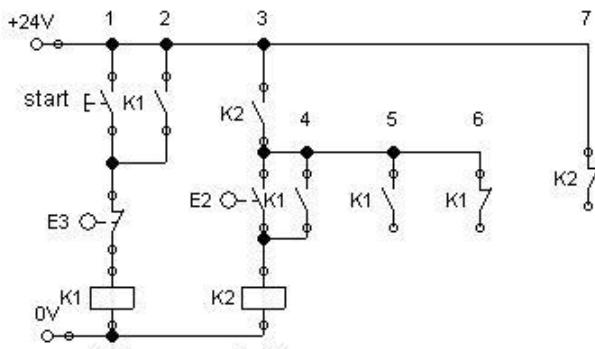


- A. $n = 1$
B. $n = 2$
C. $n = 3$
D. $n = 4$

Câu 69: Cấu tạo bộ lọc gồm các phần tử:

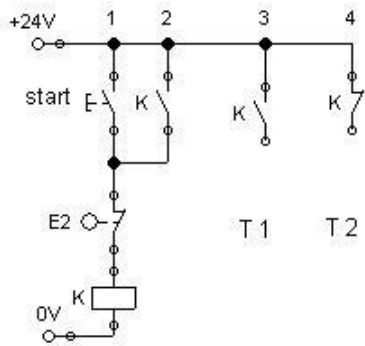
- A. Van lọc
B. Van điều chỉnh áp suất
C. Van tra dầu
D. Cả 3 phần tử trên

Câu 70: Cho mạch đảo tầng điện khí nén 3 tầng.
E3: tín hiệu đảo tầng 3
E2: tín hiệu đảo tầng 2



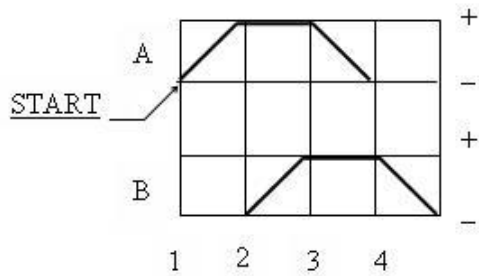
- A. Mạch sai tại T1 – T2
B. Mạch sai tại E1 – E2
C. Mạch sai tại K1 – K2
D. Mạch không sai

Câu 71: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. Nút nhấn Start là



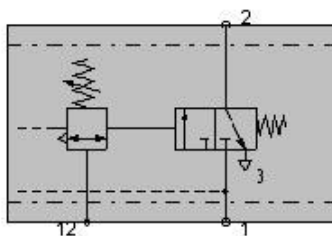
- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- ☒ C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 72: Cho biểu đồ trạng thái, số tầng của mạch là :



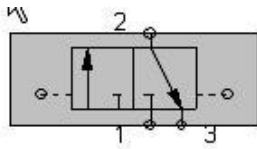
- A. 1 tầng
- ☒ B. 2 tầng
- C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 73: Phần tử này là :



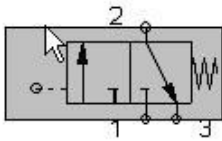
- A. Role thời gian thường đóng.
- B. Role thời gian thường mở.
- ☒ C. Role áp suất
- D. Van điều khiển 5/3

Câu 74: Phần tử này là :



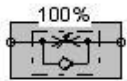
- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- ☒ C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì

Câu 75: Phần tử này là :



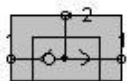
- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- ☒ D. Van điều khiển 3/2 không duy trì

Câu 76: Phần tử này là:



- ☒ A. Van tiết lưu 1 chiều.
- B. Van tiết lưu 2 chiều.
- C. Van logic OR
- D. Van logic AND

Câu 77: Phần tử này là:



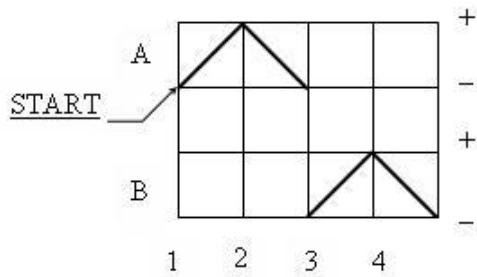
- A. Van tiết lưu 1 chiều.
- B. Van tiết lưu 2 chiều.
- ☒ C. Van logic OR
- D. Van logic AND

Câu 78: Nguyên tắc hoạt động của máy nén khí:

- A. Theo nguyên lí thay đổi thể tích
- B. Theo nguyên lý động năng
- ☒ C. Theo nguyên lý thay đổi thể tích và nguyên lý động năng
- D. Theo nguyên lý khác

Câu 79: Cho biểu đồ trạng thái :

Chọn trạng thái đúng của mạch.



A. A+B+B-A-

☒ B. A+A-B+B-

C. A+B+A-B-

D. B+A+A-B-

Câu 80: Kí hiệu này là :



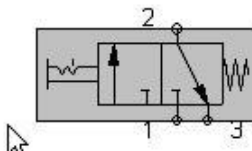
A. Công tắc hành trình thường mở.

☒ B. Công tắc hành trình thường đóng

C. Tiếp điểm role trung gian.

D. Tất cả đều sai.

Câu 81: Phần tử này là:



A. Nút nhấn 3/2 thường mở

B. Nút nhấn 3/2 thường đóng

C. Nút nhấn gài 3/2 thường mở

☒ D. Nút nhấn gài 3/2 thường đóng

Câu 82: Trong thực tế người ta coi quan hệ giữa các đại lượng đo áp suất :

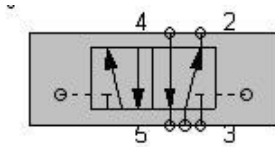
A. $1\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 1\text{MPa}$

☒ B. $100000\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 0,1\text{MPa}$

C. $10\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 1\text{MPa}$

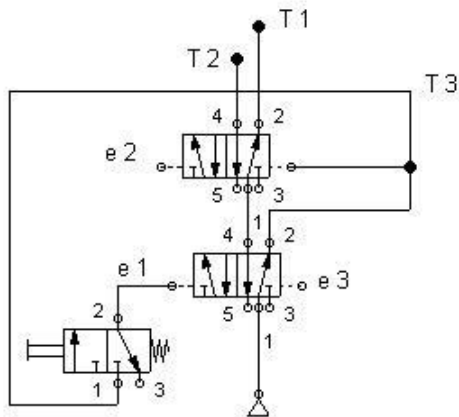
D. $1\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 10\text{MPa}$

Câu 83: Phần tử này là :



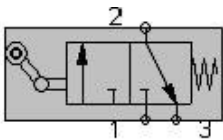
- A. Van điều khiển 4/2 duy trì.
- B. Van điều khiển 4/2 không duy trì
- ☒ C. Van điều khiển 5/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

Câu 84: Cho hệ đảo tầng : e2 là



- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- ☒ D. Tín hiệu đảo tầng 2

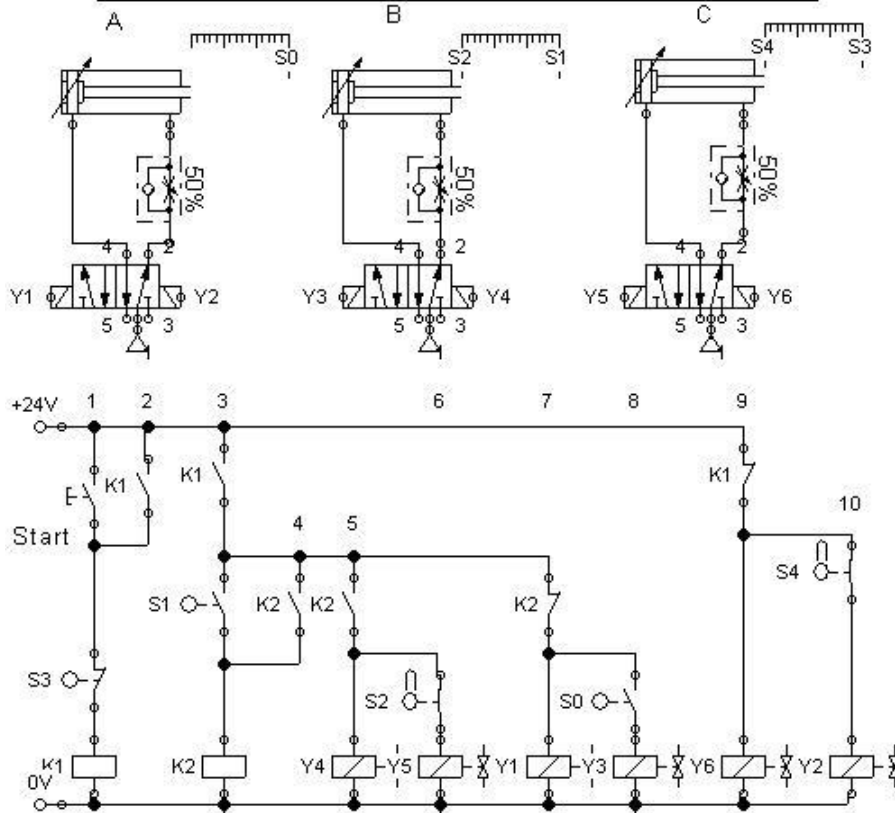
Câu 85: Phần tử này là :



- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- ☒ B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì

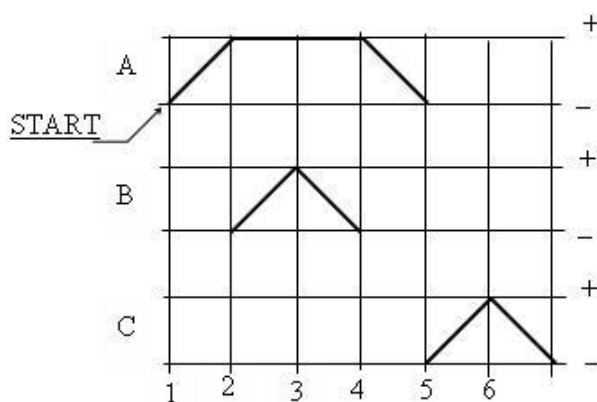
Câu 86: Mạch điều khiển trên Hình 8. Mạch điều khiển mấy tầng.

Hình 8: xylanh A : 100 mm, xylanh B : 100 mm, xylanh C : 100 mm



- A. 1 tầng
- B. 2 tầng
- ☒ C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 87: Cho biểu đồ trạng thái, số tầng của mạch là :



- A. 1 tầng
- B. 2 tầng
- ☒ C. 3 tầng
- D. 4 tầng

Câu 88: Kí hiệu này là :



- A. Công tắc hành trình thường mở.
- B. Công tắc hành trình thường đóng
- ☒ C. Tiếp điểm role trung gian.
- D. Tất cả đều sai.

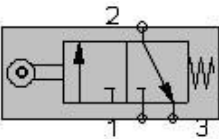
Câu 89: Quan hệ giữa các lượng áp suất :

- A. $PK > PE > PV$
- B. $PV > PE > PK$
- ☒ C. $PE > PK > PV$
- D. $PE = PK = PV$

Câu 90: Khí nén được sử dụng trong các máy móc công nghiệp từ :

- A. Thế kỷ XVI
- B. Thế kỷ XVII
- C. Thế kỷ XVIII
- ☒ D. Thế kỷ XIX

Câu 91: Phần tử này là :

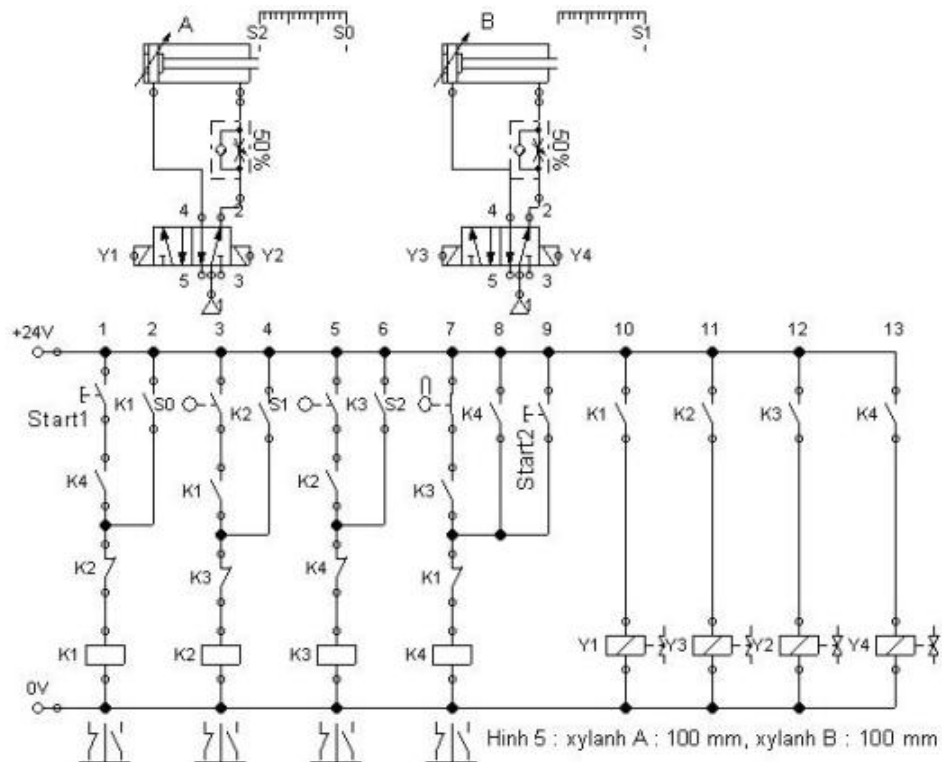


- ☒ A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì

Câu 92: Tác dụng của van lọc

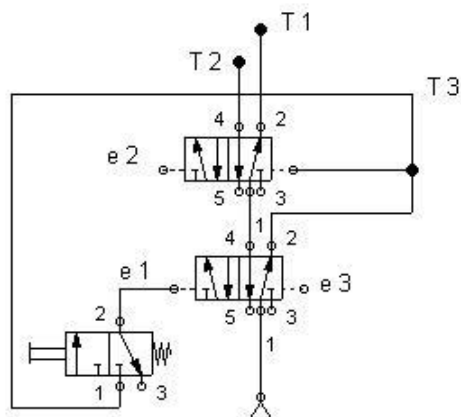
- ☒ A. Tách các thành phần chất bẩn và hơi nước ra khỏi nguồn khí.
- B. Giữ áp suất được điều chỉnh không đổi
- C. Giảm lực ma sát, chống sự ăn mòn của không khí cho các phần tử trong hệ thống
- D. Cả 3 tác dụng trên.

Câu 93: Mạch điều khiển trên Hình 5. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :



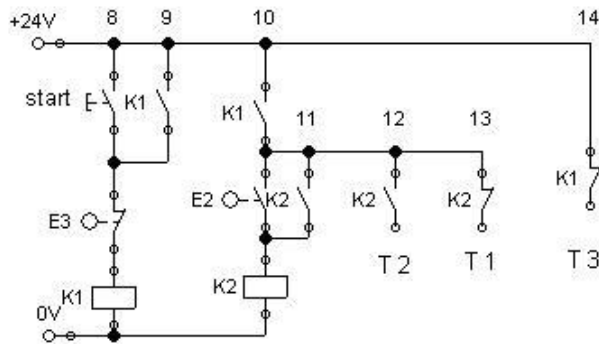
- A. S0 : 100, S1 : 0, S2 : 100 (mm)
- B. S0 : 100, S1 : 1, S2 : 100 (mm)
- C. S0 : 100, S1 : 100, S2 : 0 (mm)
- D. S0 : 100, S1 : 99, S2 : 100 (mm)

Câu 94: Cho hệ đảo tăng :



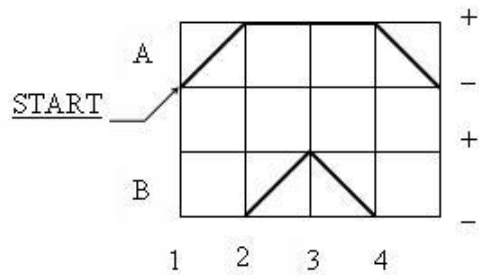
- A. n = 1
- B. n = 2
- C. n = 3
- D. n = 4

Câu 95: Cho mạch đảo tăng điện khí nén. Nút nhấn Start là



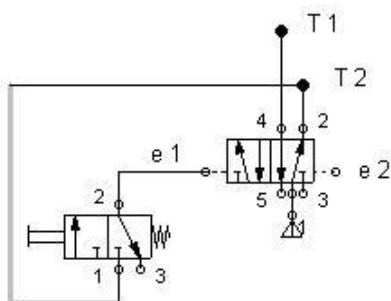
- A. Nguồn T3
- B. Tín hiệu đảo tầng 3
- ☒ C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 96: Cho biểu đồ trạng thái : Chọn trạng thái đúng của mạch.



- ☒ A. A+B+B-A-
- B. A+A-B+B-
- C. A+B+A-B-
- D. B+A+A-B-

Câu 97: Cho hệ đảo tầng : e1 là



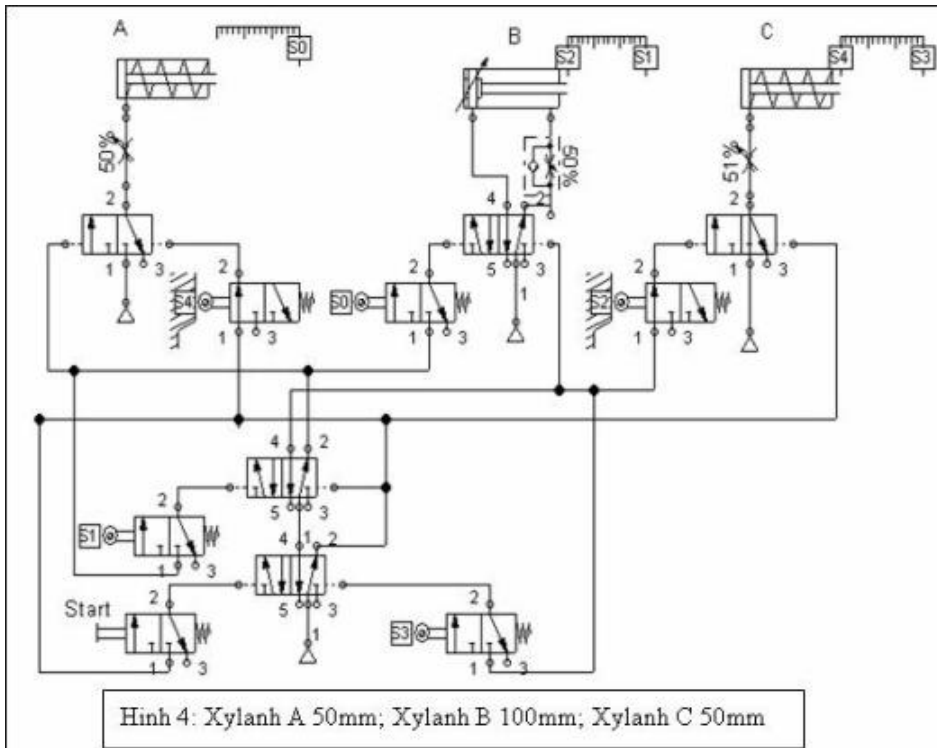
- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- ☒ C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 98: Kí hiệu này là :



- ☒ A. Nút nhấn thường mở.
☐ B. Nút nhấn thường đóng.
☐ C. Nút nhấn gài thường mở.
☐ D. Nút nhấn gài thường đóng

Câu 99: Mạch điều khiển trên Hình 4. Mạch điều khiển mấy tầng.



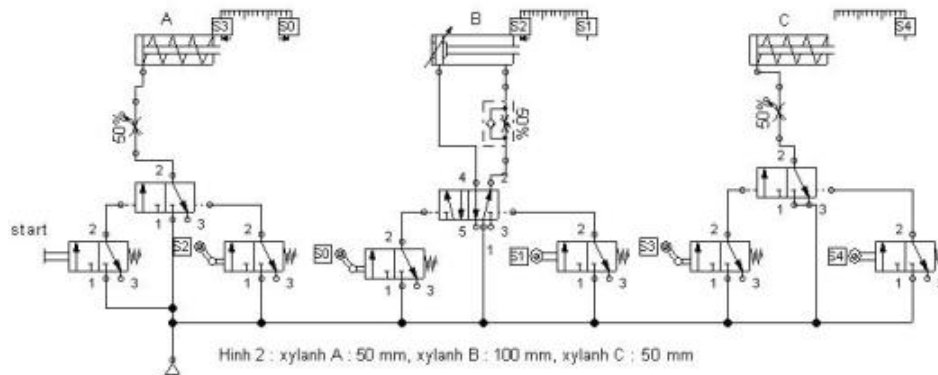
- ☐ A. 1 tầng
☐ B. 2 tầng
☒ C. 3 tầng
☐ D. 4 tầng

Câu 100: Kí hiệu này là :



- ☐ A. Cuộn dây ONDELAY
☐ B. Cuộn dây OFFDELAY
☒ C. Cuộn dây van điện từ
☐ D. Cuộn dây role trung gian

Câu 101: Mạch điều khiển trên Hình 2. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là:



A. S0 : 100, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 0, S4 : 100

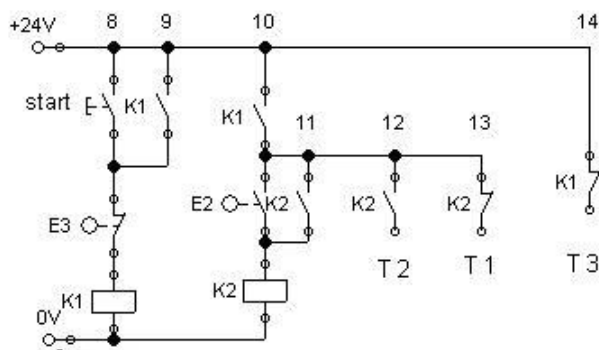
B. S0 : 99, S1 : 100, S2 : 1, S3 : 1, S4 : 100



C. S0 : 49, S1 : 100, S2 : 1, S3 : 1, S4 : 50

D. S0 : 99, S1 : 100, S2 : 0, S3 : 0, S4 : 50

Câu 102: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. Công tắc hành trình E2 là



A. Nguồn T1

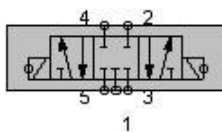
B. Nguồn T2

C. Tín hiệu đảo tầng 1



D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 103: Phần tử này là :



A. Van điện từ 5/2 duy trì.

B. Van điện từ 5/2 không duy trì.



C. Van điện từ 5/3

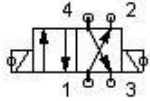
D. Tất cả đều sai.

Câu 104: Phần tử này là:



- A. Van tiết lưu 1 chiều.
- ☒ B. Van tiết lưu 2 chiều.
- C. Van logic OR
- D. Van logic AND

Câu 105: Phần tử này là:



- A. Van điện từ 3/2 duy trì.
- B. Van điện từ 3/2 không duy trì
- ☒ C. Van điện từ 4/2 duy trì.
- D. Van điện từ 4/2 không duy trì

Câu 106: Một nhược điểm của truyền động khí nén :

- A. Có khả năng truyền tải năng lượng đi xa vì tổn thất áp suất trên đường dẫn ít.
- B. Không cần thu hồi khí thải
- C. Chi phí lắp đặt và vận hành thấp
- ☒ D. Không thực hiện được các chuyển động thẳng tuyến tính và quay đều.

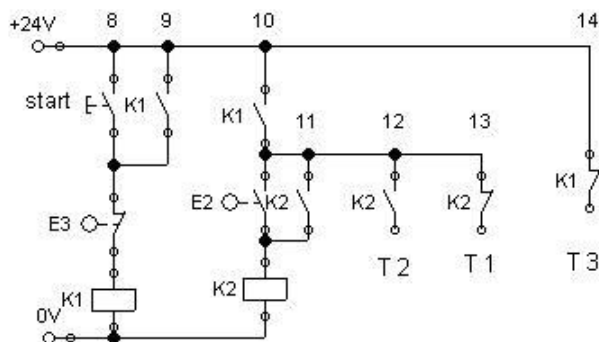
Câu 107: Tác dụng của van tra dầu :

- A. Tách các thành phần chất bẩn và hơi nước ra khỏi nguồn khí.
- B. Giữ áp suất được điều chỉnh không đổi
- ☒ C. Giảm lực ma sát, chống sự ăn mòn của không khí cho các phần tử trong hệ thống
- D. Cả 3 tác dụng trên.

Câu 108: Tác dụng của bộ lọc :

- A. Tách các thành phần chất bẩn và hơi nước ra khỏi nguồn khí.
- B. Giữ áp suất được điều chỉnh không đổi
- C. Giảm lực ma sát, chống sự ăn mòn của không khí cho các phần tử trong hệ thống
- ☒ D. Cả 3 tác dụng trên.

Câu 109: Cho mạch đảo tầng điện khí nén. T2 là





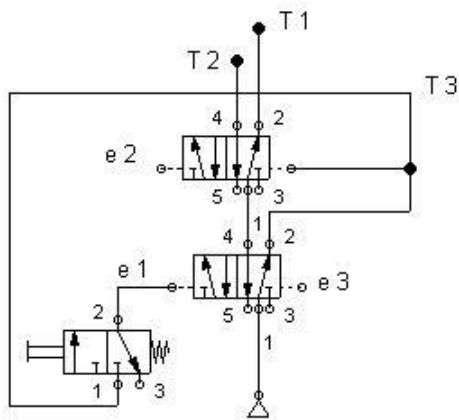
- A. Nguồn tầng 2
- B. Nguồn tầng 3
- C. Tín hiệu đảo tầng 3
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 110: Khả năng ứng dụng của khí nén :



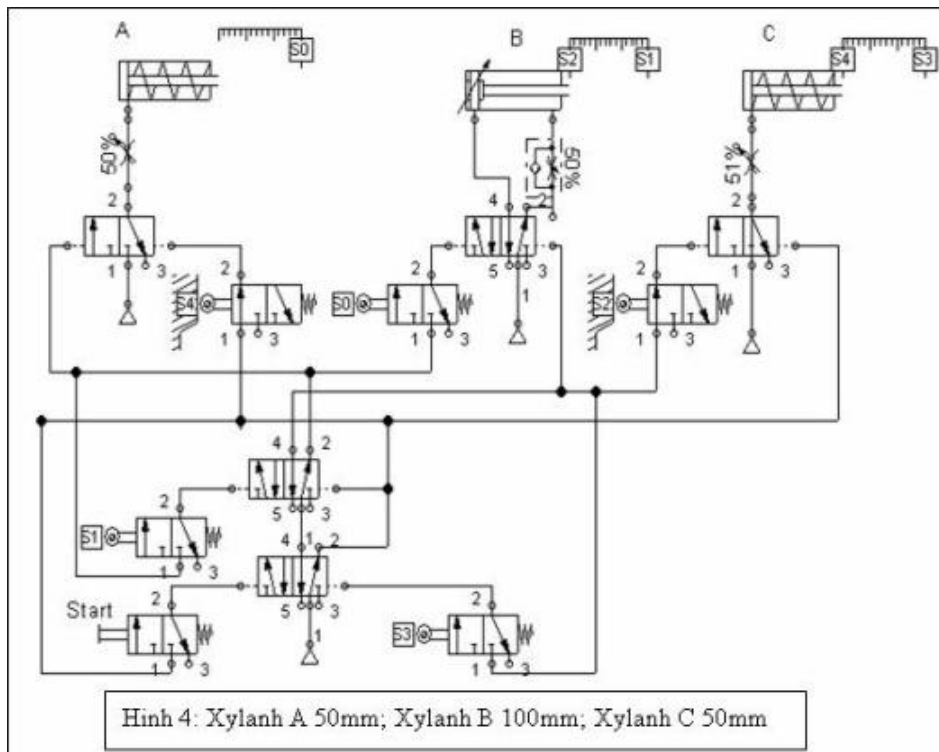
- A. Các dụng cụ thiết bị máy va đập
- B. Truyền động quay
- C. Truyền động thẳng
- D. Tất cả các ứng dụng trên

Câu 111: Cho hệ đảo tầng : T2 là



- A. Nguồn T1
- B. Nguồn T2
- C. Tín hiệu đảo tầng 1
- D. Tín hiệu đảo tầng 2

Câu 112: Mạch điều khiển trên Hình 4. Trạng thái hoạt động của mạch là:



- ☒ A. A+ B+ B- C+ C- A-
- ☐ B. A+ B+ B- A- C+ C-
- ☐ C. A+ A- B+ B- C+ C-
- ☐ D. A+ A- B+ C+ B- C-

Câu 113: Kí hiệu này là :

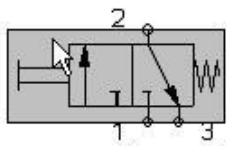


- ☐ A. Nút nhấn thường mở.
- ☐ B. Nút nhấn thường đóng.
- ☐ C. Nút nhấn gài thường mở.
- ☒ D. Nút nhấn gài thường đóng

Câu 114: Tác dụng của van điều chỉnh áp suất :

- ☐ A. Tách các thành phần chất bẩn và hơi nước ra khỏi nguồn khí.
- ☒ B. Giữ áp suất được điều chỉnh không đổi
- ☐ C. Giảm lực ma sát, chống sự ăn mòn của không khí cho các phần tử trong hệ thống
- ☐ D. Cả 3 tác dụng trên.

Câu 115: Phần tử này là:



- ABC ✓

ABIG ✓

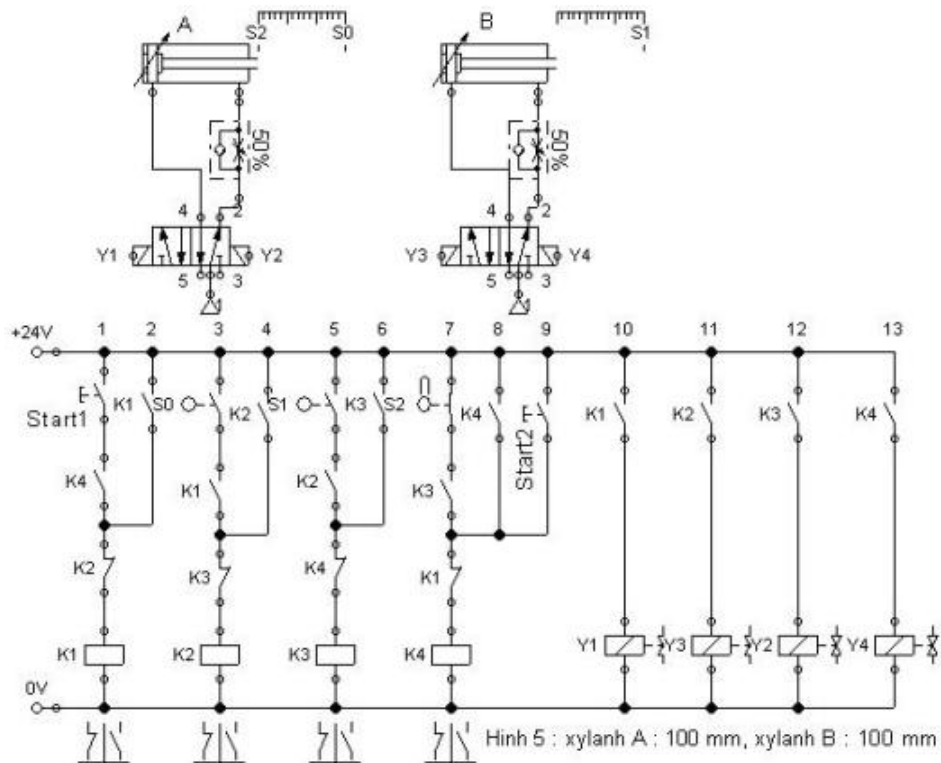
- ABC ✓

- 

- ## Hệ thống khảo thí CTS

 D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

Câu 120: Mạch điều khiển trên Hình 5. Trạng thái hoạt động của mạch là:



A. A+ A- B+ B-

B. A+ B+ B- A-

 C. A+ B+ A- B-

D. Tất cả đều sai

Câu 121: Trong hệ thống điều khiển, phần tử đưa tín hiệu vào là:

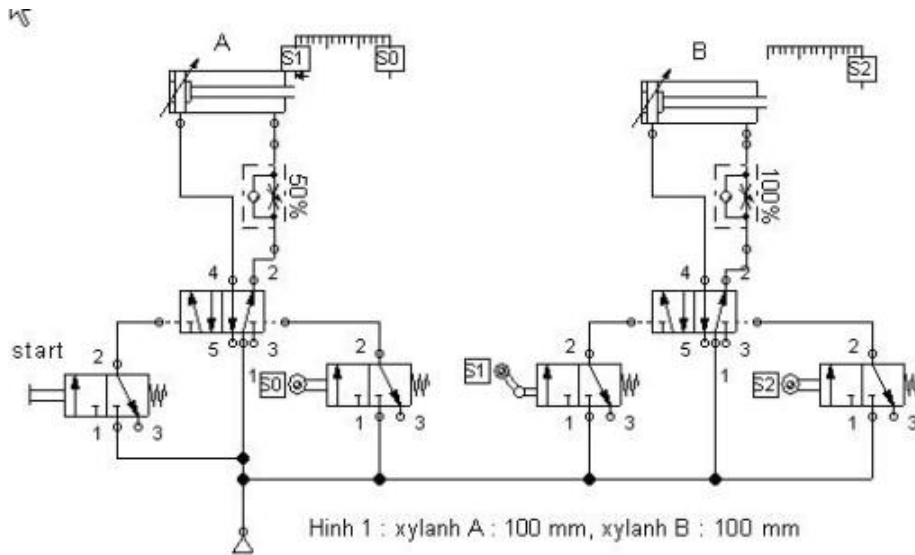
A. Xylanh, động cơ khí nén

 B. Nút nhấn, công tắc hành trình, cảm biến

C. Van tiết lưu, van logic OR, AND

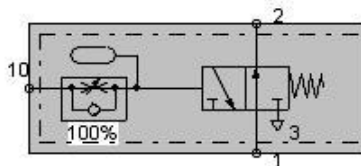
D. Van đảo chiều, ly hợp

Câu 122: Mạch điều khiển trên Hình 1. Trạng thái hoạt động của mạch là:



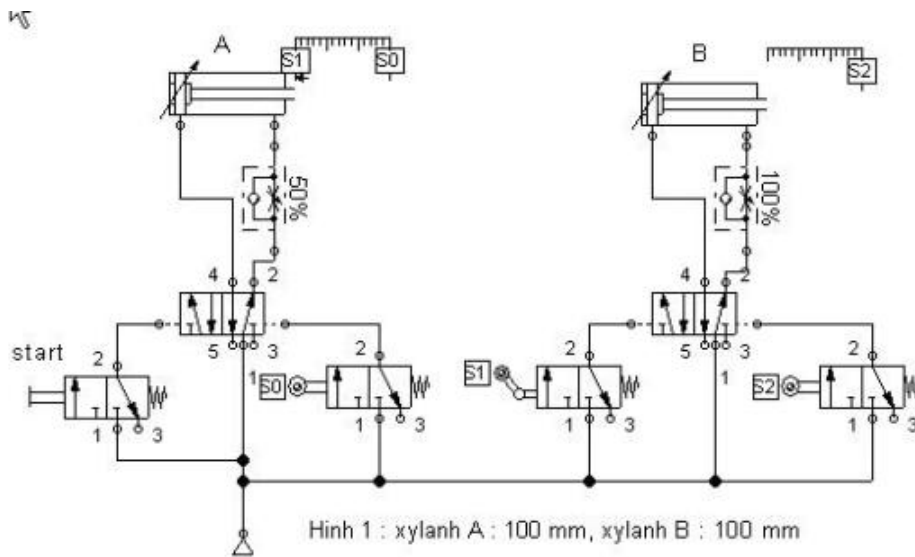
- A. A+ A- B+ B-
 B. A+ B+ B- A-
 C. A+ B+ A- B-
 D. Tất cả đều sai

Câu 123: Phần tử này là :



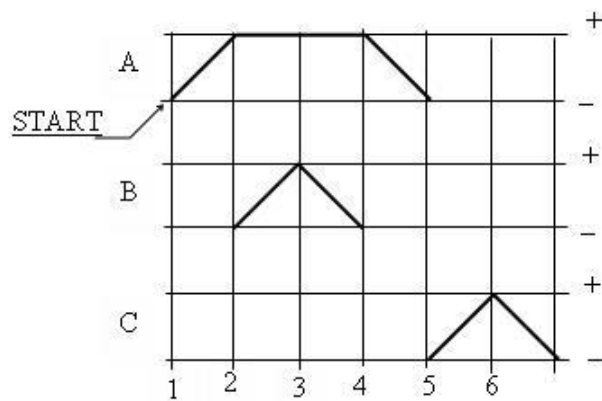
- A. Role thời gian thường đóng.
 B. Role thời gian thường mở.
 C. Van điều khiển 5/3
 D. Role áp suất

Câu 124: Mạch điều khiển trên Hình 1. Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :



- A. S0 : 100, S1 : 0, S2 : 100 (mm)
- B. S0 : 100, S1 : 1, S2 : 100 (mm)
- C. S0 : 100, S1 : 100, S2 : 100 (mm)
- D. S0 : 100, S1 : 99, S2 : 100 (mm)

Câu 125: Cho biểu đồ trạng thái :
Chọn trạng thái đúng của mạch.



- A. A+B-B-A-C+C-
- B. A+A-B+B-C+C-
- C. A+B+A-B-C+C-
- D. B+A+A-B-C+C-

Câu 126: Trong hệ đo lường SI, 1N (Niuton) :

- A. 1N = 1kg*m/s²
- B. 1N = 1kg*m/s
- C. 1N = 1kg*m²/s²
- D. 1N = 1kg*m²/s

Câu 127: Đơn vị đo lưu lượng Q:

- A. m/s

B. m/s^2

 C. m^3/s

D. m^3/s^2

Câu 128: Đơn vị đo áp suất : at (atmophe)

A. kg/cm

B. kg/cm^2

C. kp/cm

 D. kp/cm^2

Câu 129: Đơn vị đo áp suất : Pa (Pascal)

A. $1\text{Pa} = 1\text{N/m}$

 B. $1\text{Pa} = 1\text{N/m}^2$

C. $1\text{Pa} = 1\text{N/cm}$

D. $1\text{Pa} = 1\text{N/cm}^2$

Câu 130: Đơn vị đo áp suất : Bar (Bar)

A. $1\text{bar} = 105 \text{ N/m}$

 B. $1\text{bar} = 105 \text{ N/m}^2$

C. $1\text{bar} = 105 \text{ N/cm}$

D. $1\text{bar} = 105 \text{ N/cm}^2$

Câu 131: Khối lượng 1kg:

 A. $1\text{kg} = 1/9,81 \text{ (kp*s}^2/\text{m)}$

B. $1\text{kg} = 1/9,81 \text{ (kp*s}^2/\text{m}^2)$

C. $1\text{kg} = 1/0,981 \text{ (kp*s}^2/\text{m)}$

D. $1\text{kg} = 1/0,981 \text{ (kp*s}^2/\text{m}^2)$

Câu 132: Lực 1 kp:

 A. $1\text{kp} = 9,81 \text{ (N)}$

B. $1\text{kp} = 0,981 \text{ (N)}$

C. $1\text{kp} = 9,81 * 10^3 \text{ (N)}$

D. $1\text{kp} = 0,981 * 10^3 \text{ (N)}$

Câu 133: Nhiệt độ 0°C

 A. $0^\circ\text{C} = 273 \text{ K}$

B. $0^\circ\text{C} = 173 \text{ K}$

C. $0^\circ\text{C} = 373 \text{ K}$

D. $0^\circ\text{C} = 473 \text{ K}$

Câu 134: Chênh lệch nhiệt độ 1°C :

A. $1^\circ\text{C} = 273 \text{ K}$

 B. $0^\circ\text{C} = 1 \text{ K}$

C. $0^\circ\text{C} = 10 \text{ K}$

D. $0^\circ\text{C} = 100 \text{ K}$

Câu 135: Quan hệ giữa 2 đơn vị đo áp suất :

A. $1\text{bar} = 1,02 \text{ at}$



- B. $1\text{bar} = 1,2\text{ at}$
- C. $1\text{bar} = 1,02\text{ atm}$
- D. $1\text{bar} = 1,2\text{ atm}$

Câu 136: Quan hệ giữa 2 đơn vị đo áp suất :



- A. $1\text{ at} = 0,981\text{ bar}$
- B. $1\text{ at} = 0,834\text{ bar}$
- C. $1\text{ atm} = 0,981\text{ bar}$
- D. $1\text{ atm} = 0,834\text{ bar}$

Câu 137: Quan hệ giữa 2 đơn vị đo áp suất :



- A. $1\text{bar} = 750\text{ mm Hg}$
- B. $1\text{bar} = 736\text{ mm Hg}$
- C. $1\text{bar} = 700\text{ mm Hg}$
- D. $1\text{bar} = 636\text{ mm Hg}$

Câu 138: Quan hệ giữa 2 đơn vị đo áp suất :



- A. $1\text{ at} = 736\text{ mm Hg}$
- B. $1\text{ at} = 750\text{ mm Hg}$
- C. $1\text{ atm} = 736\text{ mm Hg}$
- D. $1\text{ atm} = 750\text{ mm Hg}$

Câu 139: Áp suất không khí có đặc điểm :



- A. Là hằng số.
- B. Thay đổi theo khu vực địa lý và thời tiết
- C. Thay đổi theo thời gian
- D. Thay đổi theo mùa

Câu 140: Trong thực tế các đồng hồ áp suất chỉ :



- A. Áp suất tuyệt đối
- B. Áp suất dư
- C. Áp suất chân không
- D. Chân không tuyệt đối

Câu 141: Một bình chứa khí có $V_1 = 1\text{ m}^3$, $P_1 = \text{bar}$. Khi nén xuống thể tích $V_2 = 0,5\text{ m}^3$, áp suất trong bình khi đó là :



- A. $P_2 = 1\text{ bar}$
- B. $P_2 = 1,2\text{ bar}$
- C. $P_2 = 2\text{ bar}$
- D. $P_2 = 2,1\text{ bar}$

Câu 142: : Một bình chứa khí có $V_1 = 1\text{ m}^3$, $P_1 = \text{bar}$. Khi nén xuống thể tích $V_2 = 0,05\text{ m}^3$, áp suất trong bình khi đó là :



- A. $P_2 = 1\text{ bar}$
- B. $P_2 = 10\text{ bar}$
- C. $P_2 = 2\text{ bar}$
- D. $P_2 = 20\text{ bar}$

Câu 143: : Quan hệ giữa thể tích và áp suất ở nhiệt độ không đổi :

-  A. $P_1 \cdot V_1 = P_2 \cdot V_2$
- B. $P_1 + V_1 = P_2 + V_2$
- C. $P_1/V_1 = P_2/V_2$
- D. $P_1 - V_1 = P_2 - V_2$

Câu 144: Quan hệ giữa thể tích và nhiệt độ ở áp suất không đổi :

-  A. $T_1 \cdot V_1 = T_2 \cdot V_2$
- B. $T_1 + V_1 = T_2 + V_2$
- C. $V_1/V_2 = T_1/T_2$
- D. $T_1 - T_2 = V_1 - V_2$

Câu 145: Một bình chứa khí có $V_1 = 0,8 \text{ m}^3$, Ở nhiệt độ $T_1 = 293 \text{ K}$. Khi bị đốt nóng tới $T_2 = 344 \text{ K}$. Hỏi thể tích trong bình khi đó là ?

- A. $V_2 = 0,15 \text{ m}^3$
-  B. $V_2 = 0,95 \text{ m}^3$
- C. $V_2 = 0,9 \text{ m}^3$
- D. $V_2 = 0,85 \text{ m}^3$

Câu 146: Một bình chứa khí có $V_1 = 0,8 \text{ m}^3$, Ở nhiệt độ $T_1 = 293 \text{ K}$. Khi bị đốt nóng tới $T_2 = 344 \text{ K}$. Hỏi thể tích trong bình khi đó nở thêm là ?

-  A. $V = 0,15 \text{ m}^3$
- B. $V = 0,95 \text{ m}^3$
- C. $V = 0,9 \text{ m}^3$
- D. $V = 0,85 \text{ m}^3$

Câu 147: Theo tiêu chuẩn, cho phép độ sụt áp giữa bình chứa khí và nơi sử dụng không được vượt quá :

-  A. 0,1 bar
- B. 0,2bar
- C. 0,3 bar
- D. 0,5 bar

Câu 148: Công thức tính lực tác động của pittông theo lý thuyết . F lực lý thuyết (N), A diện tích hữu ích của pittông (m^2) , P áp suất tác động (Pa), η hiệu suất

- A. $F = A/P \cdot \eta$
-  B. $F = A \cdot P \cdot \eta$
- C. $F = A^2/P \cdot \eta$
- D. $F = A^2 \cdot P \cdot \eta$

Câu 149: Trong các xy lanh tiêu chuẩn tốc độ chuyển động trung bình là :

-  A. 0,1 – 1,5 m/s
- B. 1,5 – 2,5 m/s
- C. 2,5 – 3,5 m/s
- D. 3,5 – 5 m/s

Câu 150: Các xy lanh đặc biệt tốc độ chuyển động có thể đạt tới :

- A. 5 m/s
- B. 7,5 m/s
-  C. 10 m/s

D. 12,5 m/s

Câu 151: Động cơ khí nén loại pistong được chế tạo trong giải công suất :



- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 152: Động cơ khí nén loại cánh gạt được chế tạo trong giải công suất :



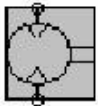
- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 153: Động cơ khí nén loại bánh răng được chế tạo trong giải công suất :



- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 154: Phần tử này là :



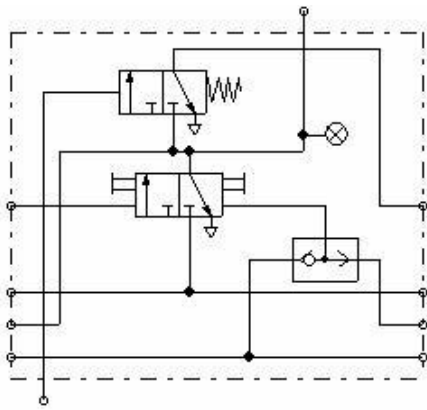
- A. Nguồn khí nén
- B. Bộ lọc
- C. Động cơ khí nén
- D. Bộ xử lý khí nén

Câu 155: Phần tử này là :



- A. Nguồn khí nén.
- B. Động cơ khí nén có góc quay giới hạn.
- C. Động cơ khí nén.
- D. Bộ xử lý khí nén.

Câu 156: Phần tử này là :



A. Mạch điều khiển theo nhịp

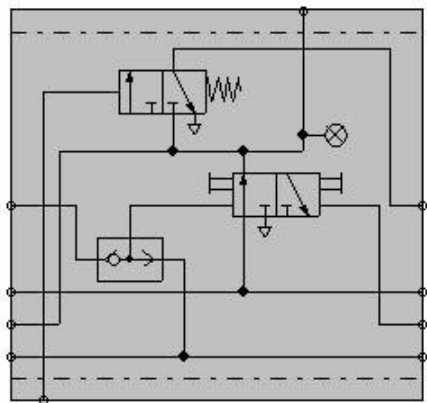


B. Modul TAA

C. Modul TAB

D. Bộ xử lý theo nhịp

Câu 157: Phần tử này là :



A. Mạch điều khiển theo nhịp

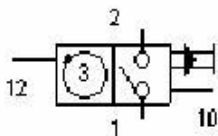
B. Modul TAA



C. Modul TAB

D. Bộ xử lý theo nhịp

Câu 158: Phần tử này là :



A. Role áp suất

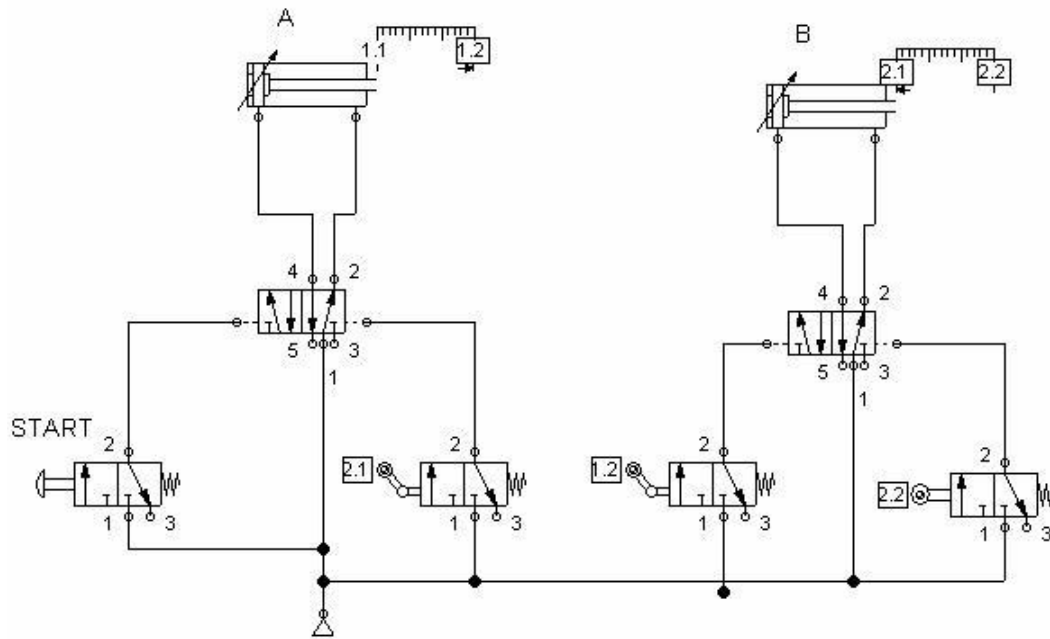
B. Role thời gian



C. Counter khí

D. Counter điện

Câu 159: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



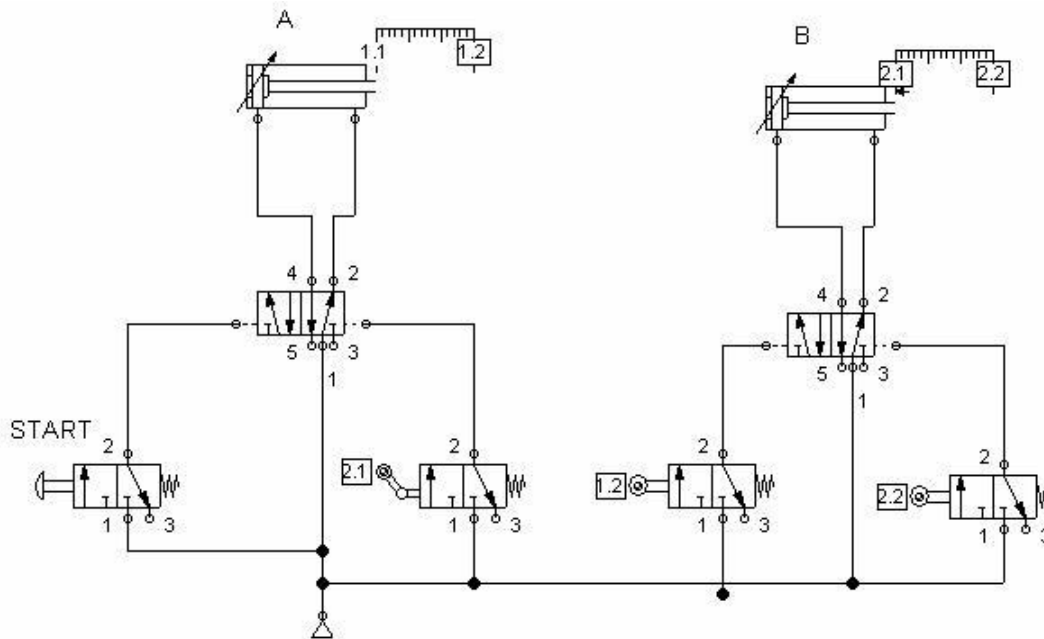
A. Mạch không hoạt động

☒ B. A+B+B-A-

C. A+A-B+B-

D. A+B+A-B-

Câu 160: Cho yêu cầu hoạt động A+B+B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



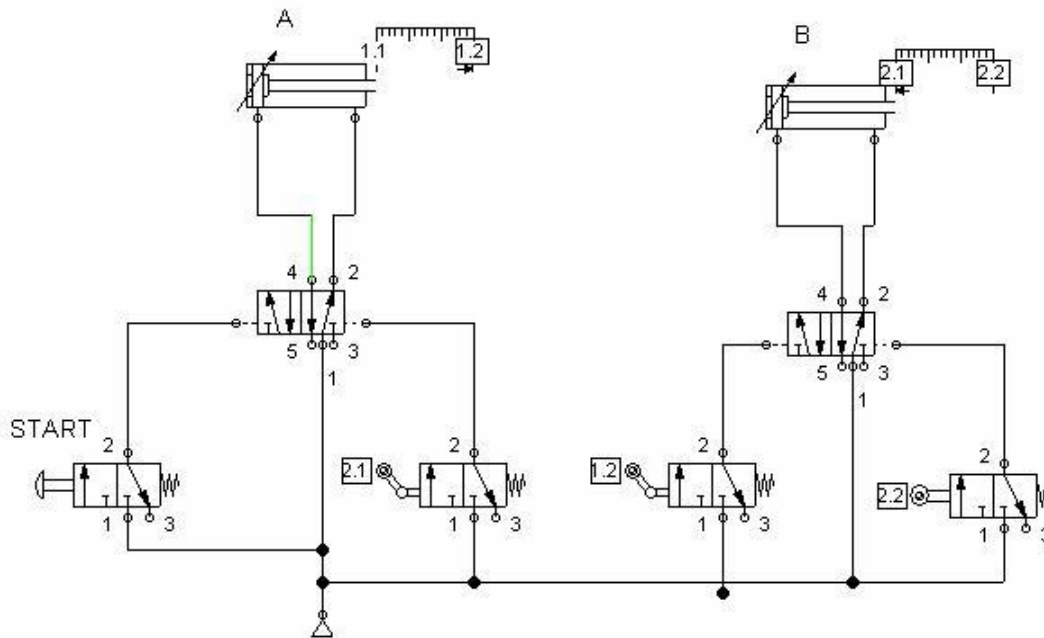
A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2

☒ C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2

D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 161: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



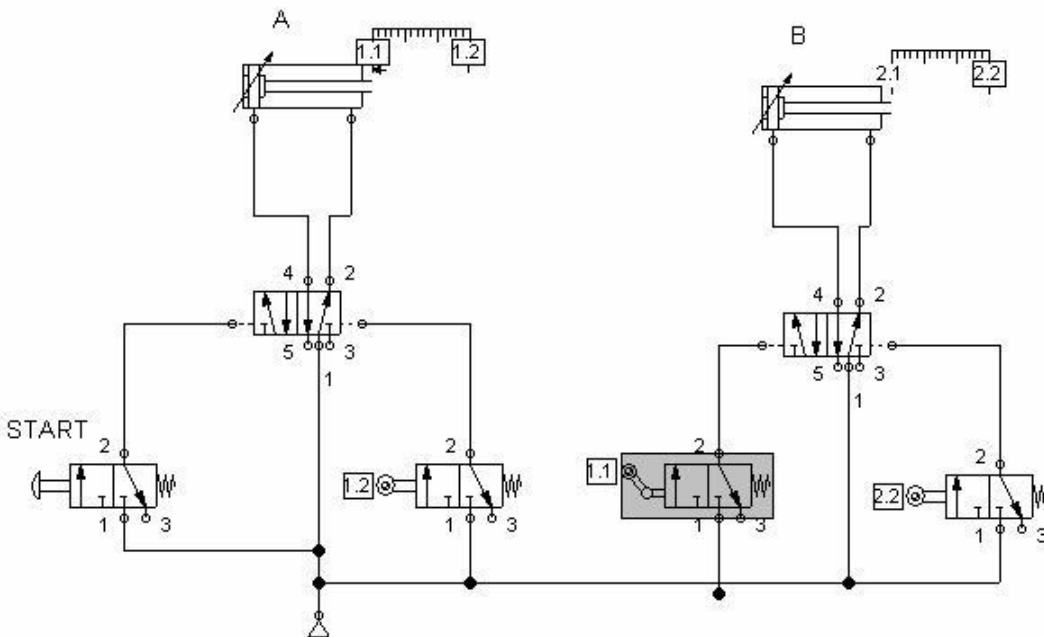
A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2

C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2

☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 162: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



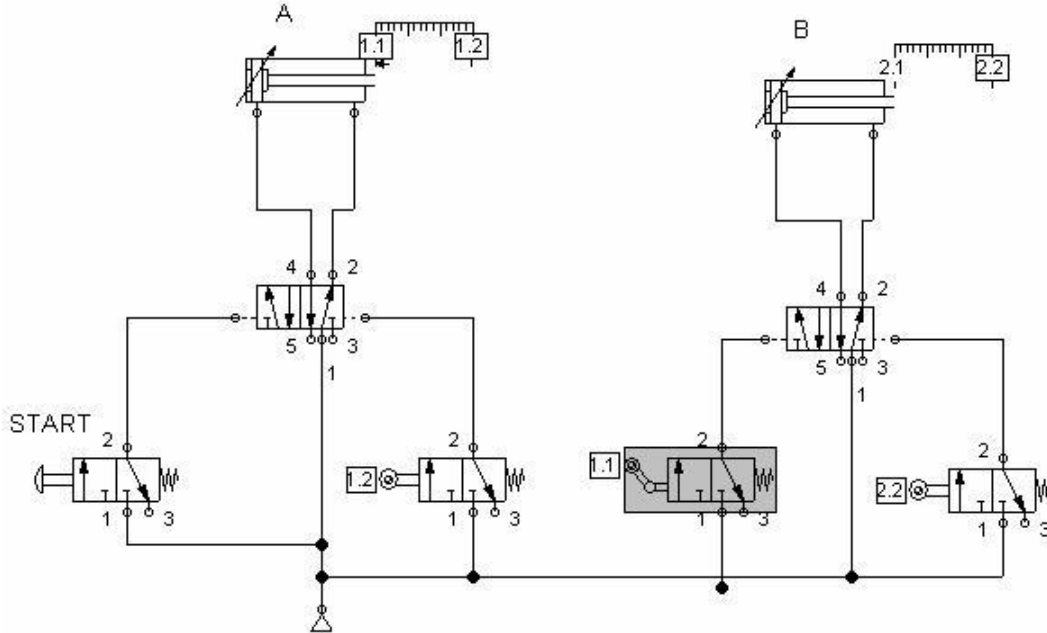
A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+B-A-$

☒ C. $A+A-B+B-$

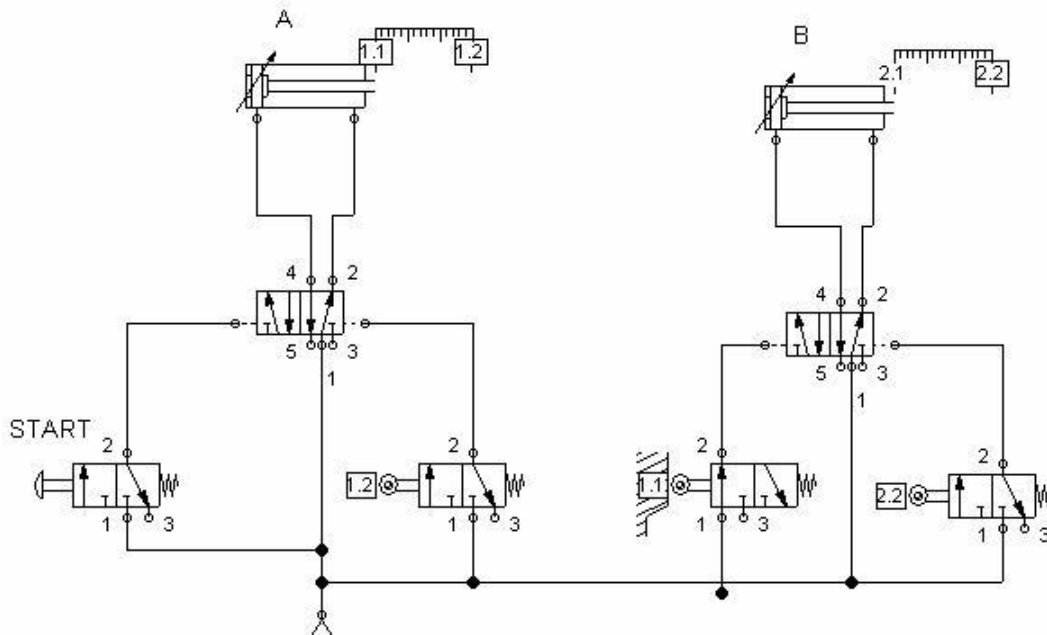
D. $A+B+A-B-$

Câu 163: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2 và 2.1
- ☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

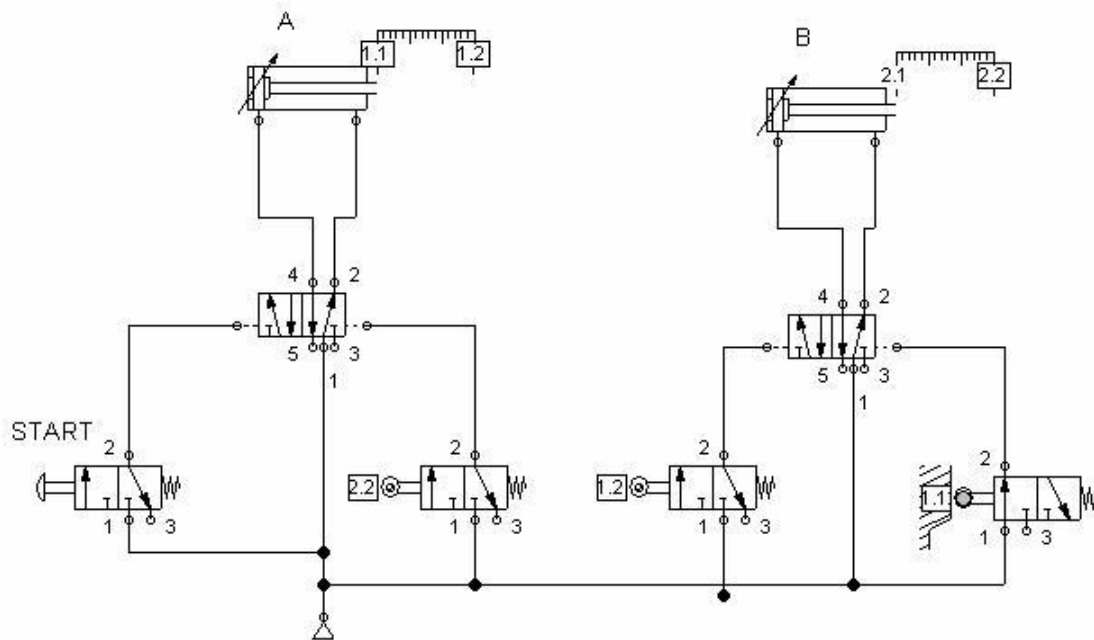
Câu 164: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.1

D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 165: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



A. Mạch không hoạt động

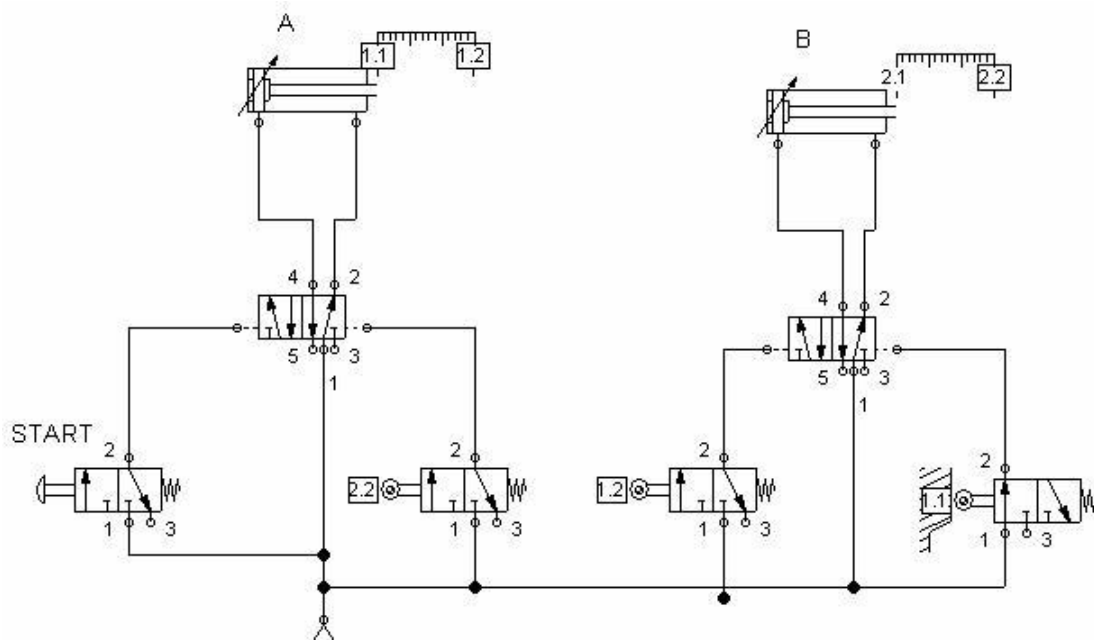
B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$



D. $A+B+A-B-$

Câu 166: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



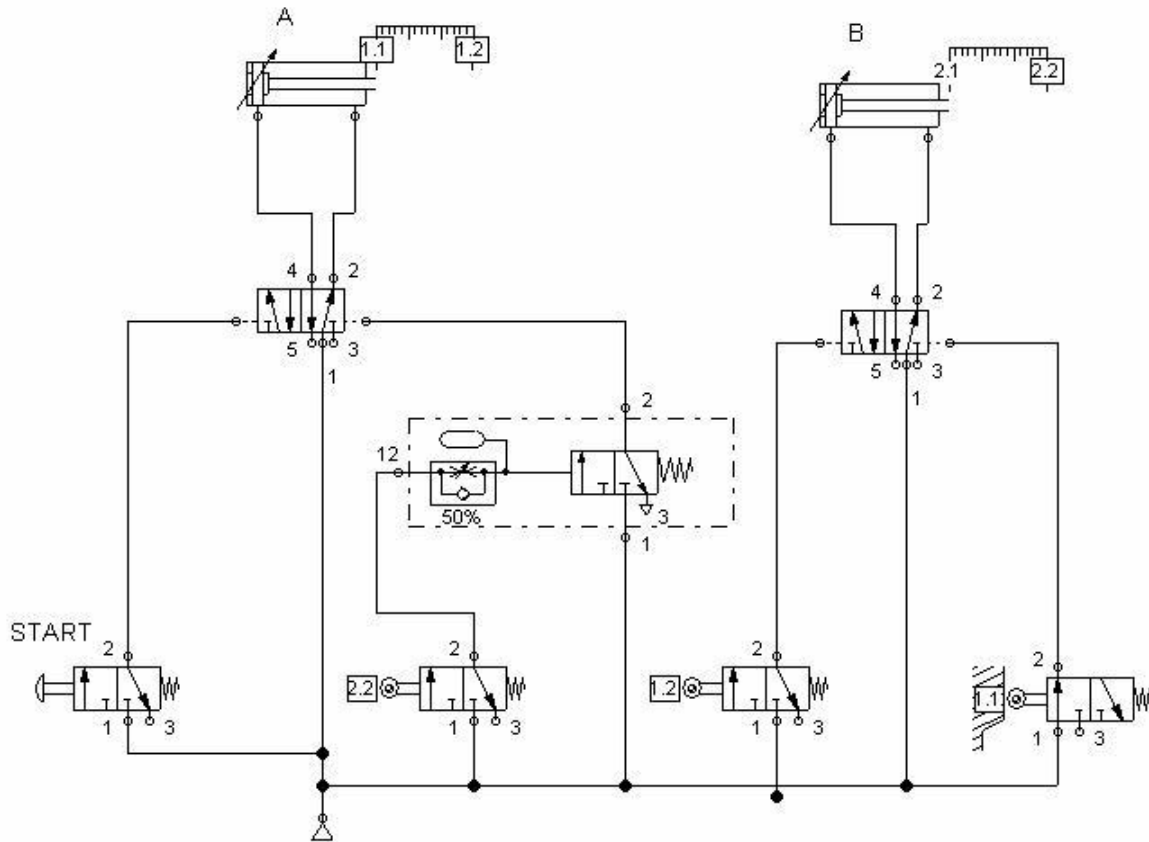
A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2

C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2 và 2.1

 D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 167: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



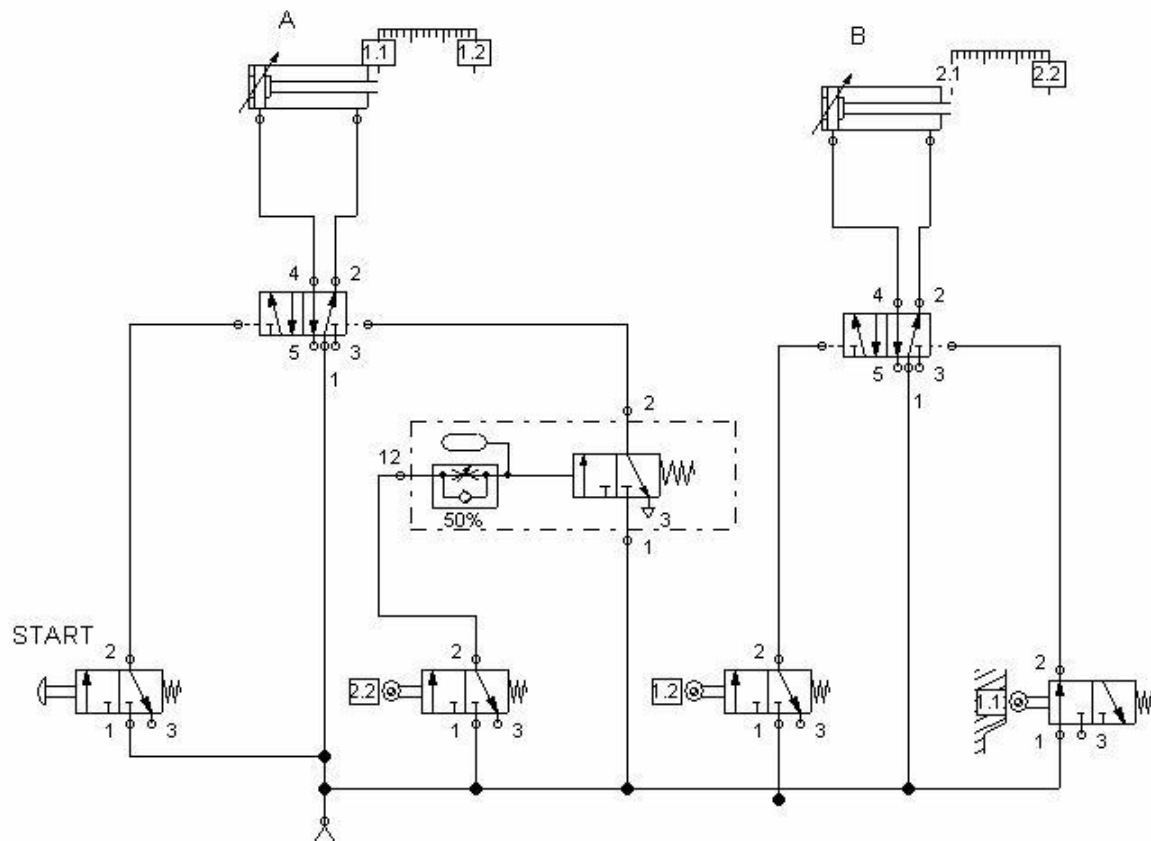
A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+-----B-A-$

C. $A+-----A-B+B-$

 D. $A+B+-----A-B-$

Câu 168: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+-----A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

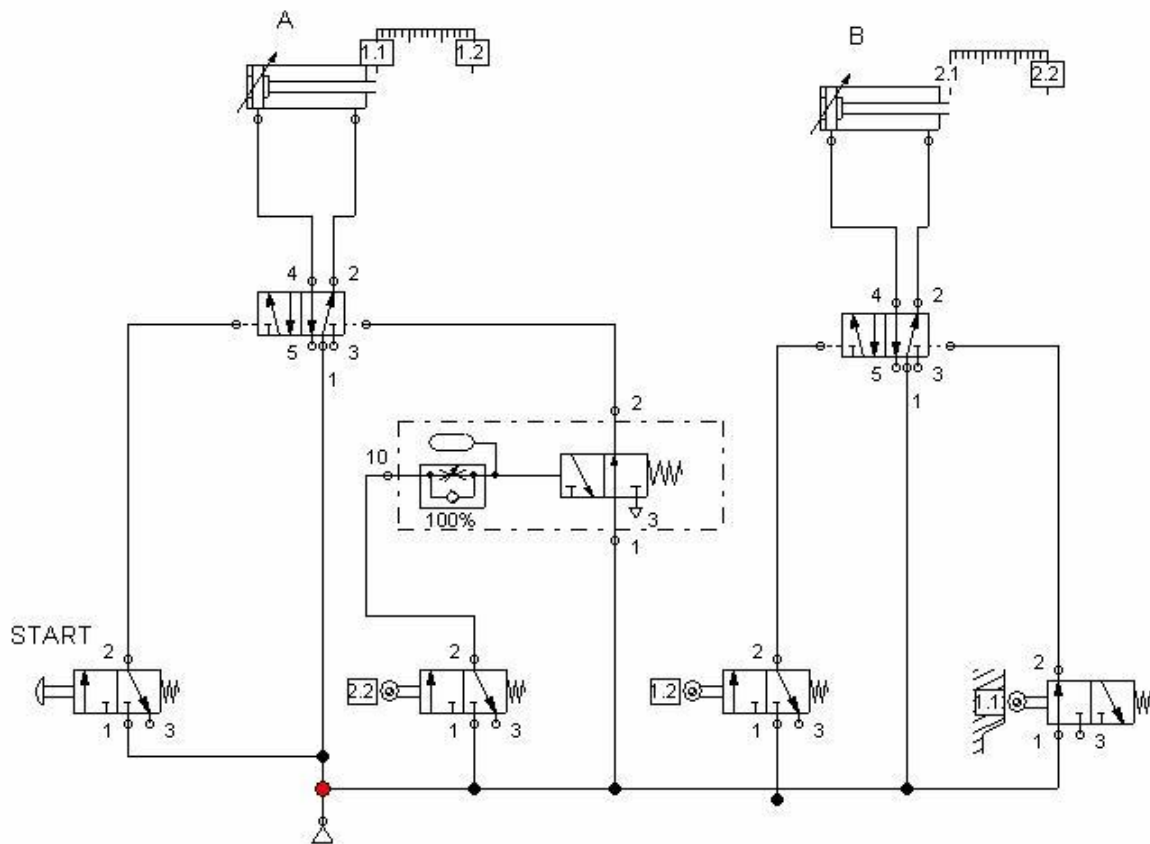


- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.



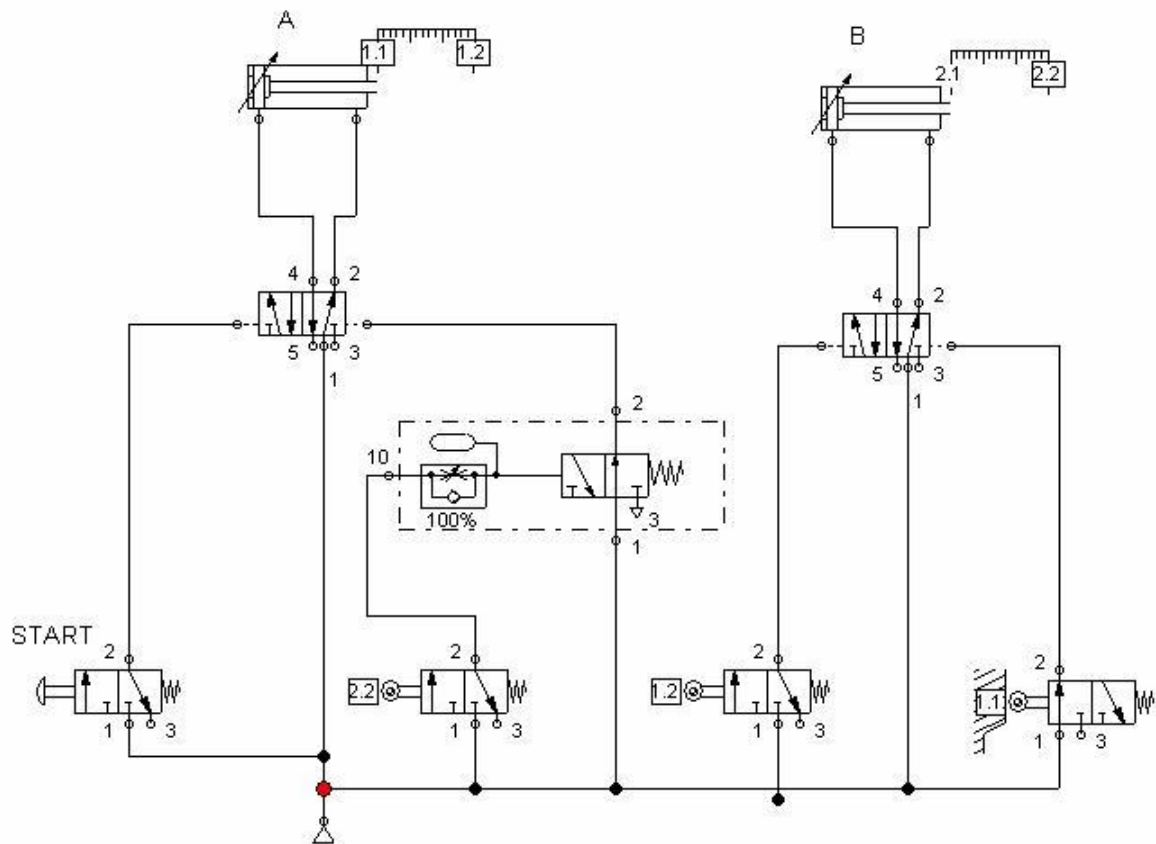
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 169: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



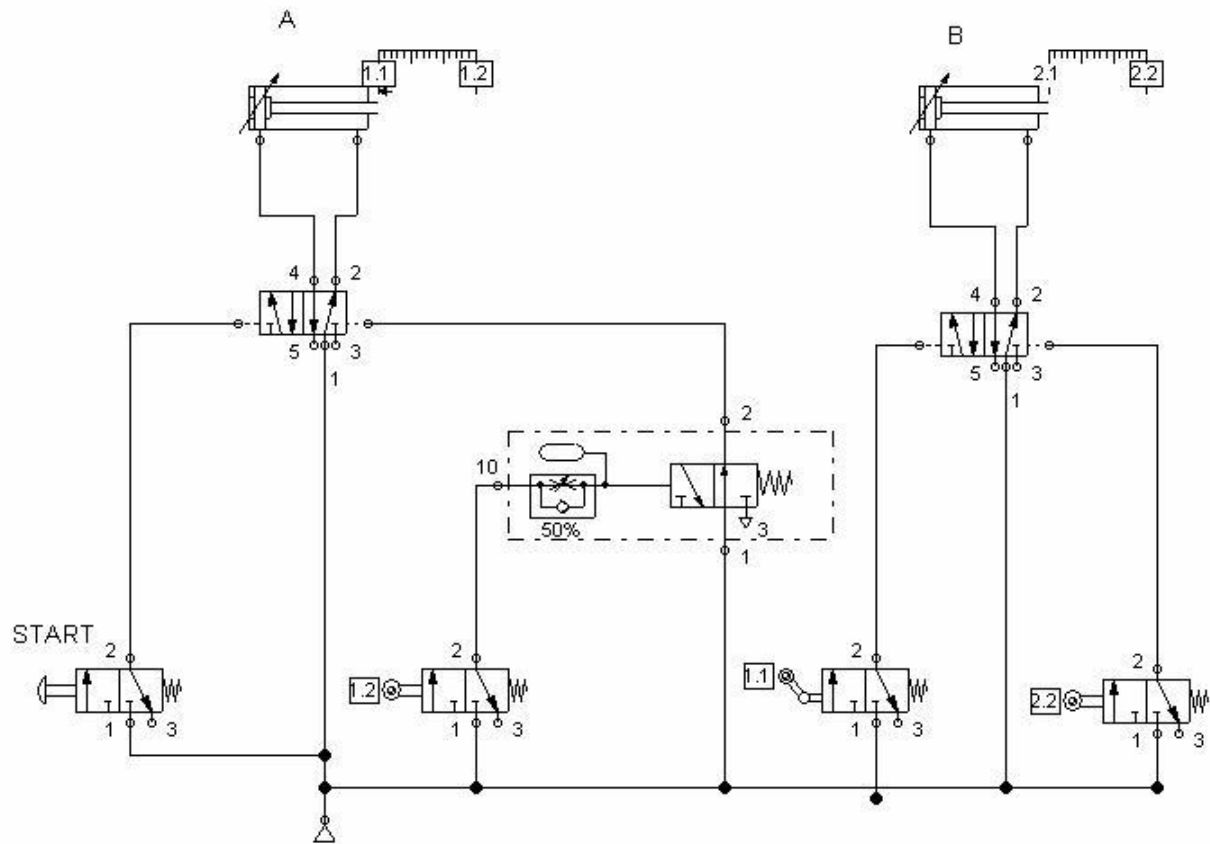
- ABC A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+-----B-A-
- C. A+-----A-B+B-
- D. A+B+-----A-B-

Câu 170: Cho yêu cầu hoạt động A+B+-----A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



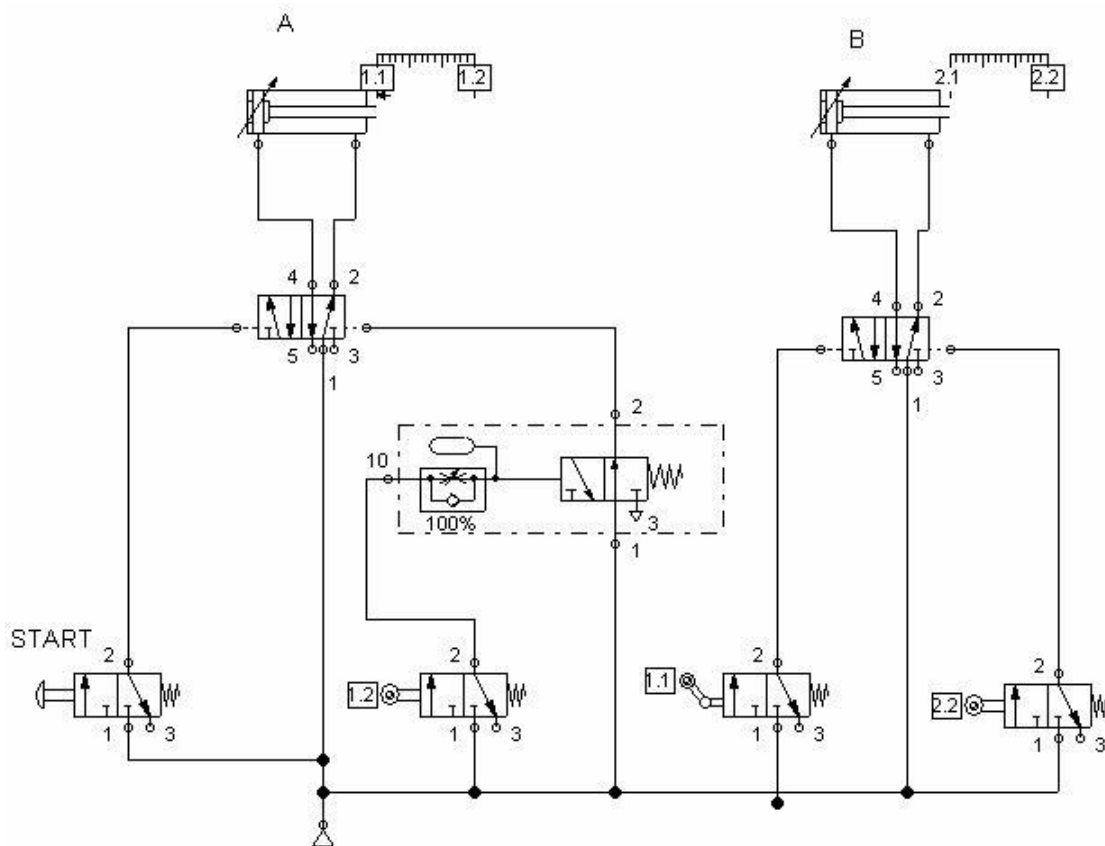
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai

Câu 171: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



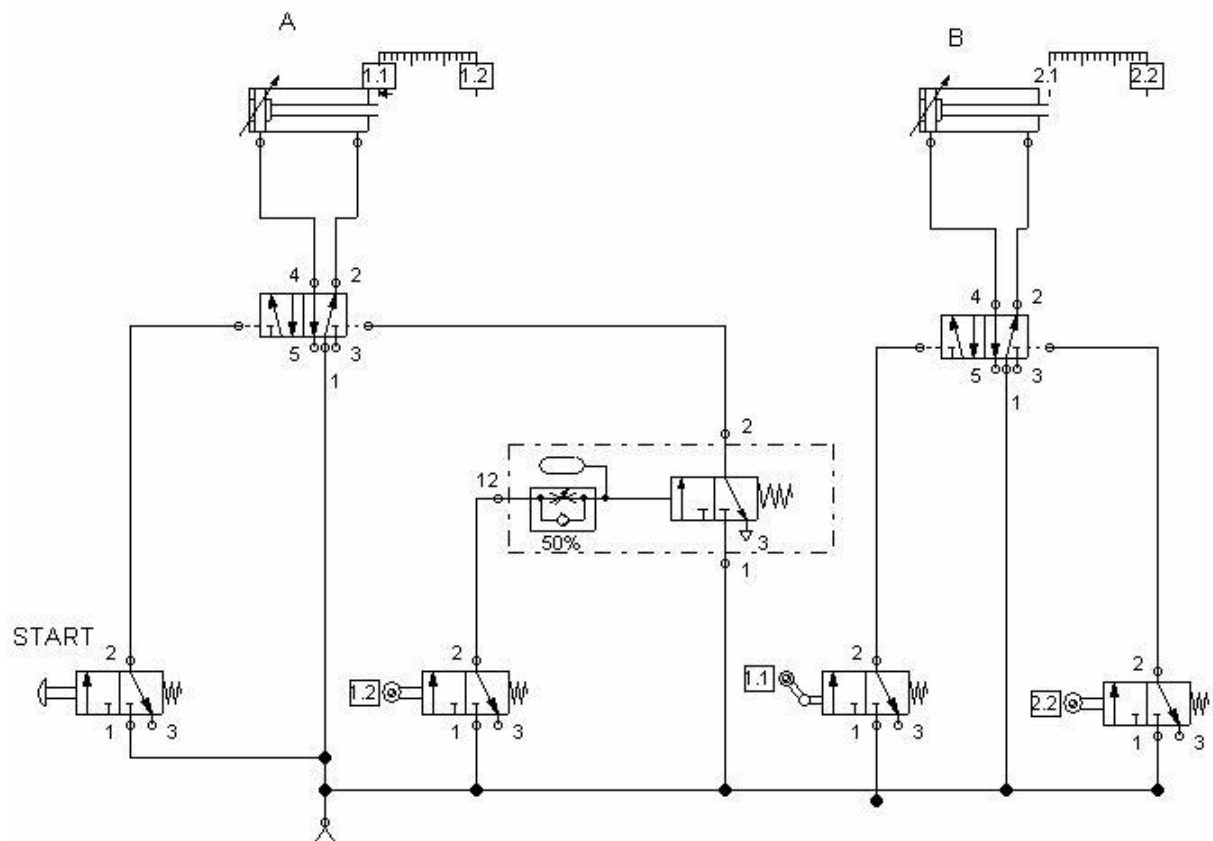
- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

Câu 172: Cho yêu cầu hoạt động $A+-----A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



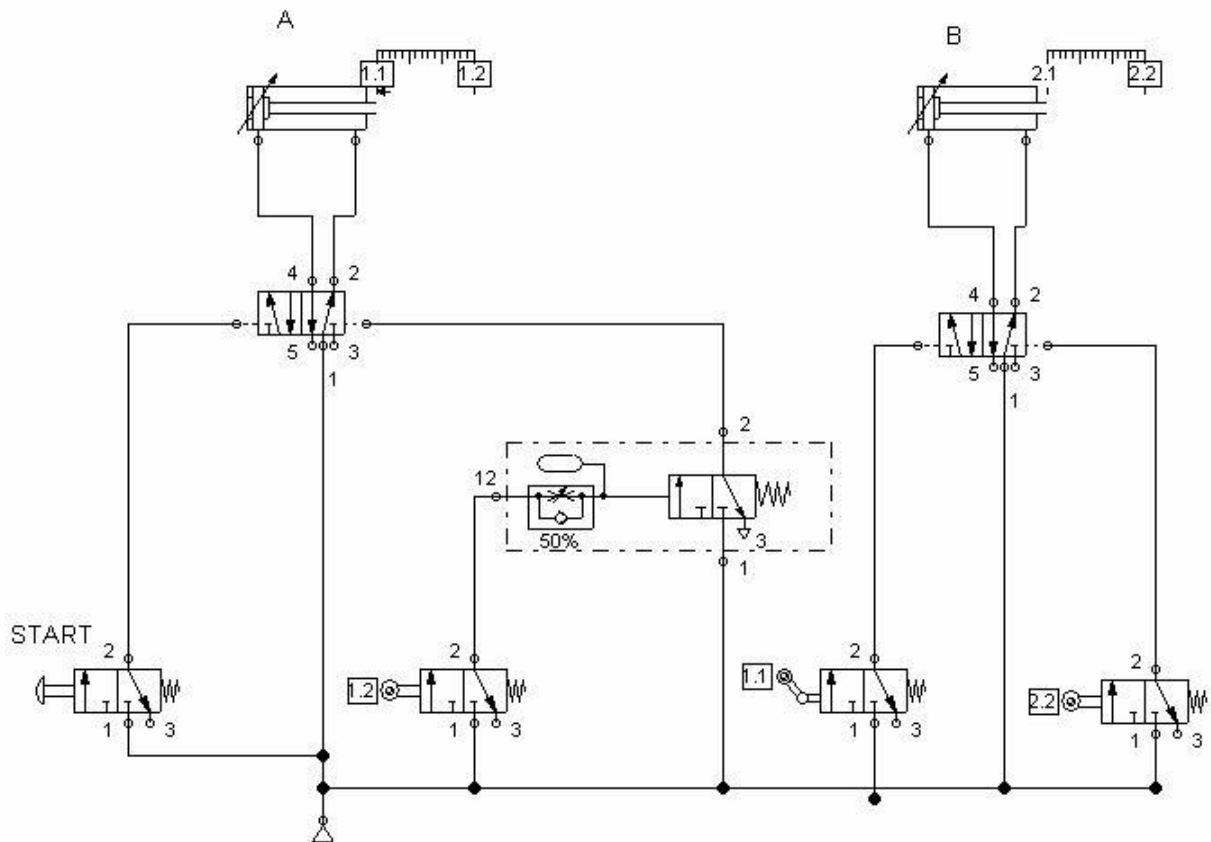
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 173: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- ☒ C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

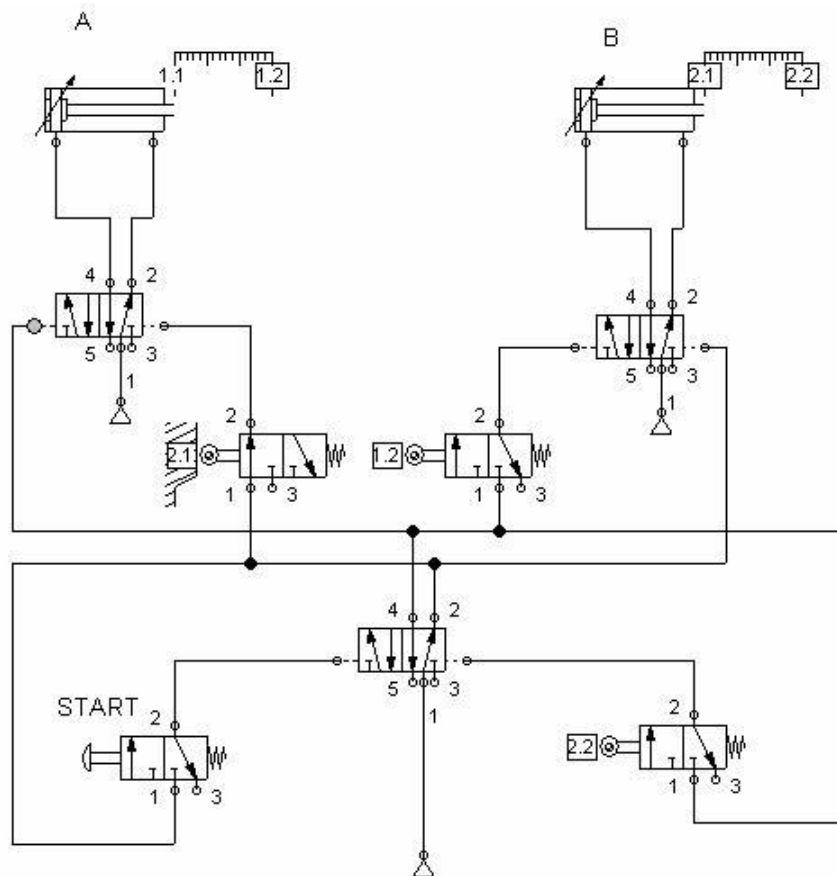
Câu 174: Cho yêu cầu hoạt động $A+-----A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.

 D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

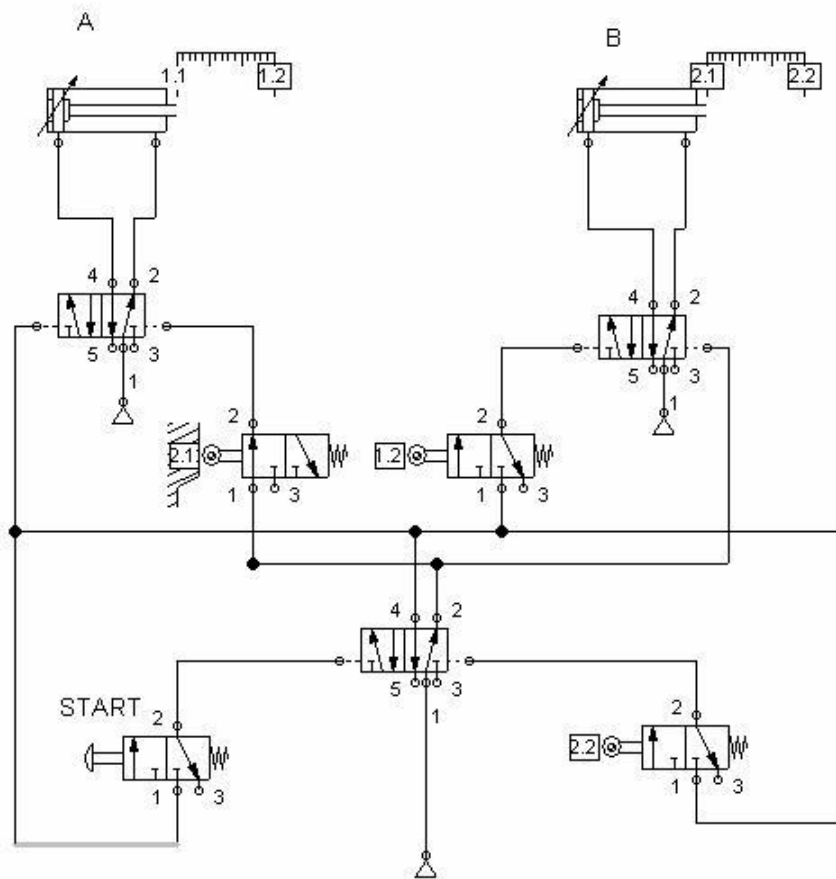
Câu 175: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2

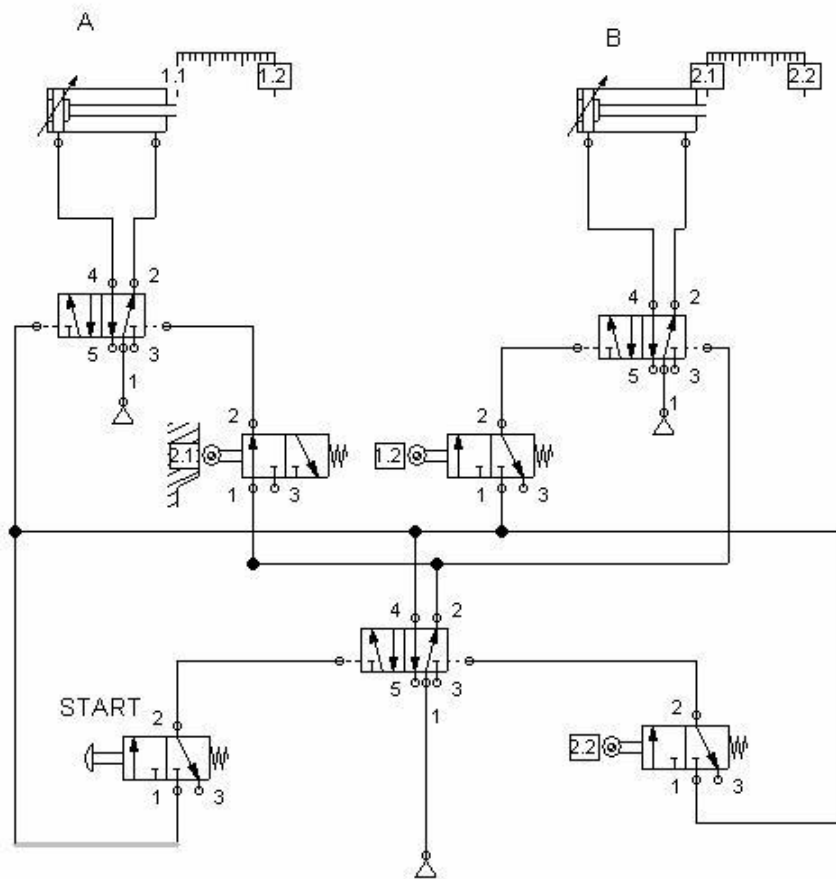
☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 176: Cho yêu cầu hoạt động A+B-B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



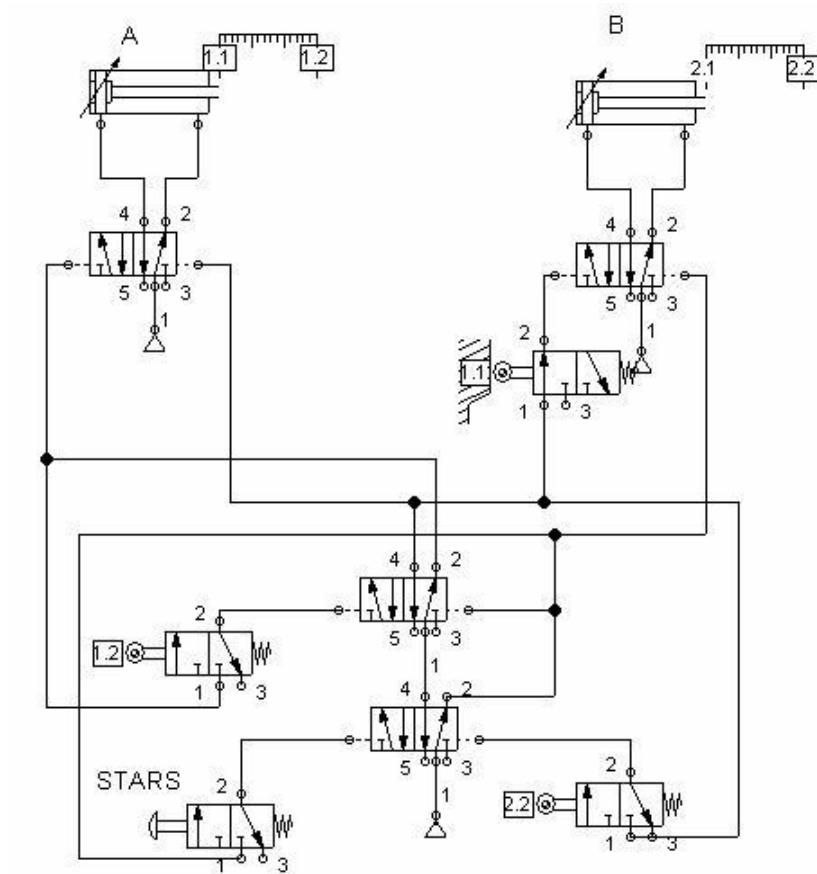
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại nguồn cấp cho nút nhấn START
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 177: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B-B-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 178: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

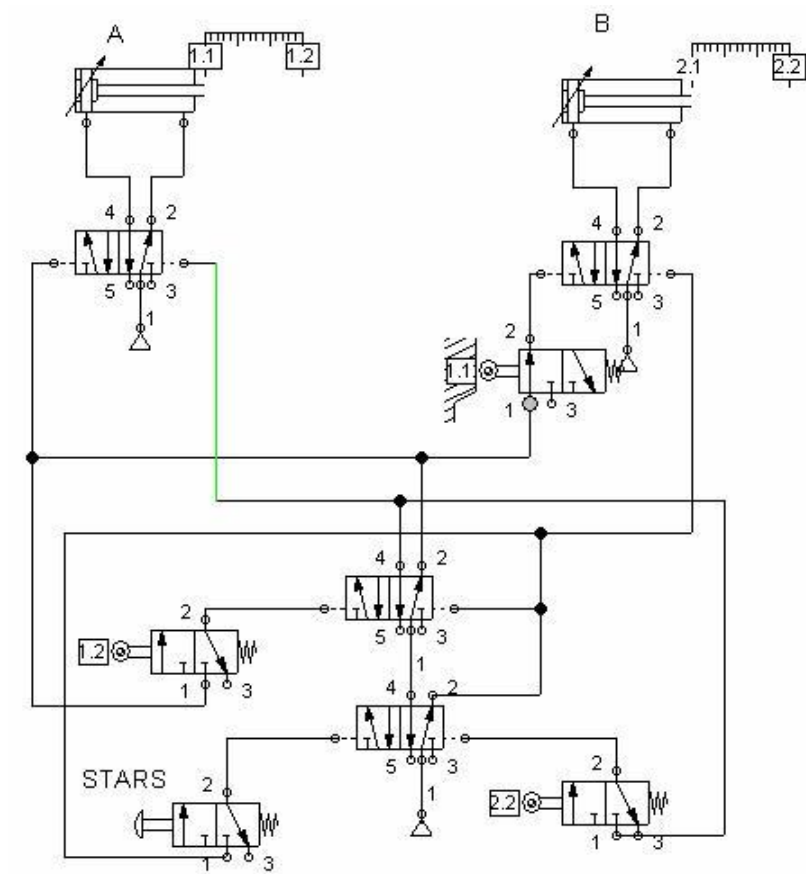


- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2 và 2.1



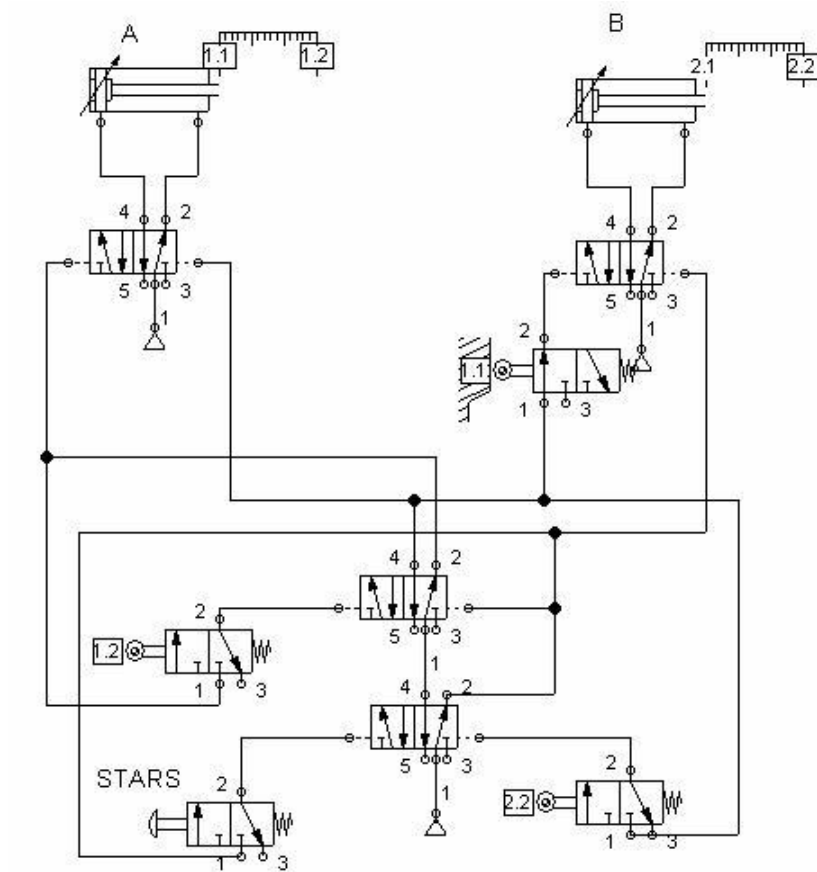
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 179: Cho yêu cầu hoạt động A+A-B+B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



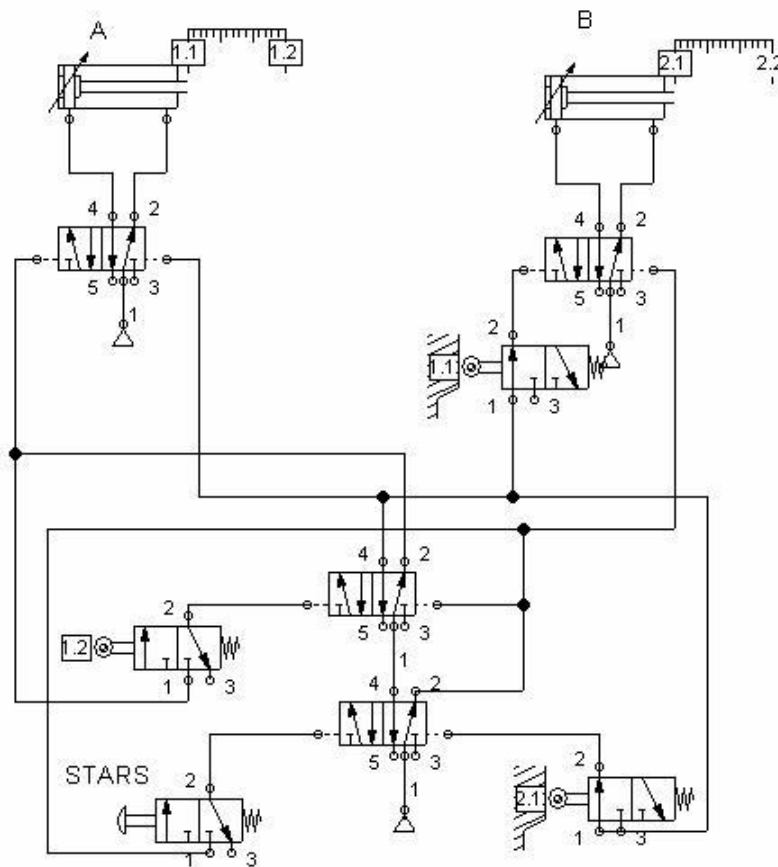
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại nguồn cấp cho công tắc hành trình 1.1
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 180: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



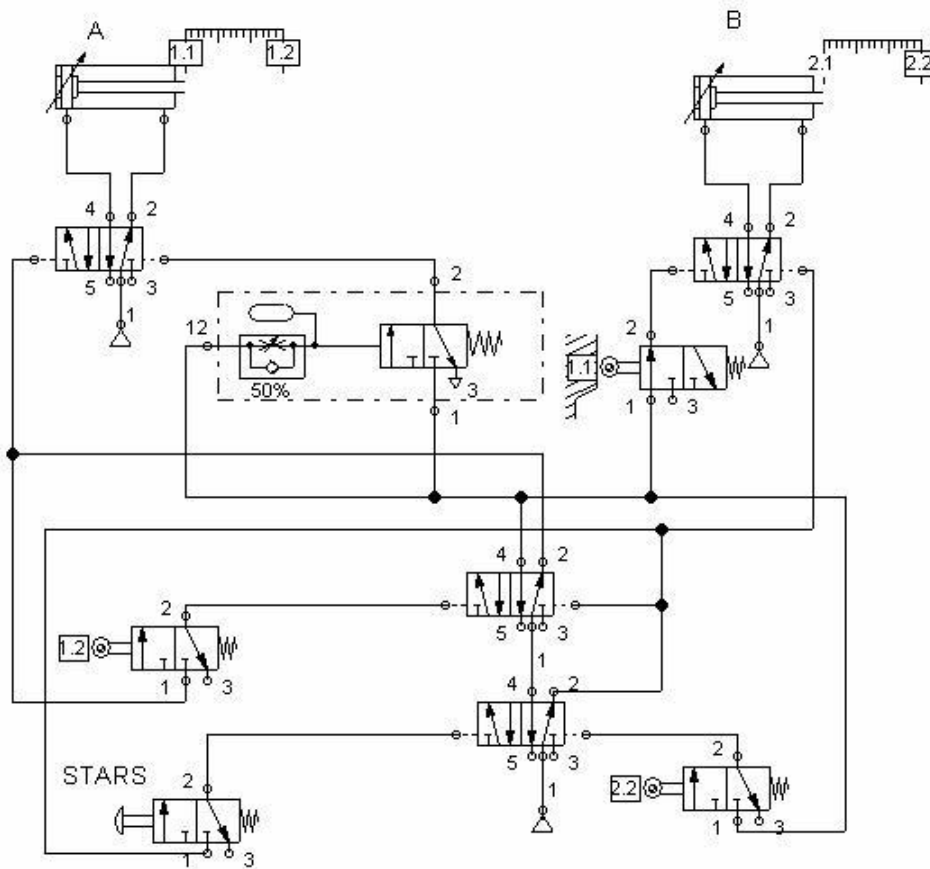
- A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+B-A-
- ☒ C. A+A-B+B-
- D. A+B+A-B-

Câu 181: Cho yêu cầu hoạt động A+B+A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



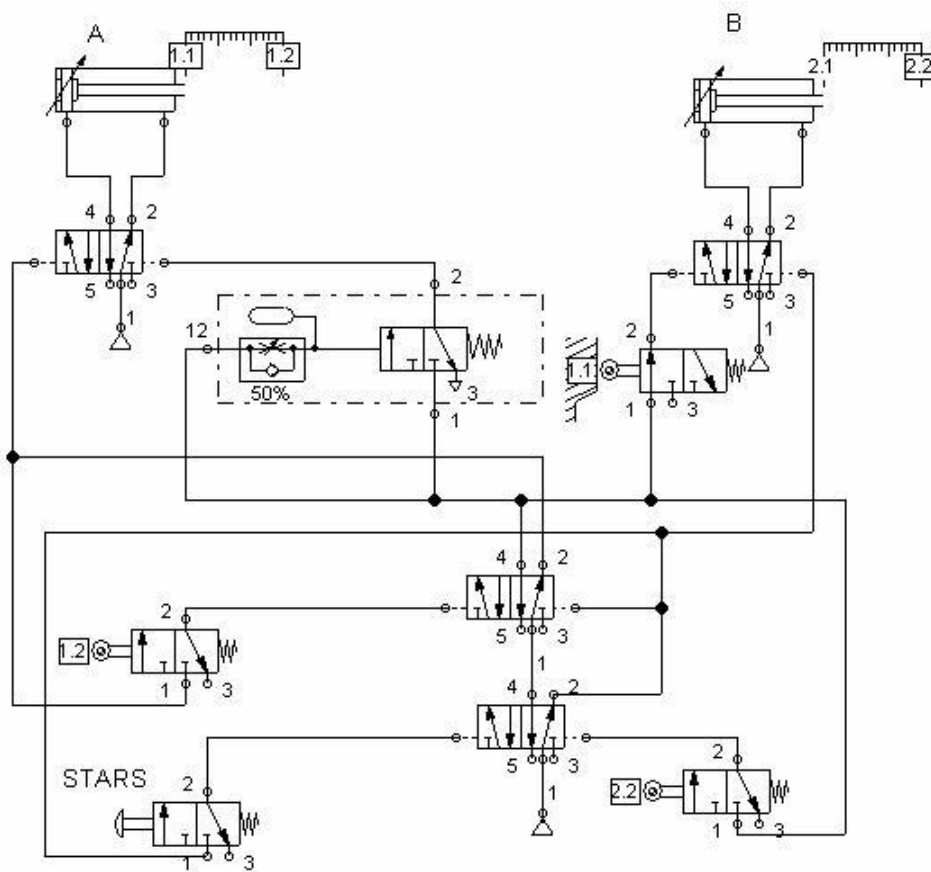
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại tín hiệu đảo tăng công tắc hành trình 2.1
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 183: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- ☒ C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

Câu 184: Cho yêu cầu hoạt động $A+-----A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

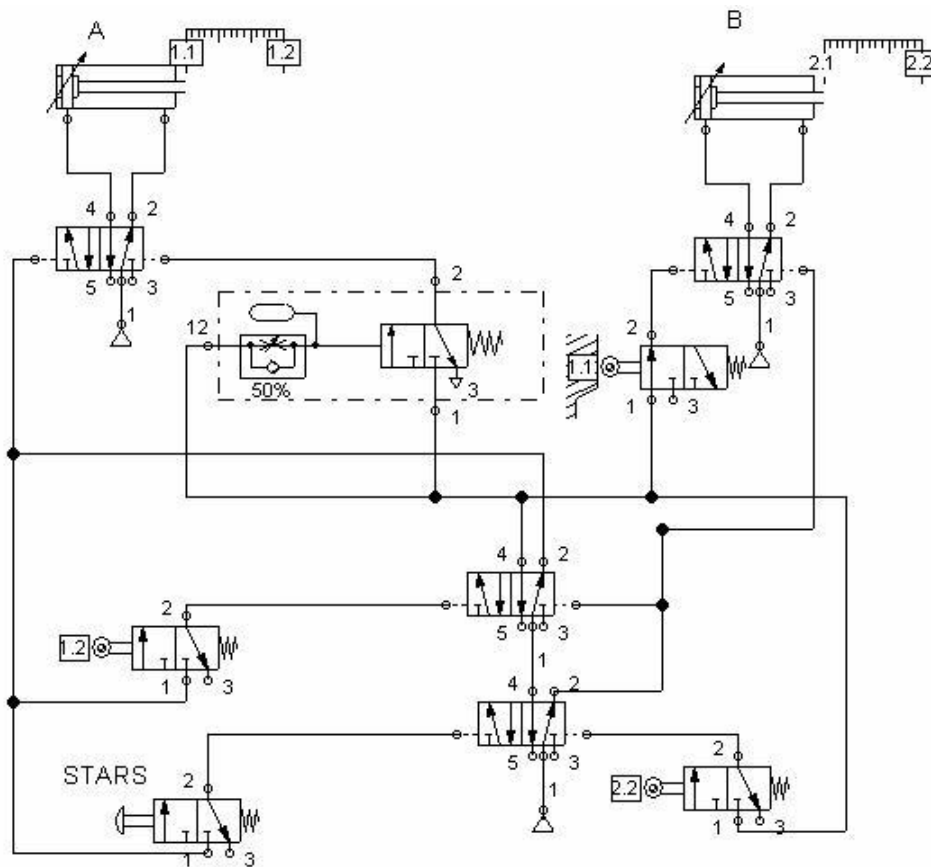


- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.



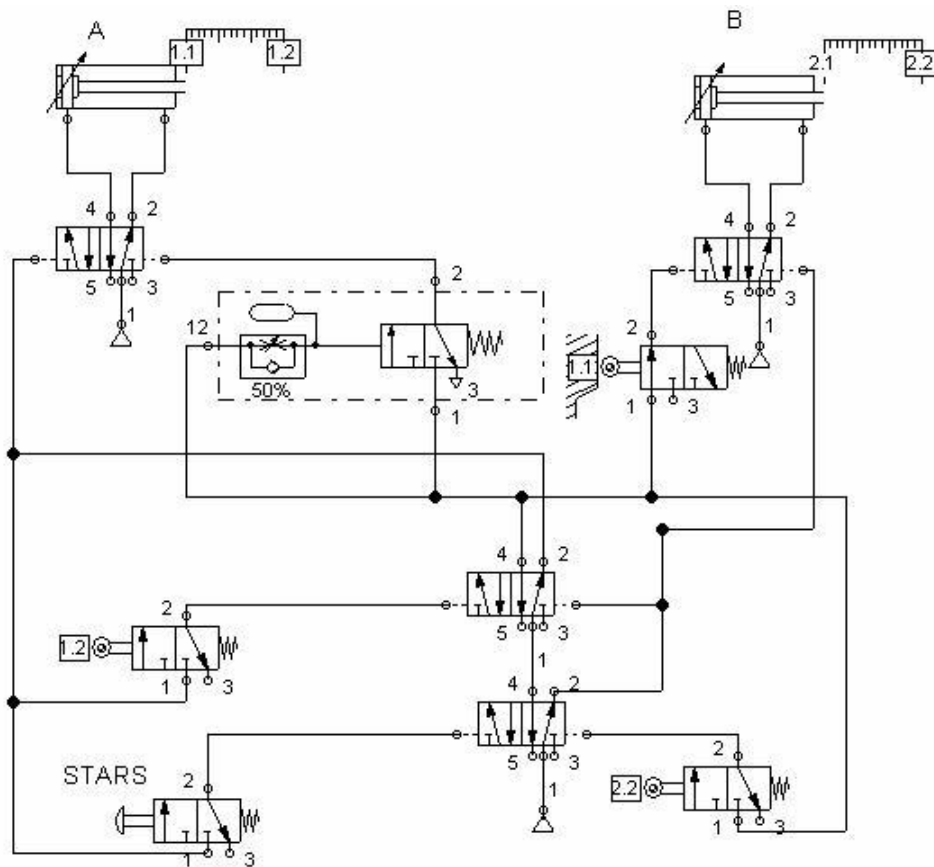
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 185: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



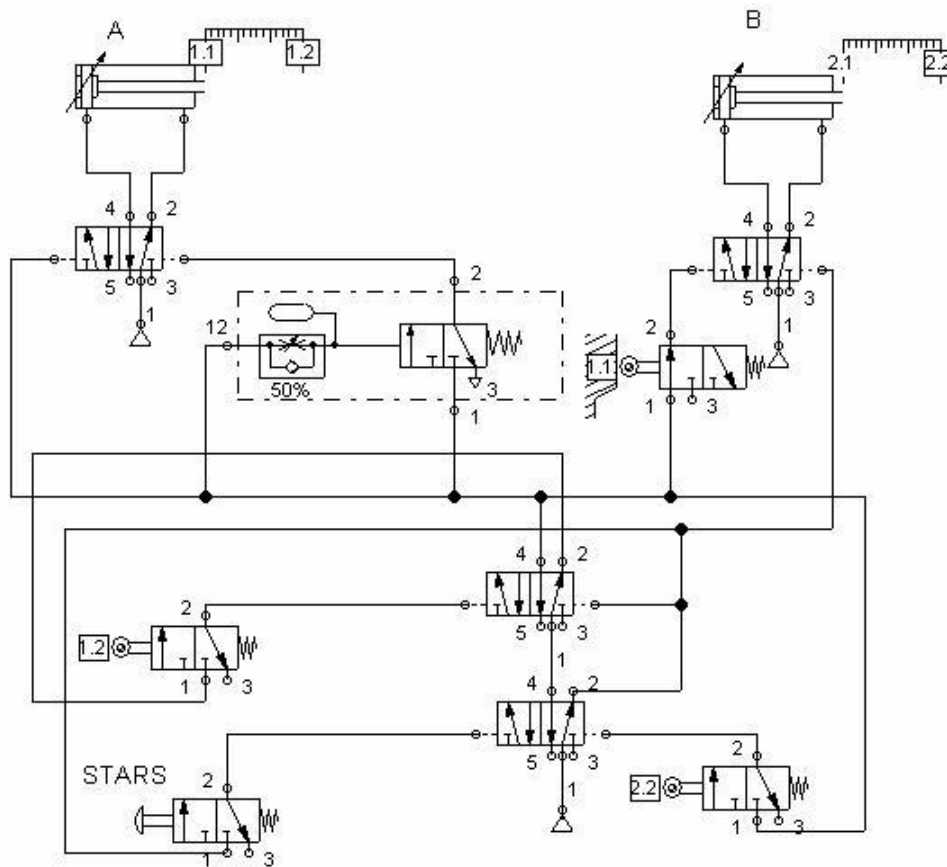
-  A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+\text{----}B-A-$
- C. $A+\text{----}A-B+B-$
- D. $A+B+\text{----}A-B-$

Câu 186: Cho yêu cầu hoạt động $A+-----A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



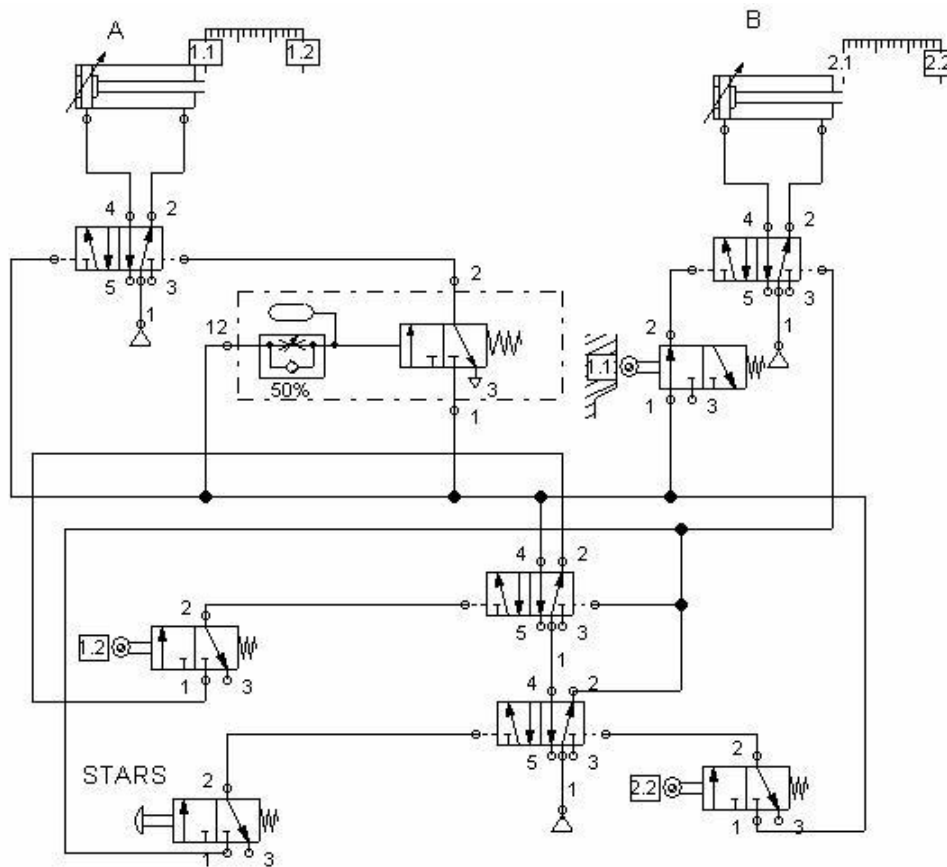
- ABC ☒ A. Mạch sai tại nguồn cấp cho nút nhấn START
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 187: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



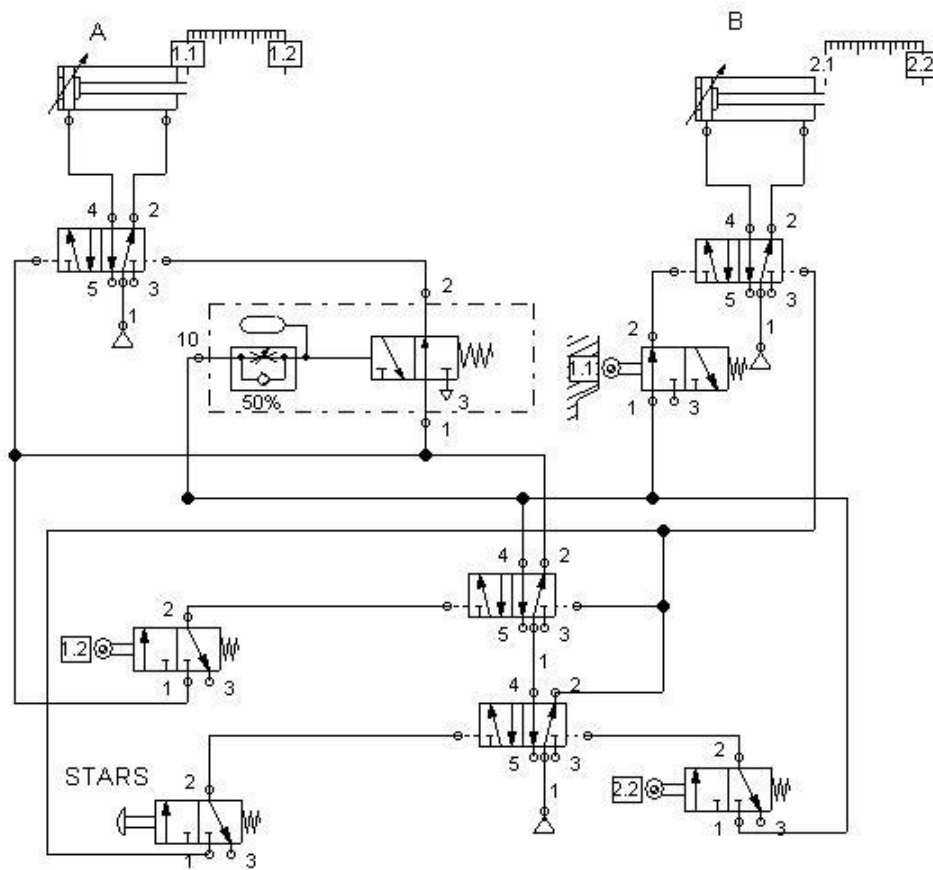
- ABC ✓ A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+----B-A-
- C. A+----A-B+B-
- D. A+B+----A-B-

Câu 188: Cho yêu cầu hoạt động A+----A-B+B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



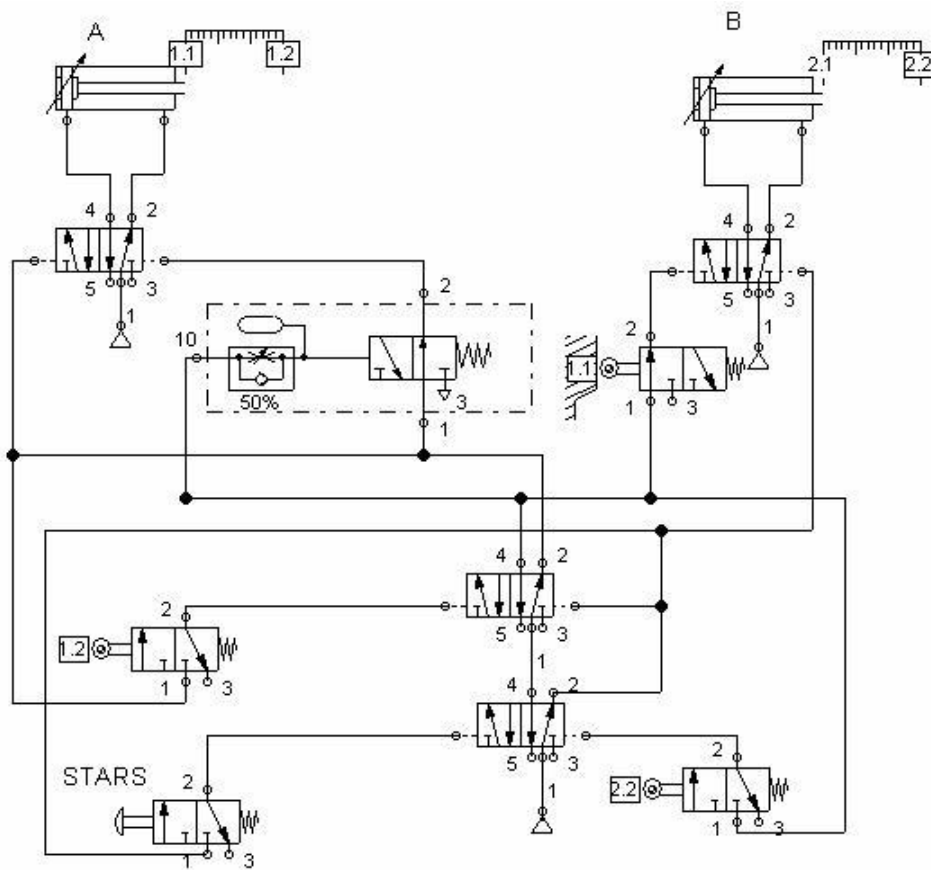
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- ☒ B. Mạch sai tại tín hiệu điều khiển xy lanh A+
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 189: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



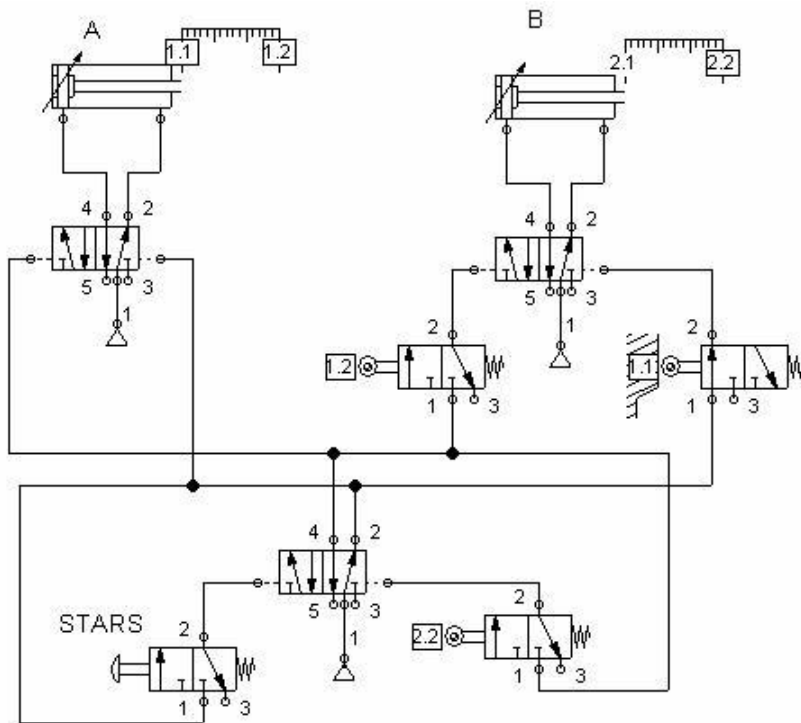
- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

Câu 190: Cho yêu cầu hoạt động $A+-----A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



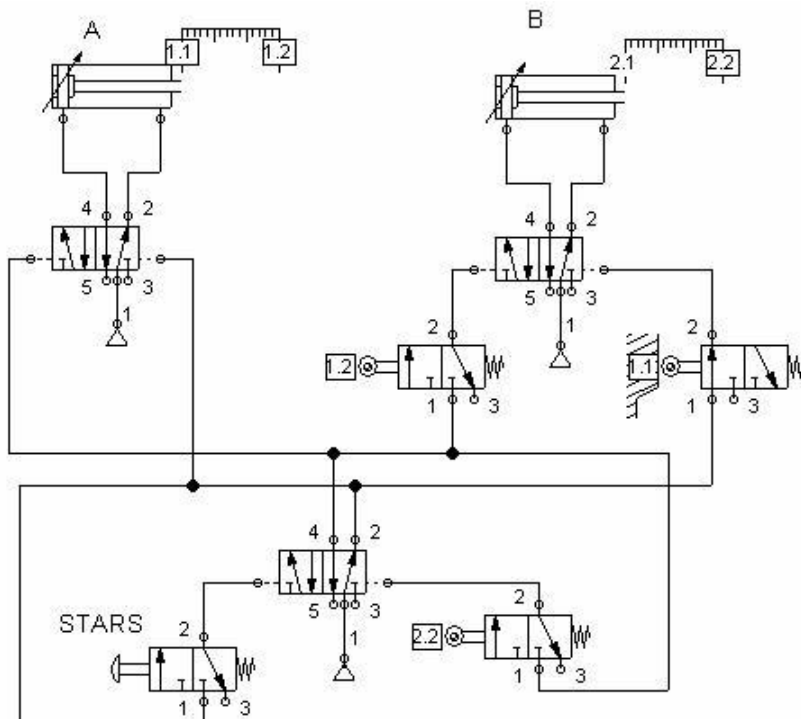
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 191: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+B-A-
- C. A+A-B+B-
-  D. A+B+A-B-

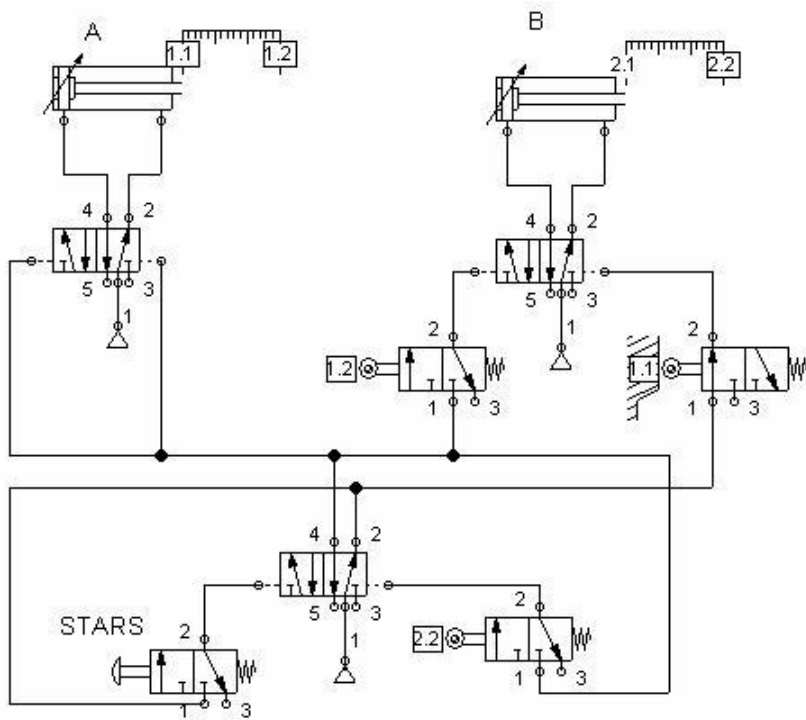
Câu 192: Cho yêu cầu hoạt động A+B+A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

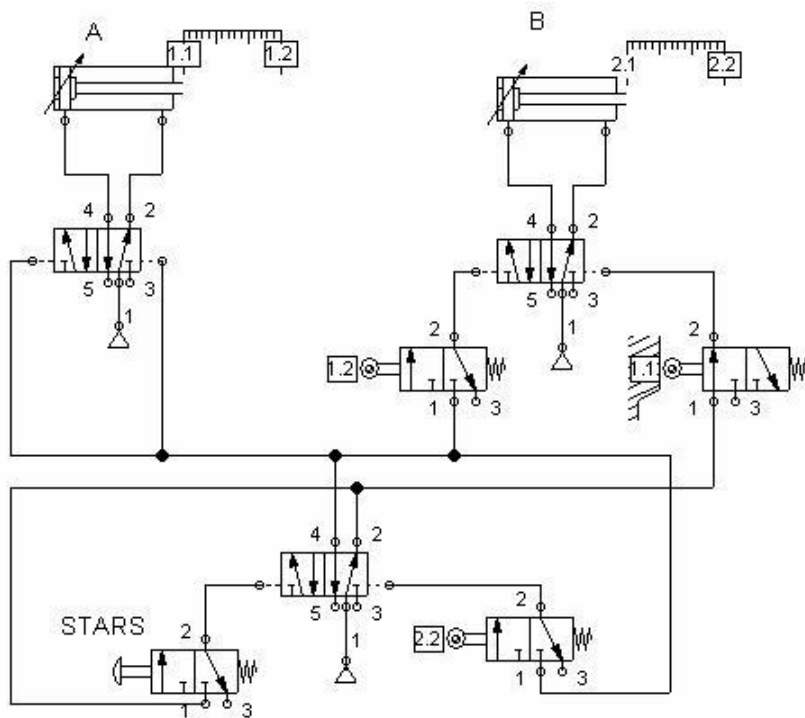
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai

Câu 193: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



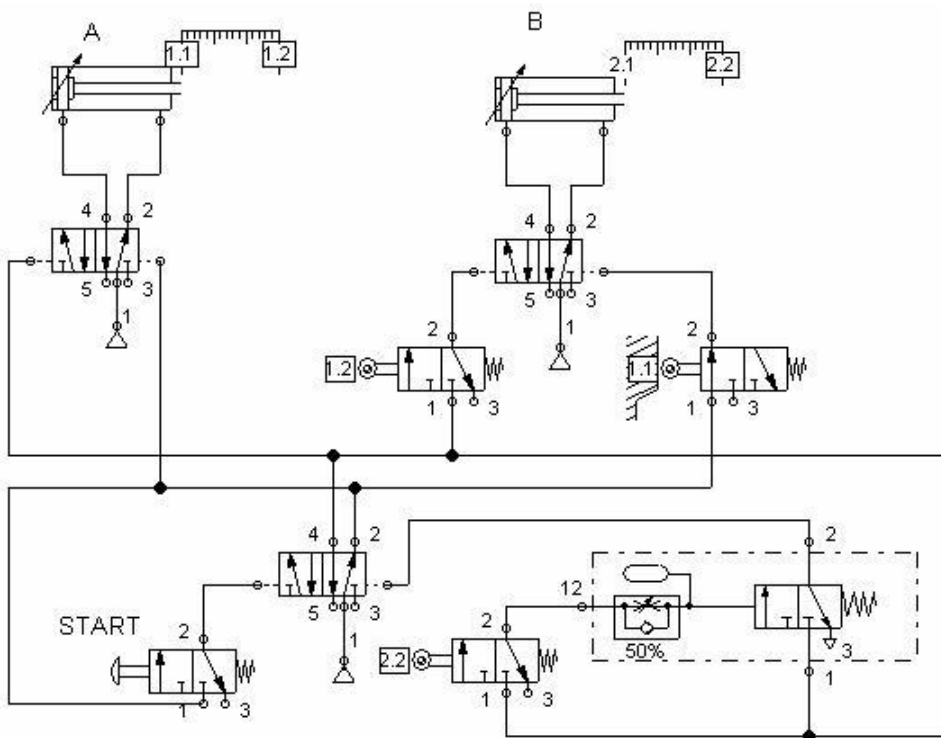
- ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 194: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại tín hiệu điều khiển A-
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 195: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



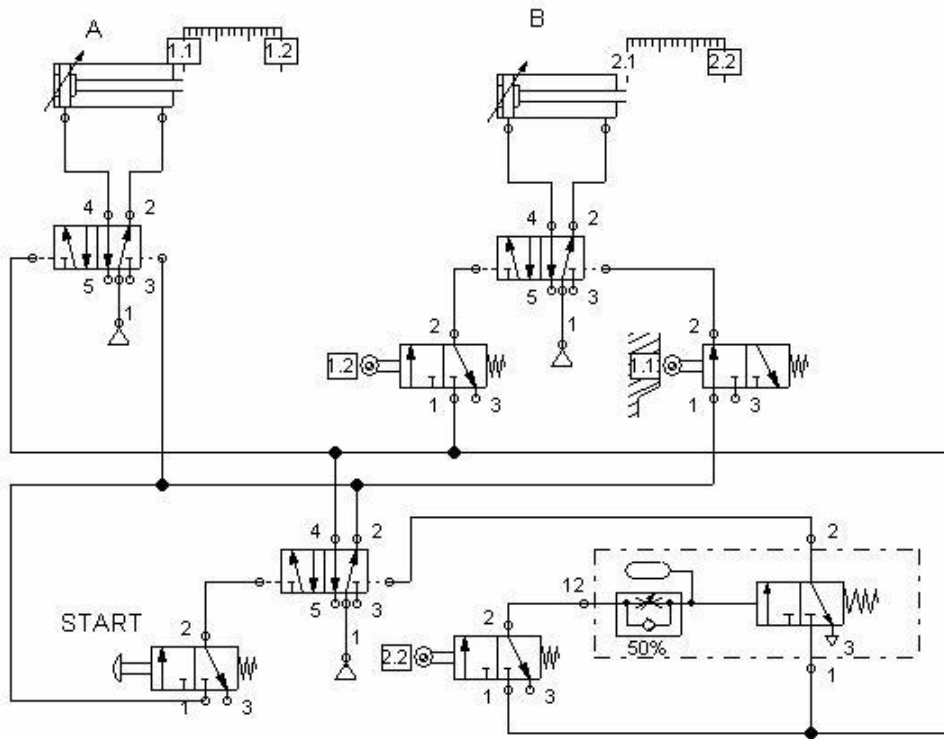
- A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+-----B-A-$

C. $A+-----A-B+B-$

 D. $A+B+-----A-B-$

Câu 196: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+-----A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



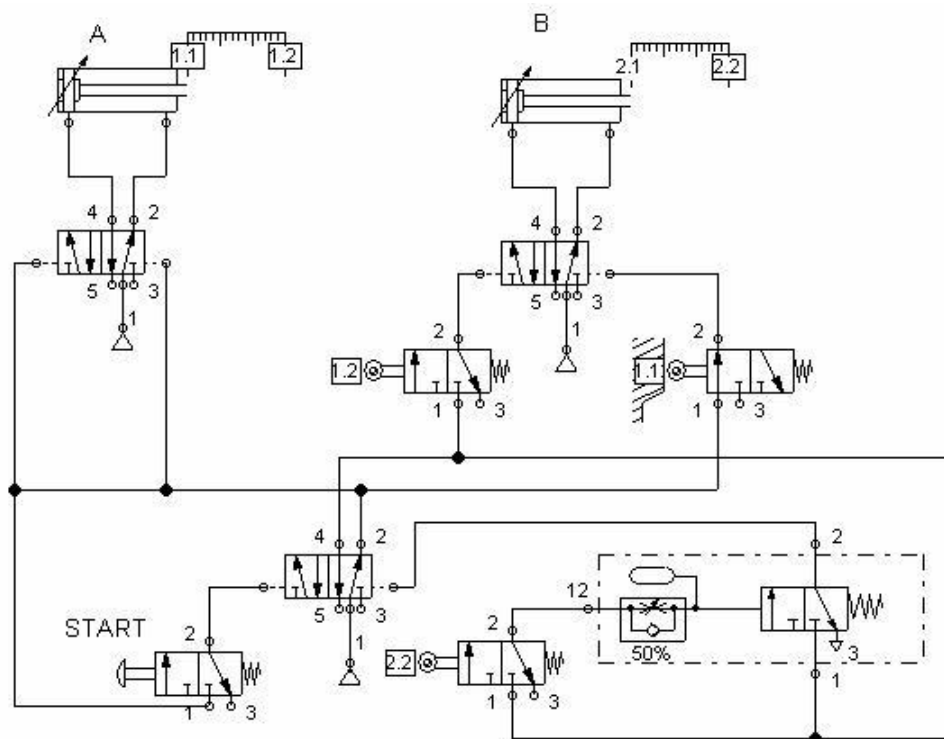
A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

B. Mạch sai tại tín hiệu điều khiển xy lanh A+

C. Mạch sai tại role thời gian.

 D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 197: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



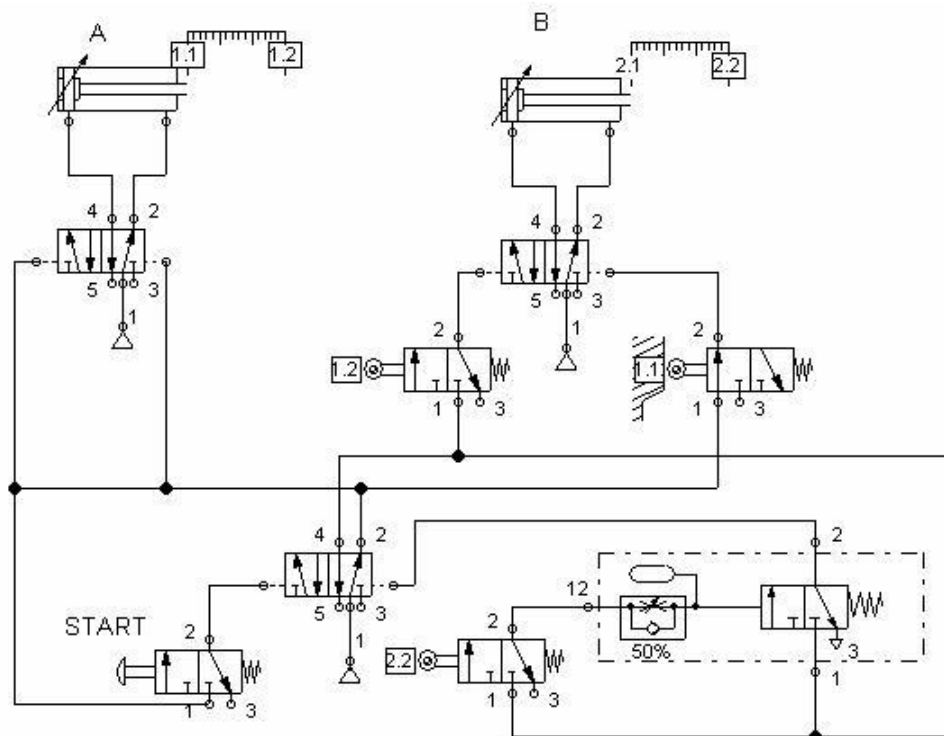
☒ A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+-----B-A-$

C. $A+-----A-B+B-$

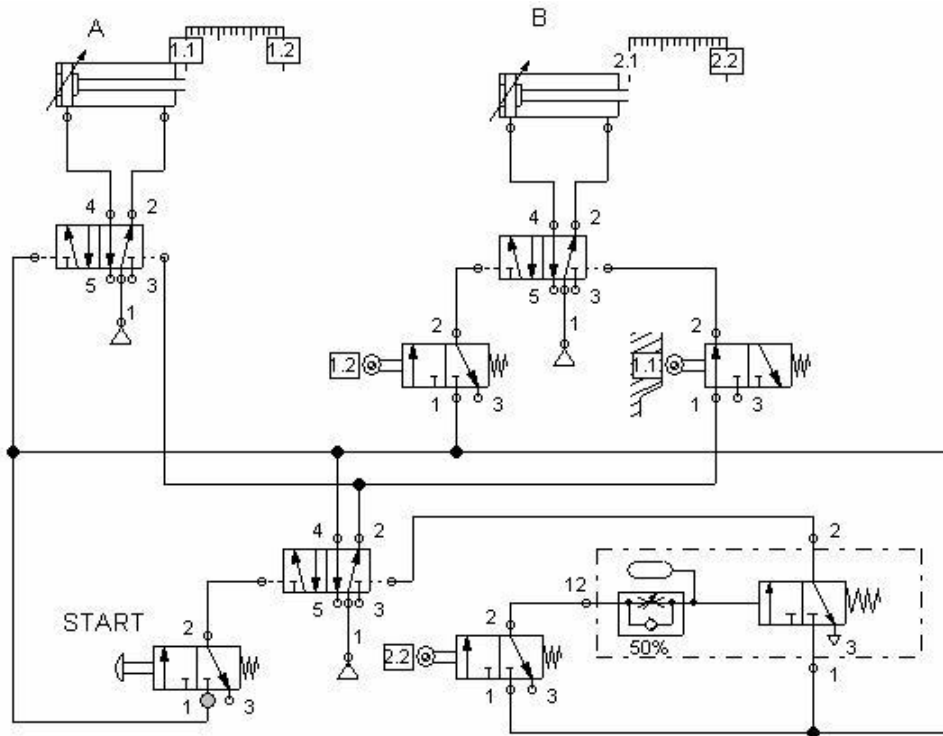
D. $A+B+-----A-B-$

Câu 198: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+-----A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



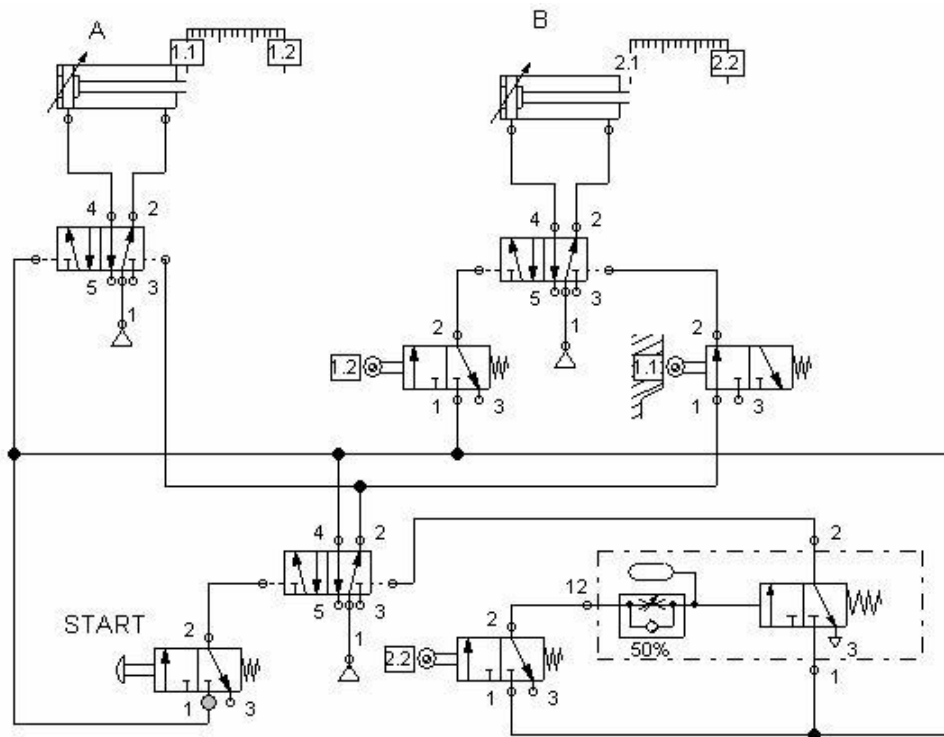
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- ☒ B. Mạch sai tại tín hiệu điều khiển xylanh A+
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 199: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



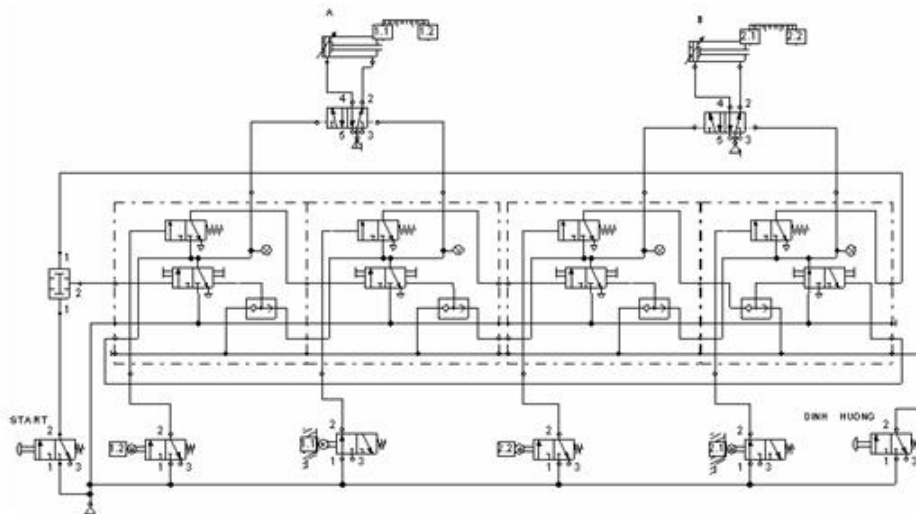
- ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

Câu 200: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+-----A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



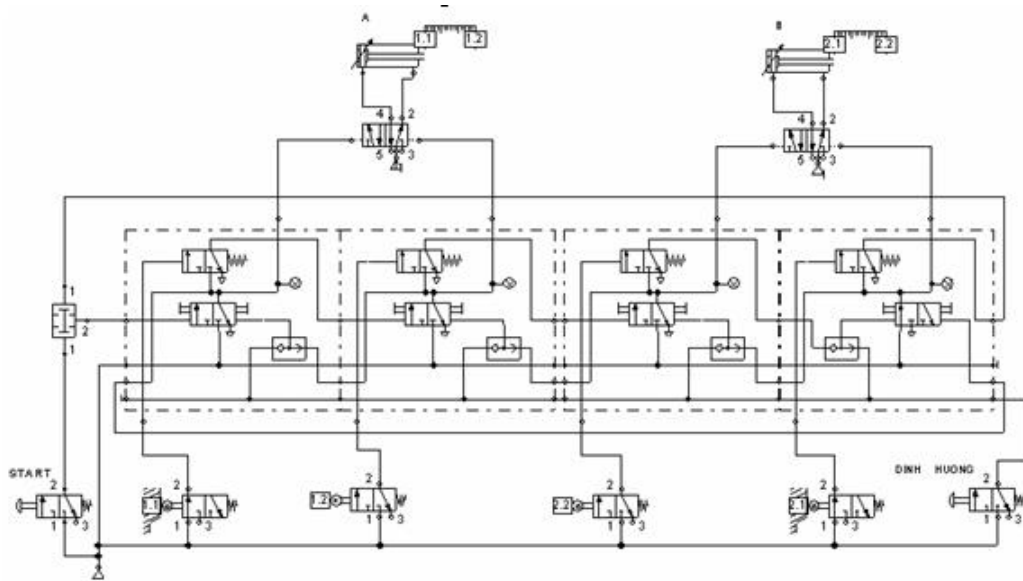
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại tín hiệu điều khiển xy lanh A+
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- ☒ D. Mạch sai tại nguồn nút nhấn START

Câu 201: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



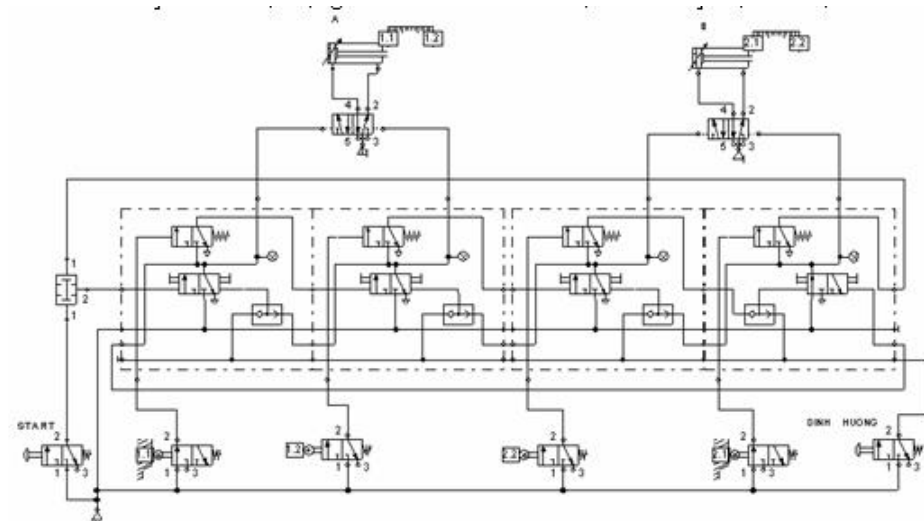
- A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+B-A-
- ☒ C. A+A-B+B-
- D. A+B+A-B-

Câu 202: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



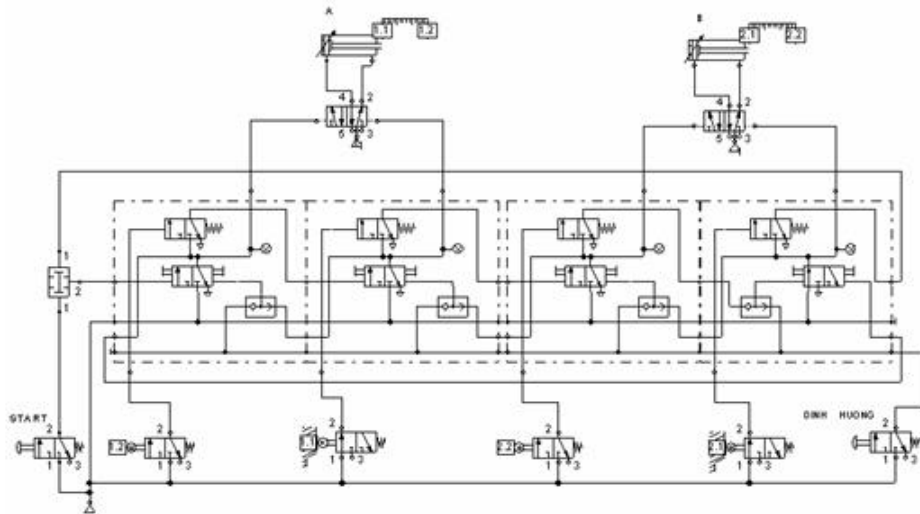
- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 203: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- ABC ☒ A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2
- B. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 204: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

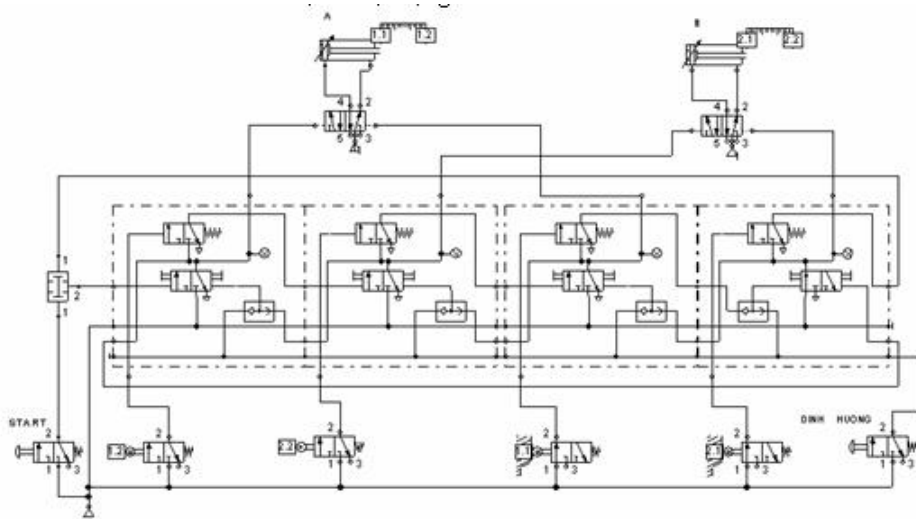


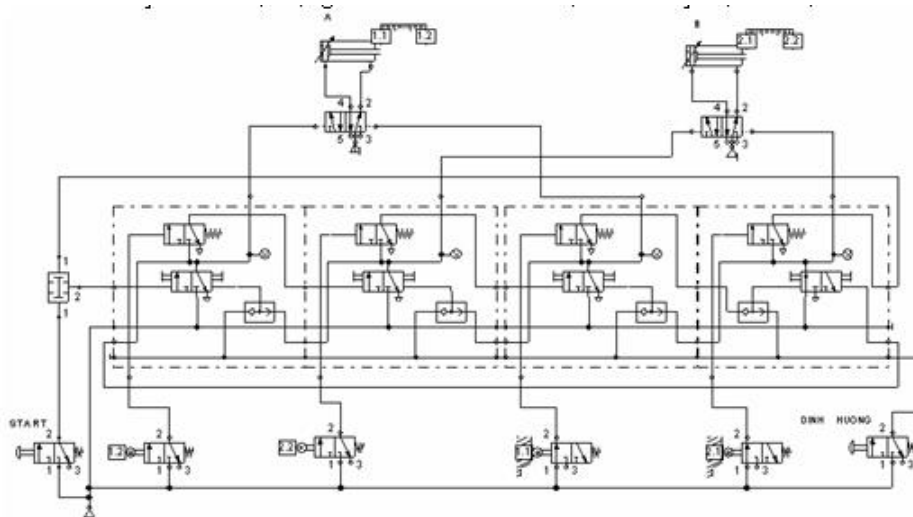
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2



- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

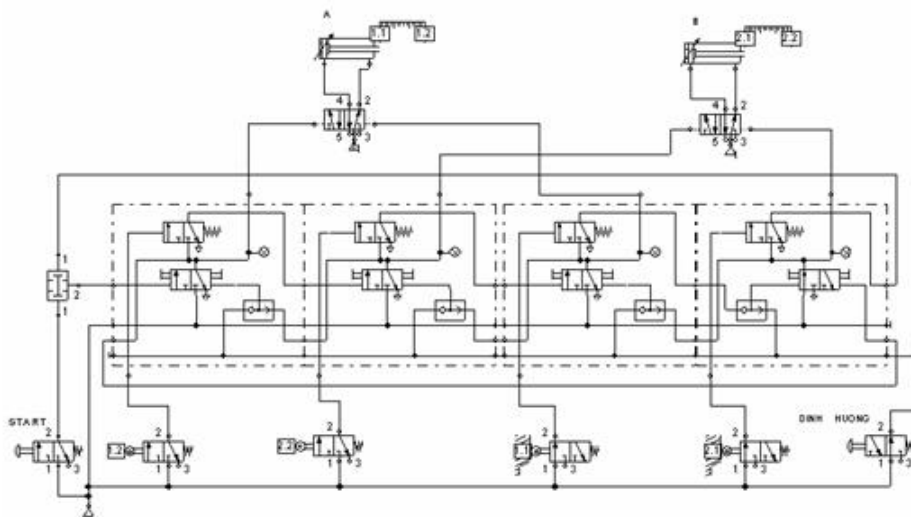
Câu 205: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :





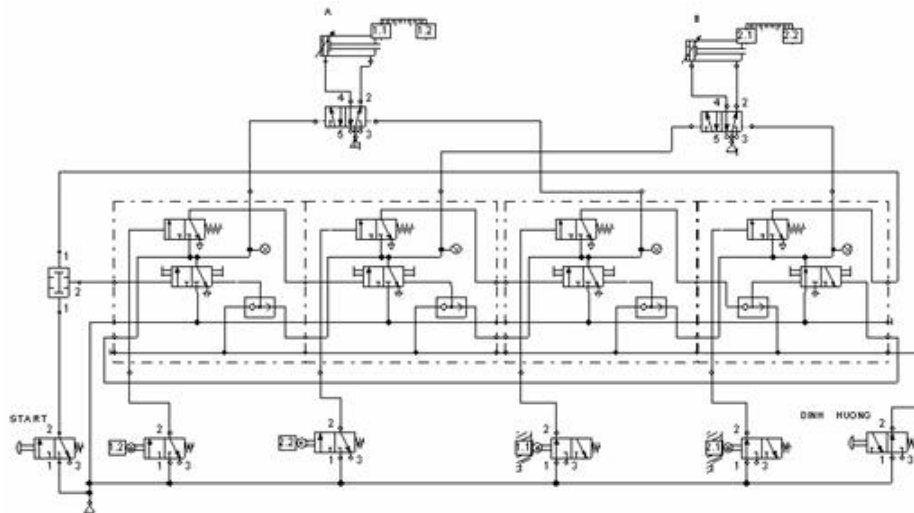
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2
- B. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 207: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+B-A-
- C. A+A-B+B-
- D. A+B+A-B-

Câu 208: Cho yêu cầu hoạt động A+B+A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

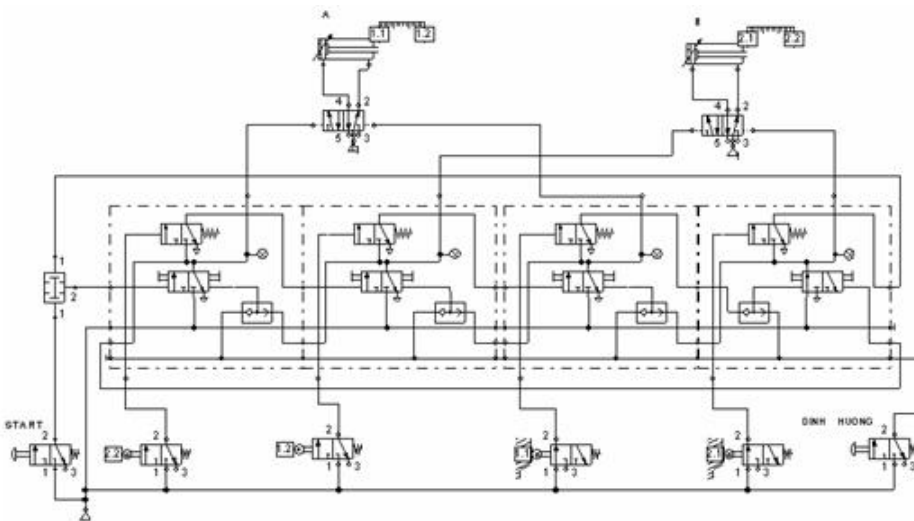


B. Mạch sai tại nút nhấn định hướng.

C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2

D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 209: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



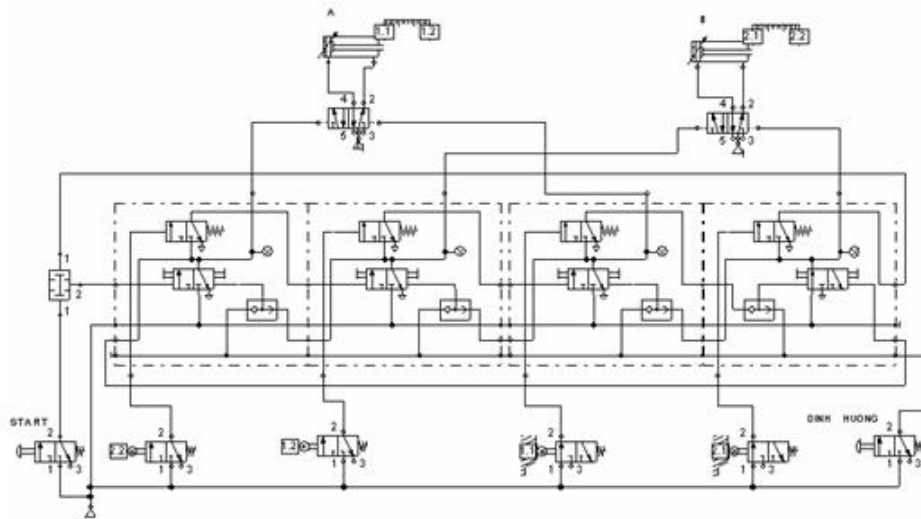
A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$

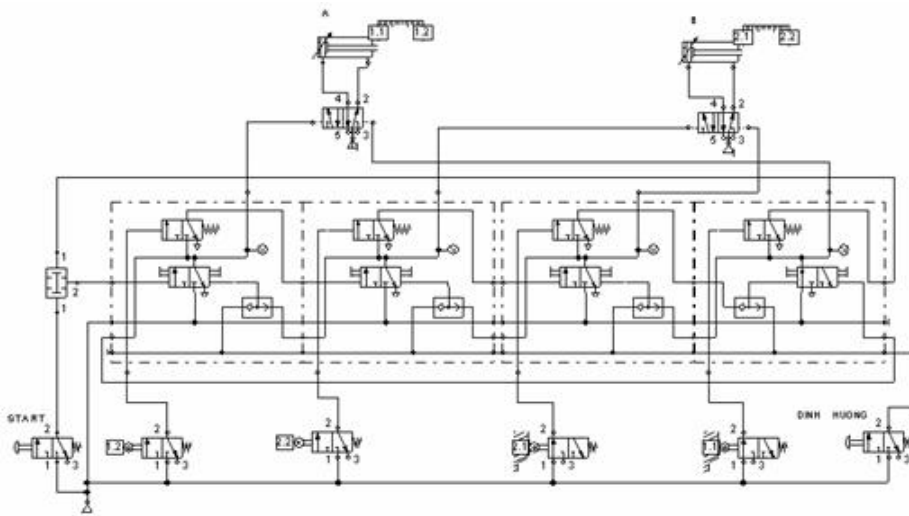
D. $A+B+A-B-$

Câu 210: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



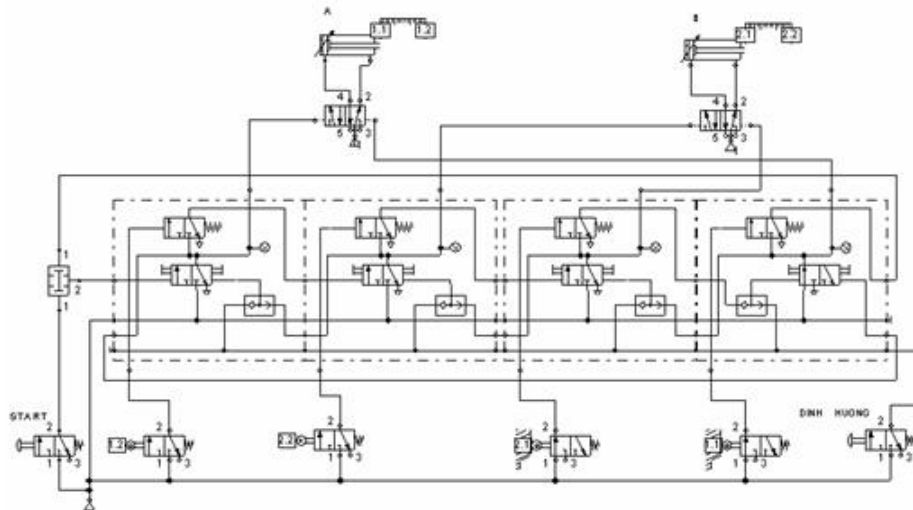
- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại nút nhấn định hướng.
- ☒ C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2 và 2.2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 211: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- A. Mạch không hoạt động
- ☒ B. A+B+B-A-
- C. A+A-B+B-
- D. A+B+A-B-

Câu 212: Cho yêu cầu hoạt động A+B+B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2

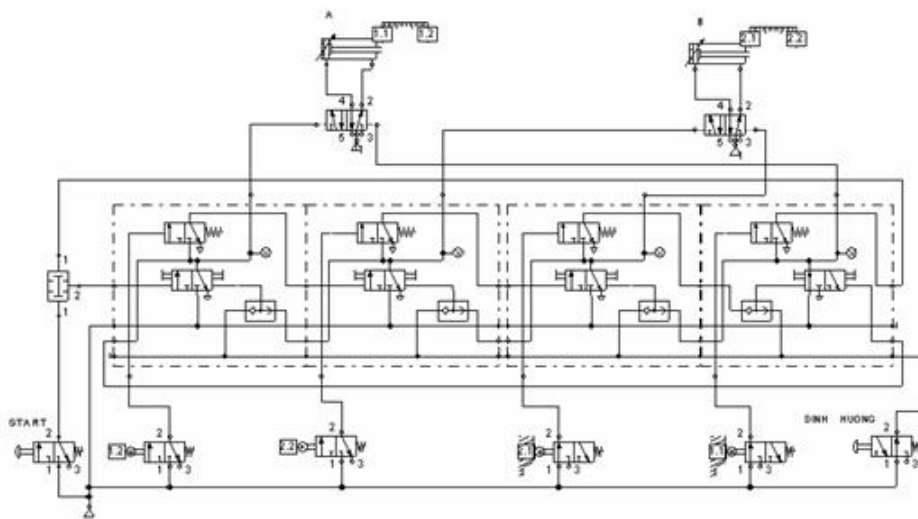
B. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1

C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.2



D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 213: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



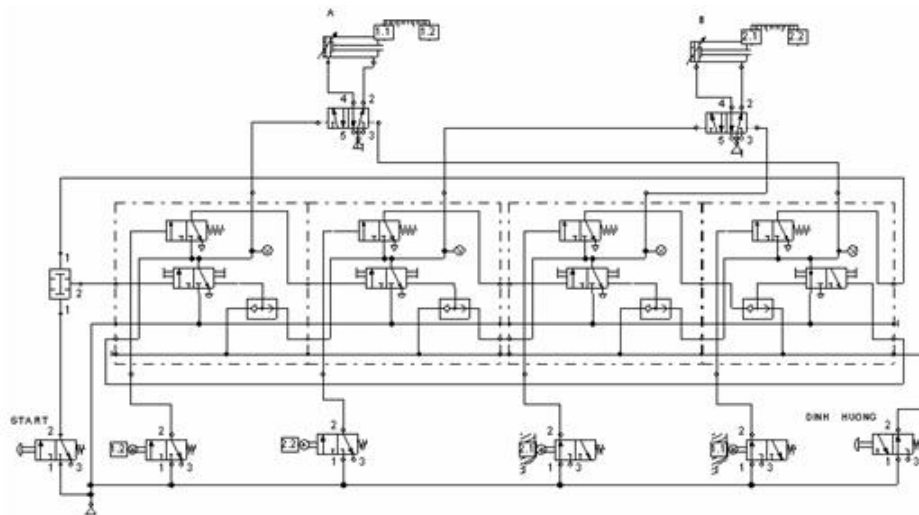
A. Mạch không hoạt động

B. A+B+B-A-

C. A+A-B+B-

D. A+B+A-B-

Câu 214: Cho yêu cầu hoạt động A+B+A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1

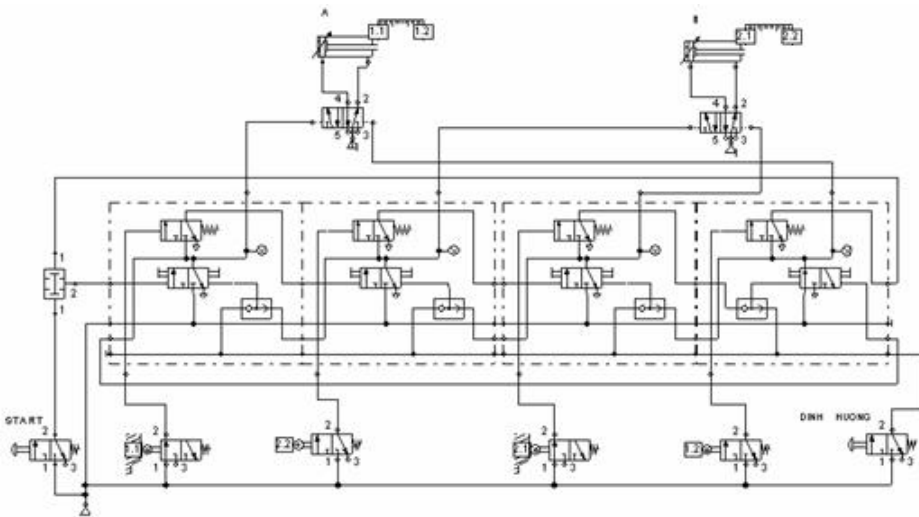


B. Mạch sai tại nút nhấn định hướng.

C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2

D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 215: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



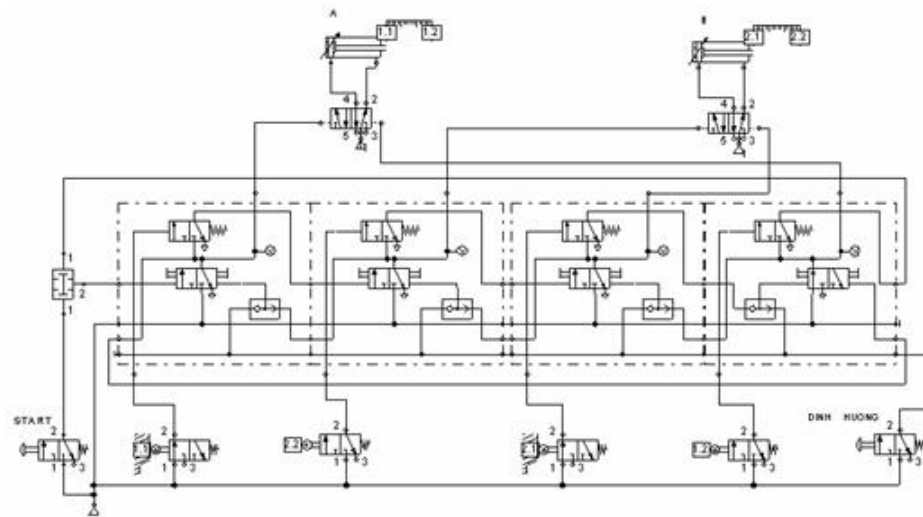
A. Mạch không hoạt động

B. A+B+B-A-

C. A+A-B+B-

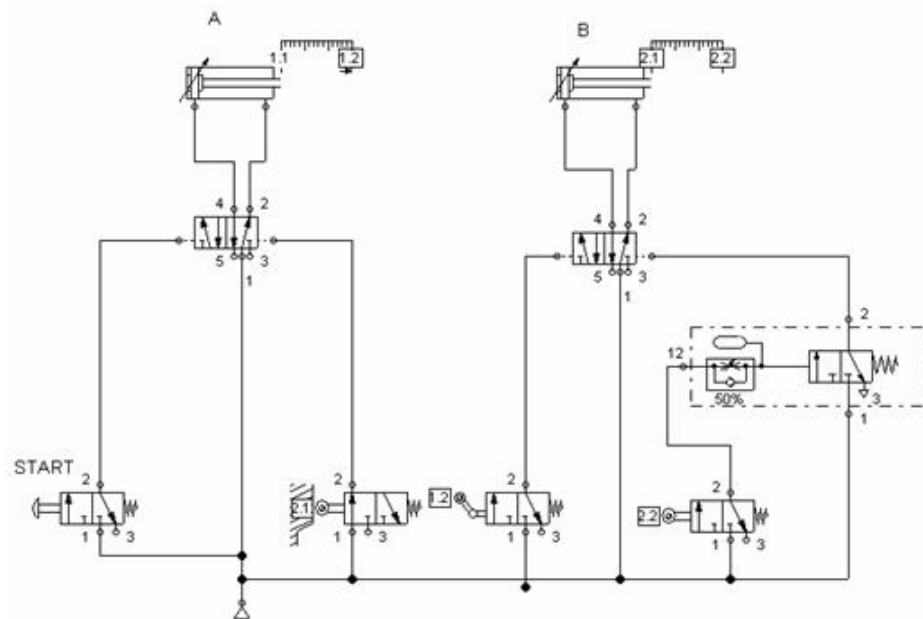
D. A+B+A-B-

Câu 216: Cho yêu cầu hoạt động A+B+B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



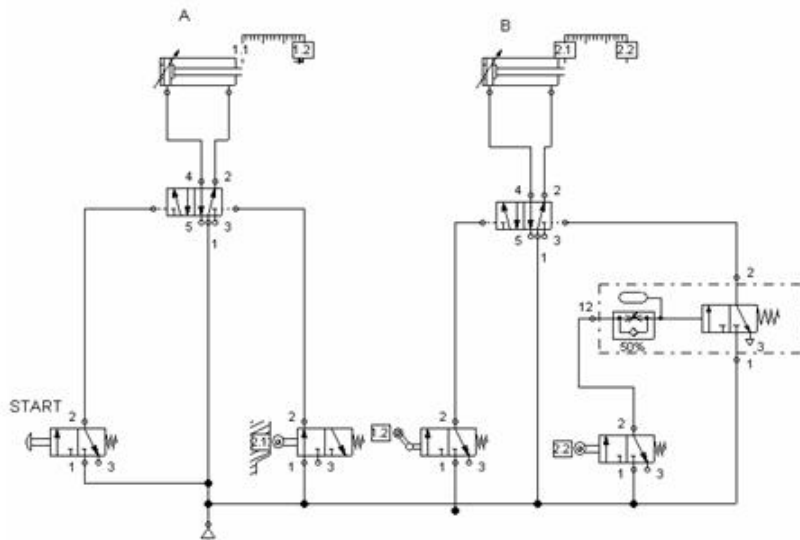
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 2.1 và 2.2
- B. Mạch sai tại nút nhấn định hướng.
- ☒ C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 217: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



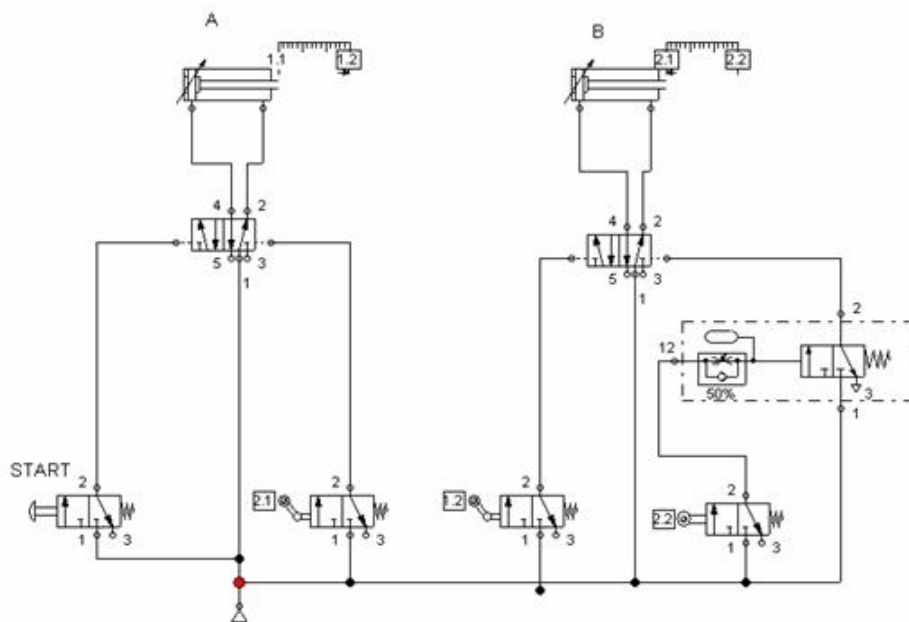
- ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. A+B+-----B-A-
- C. A+-----A-B+B-
- D. A+B+-----A-B-

Câu 218: Cho yêu cầu hoạt động A+B+-----B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



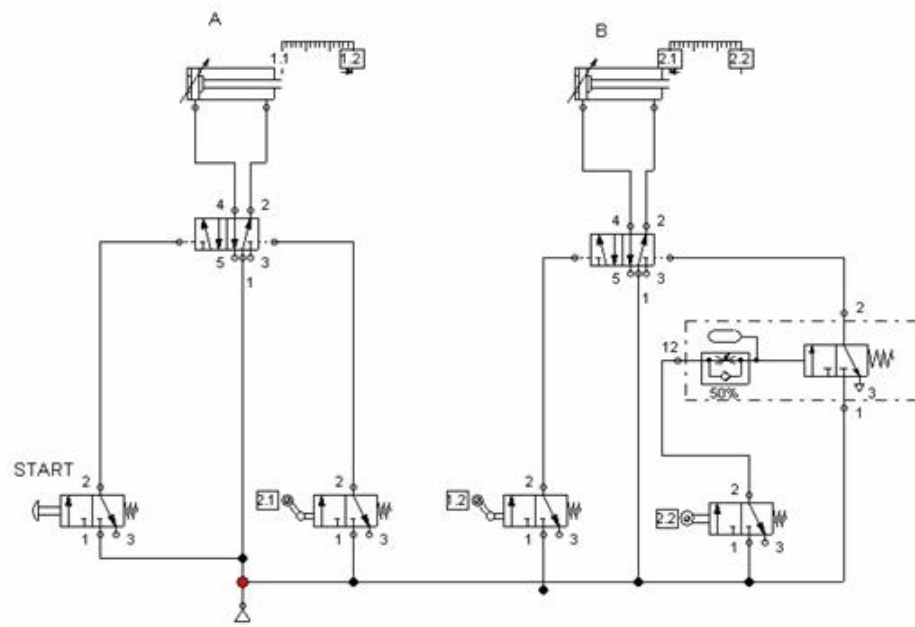
- ABC ☒ A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 219: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+-----B-A-$
- C. $A+-----A-B+B-$
- D. $A+B+-----A-B-$

Câu 220: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+-----B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

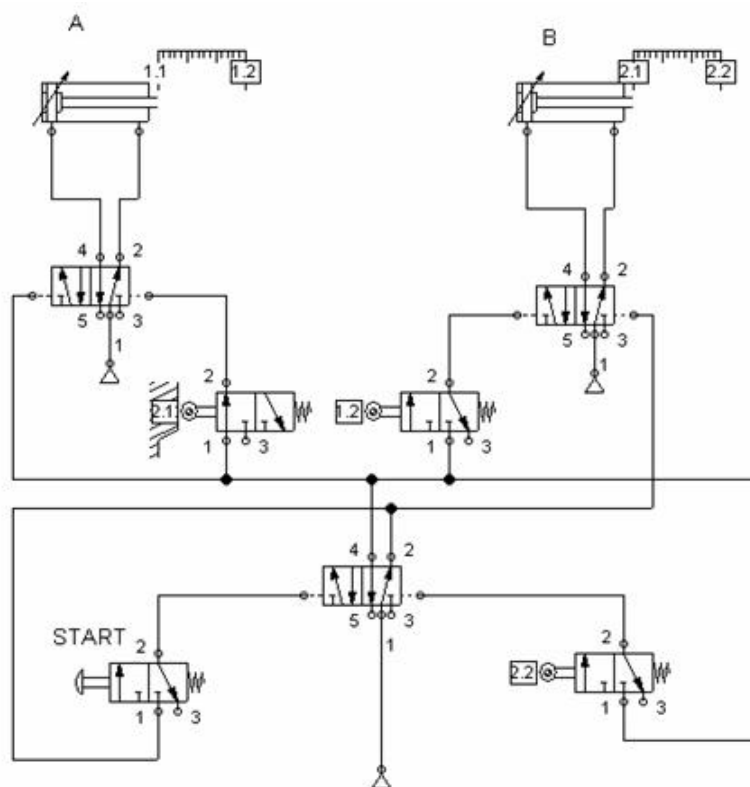


- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại role thời gian.



D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 221: : Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :

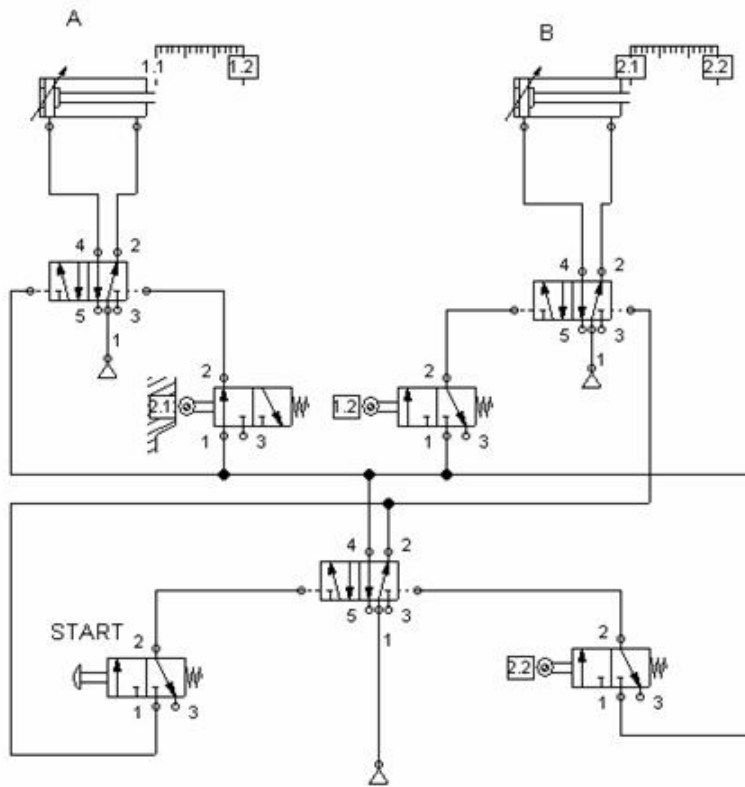


- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$

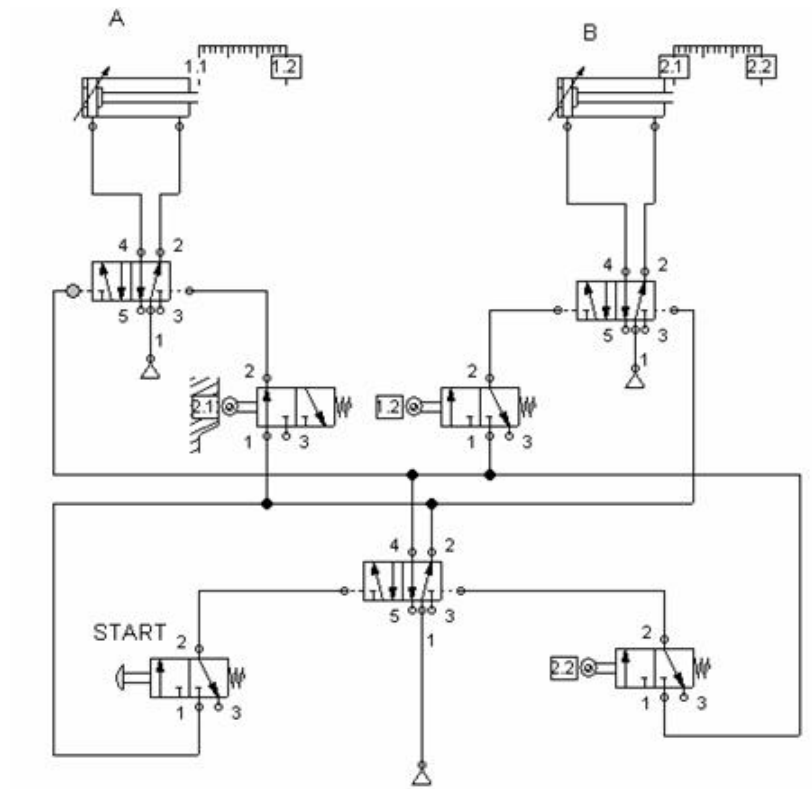
D. $A+B+A-B-$

Câu 222: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại nguồn cấp cho công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 223: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



A. Mạch không hoạt động

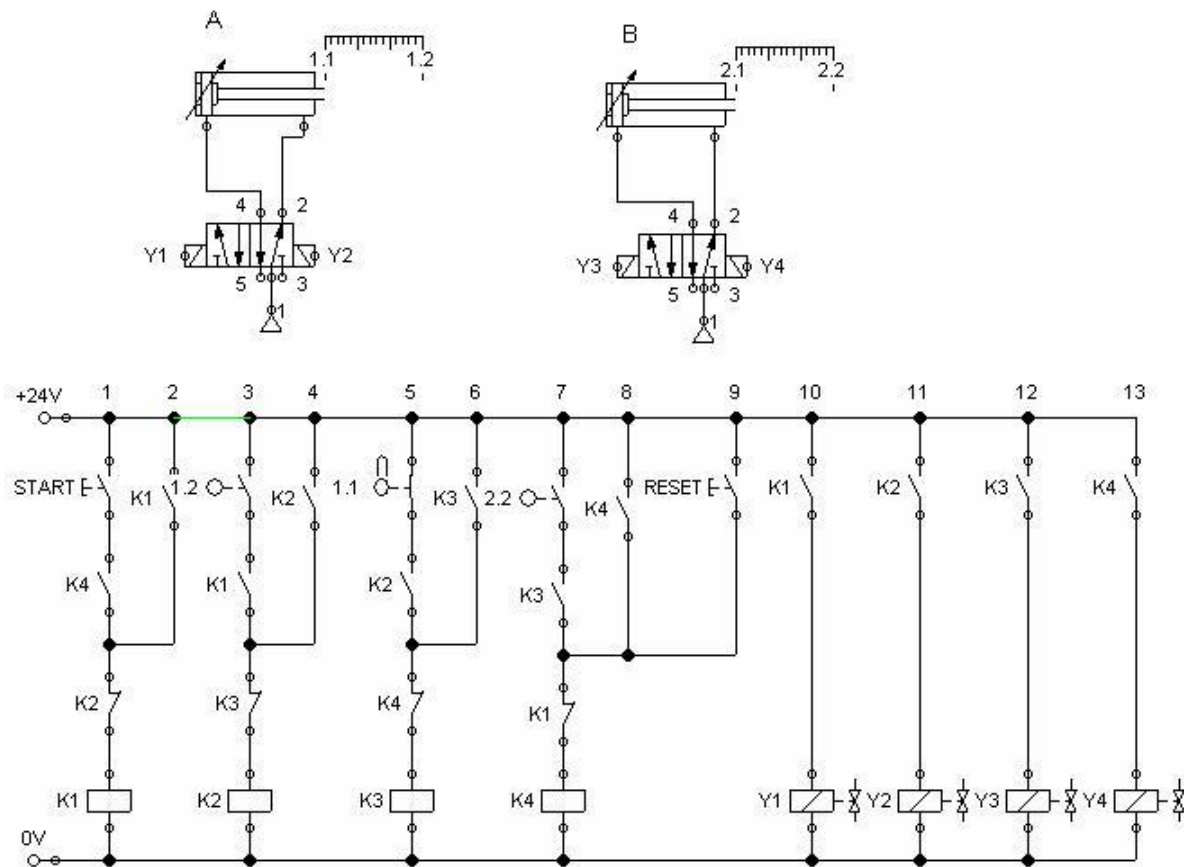


B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$

D. $A+B+A-B-$

Câu 224: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



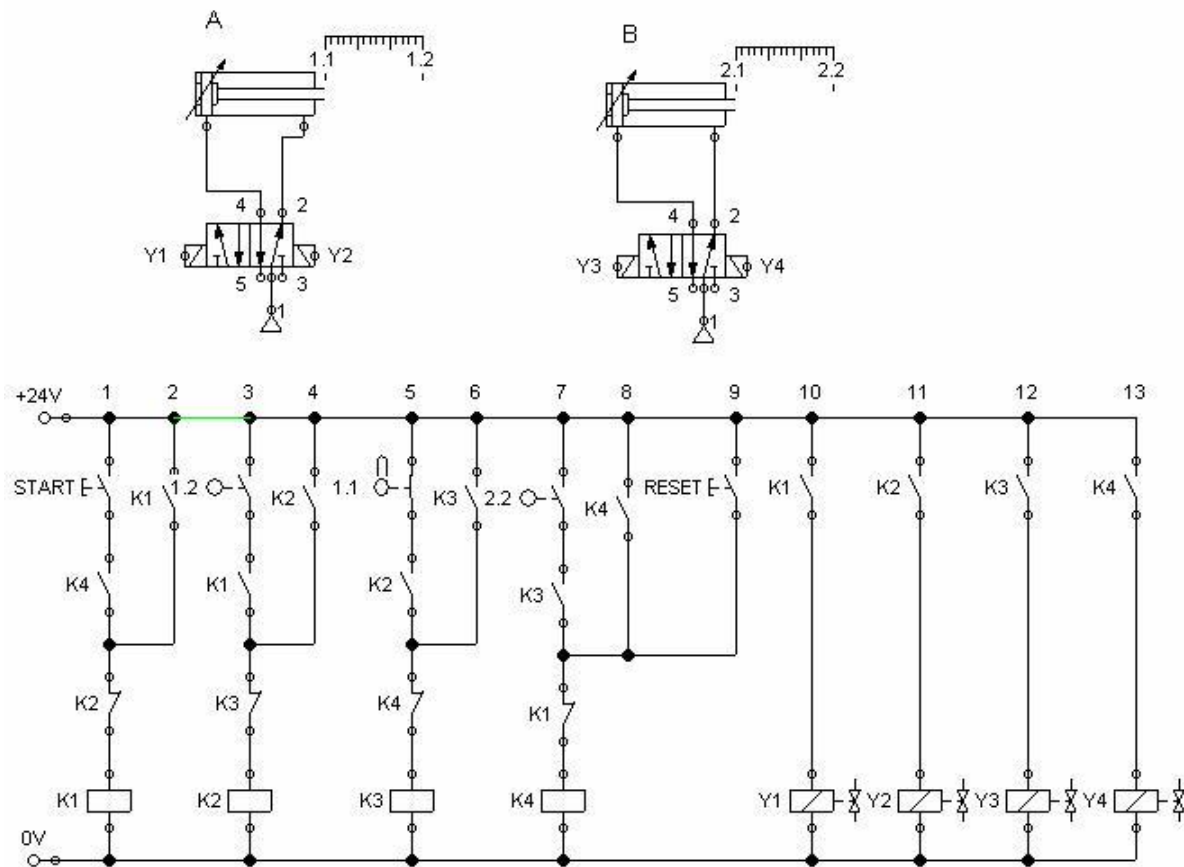
A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+B-A-$

☒ C. $A+A-B+B-$

D. $A+B+A-B-$

Câu 225: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

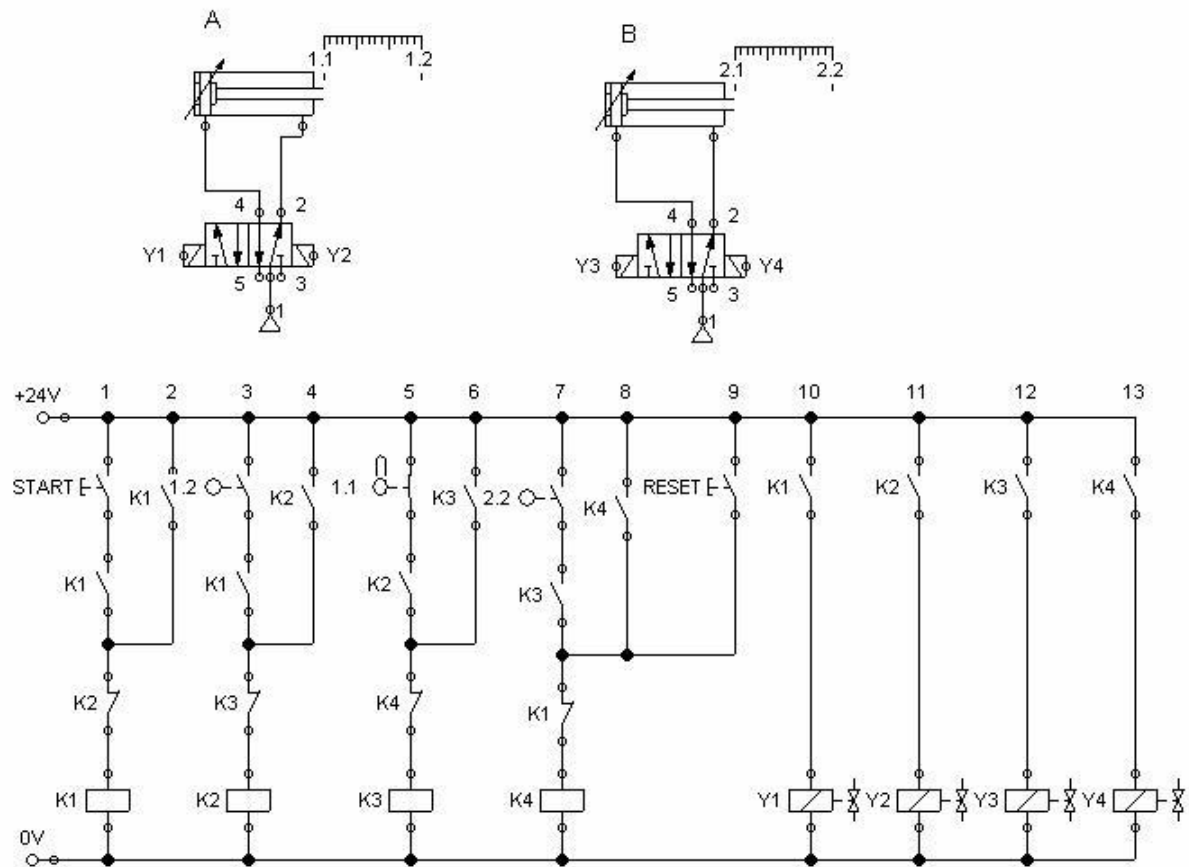


- A. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.1
- B. Mạch sai tại nút nhấn định hướng.
- C. Mạch sai tại công tắc hành trình 1.2



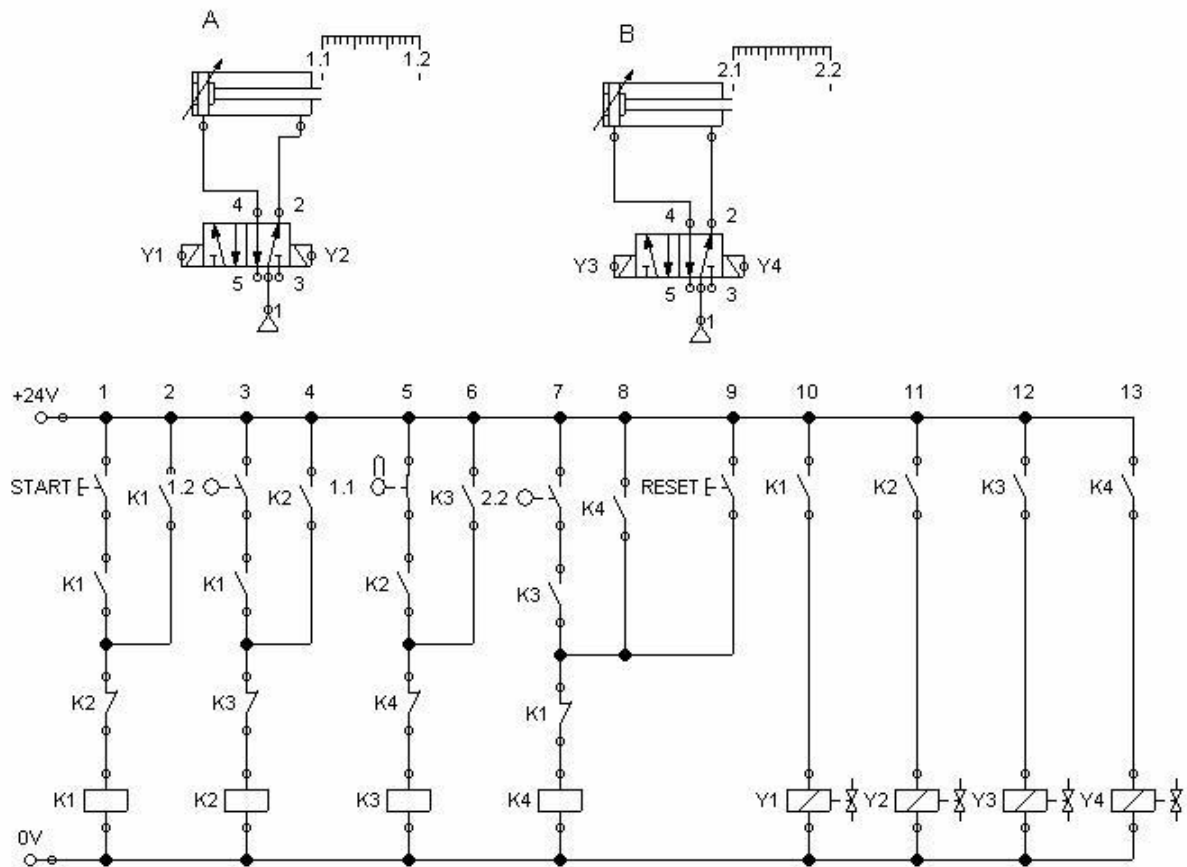
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 226: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



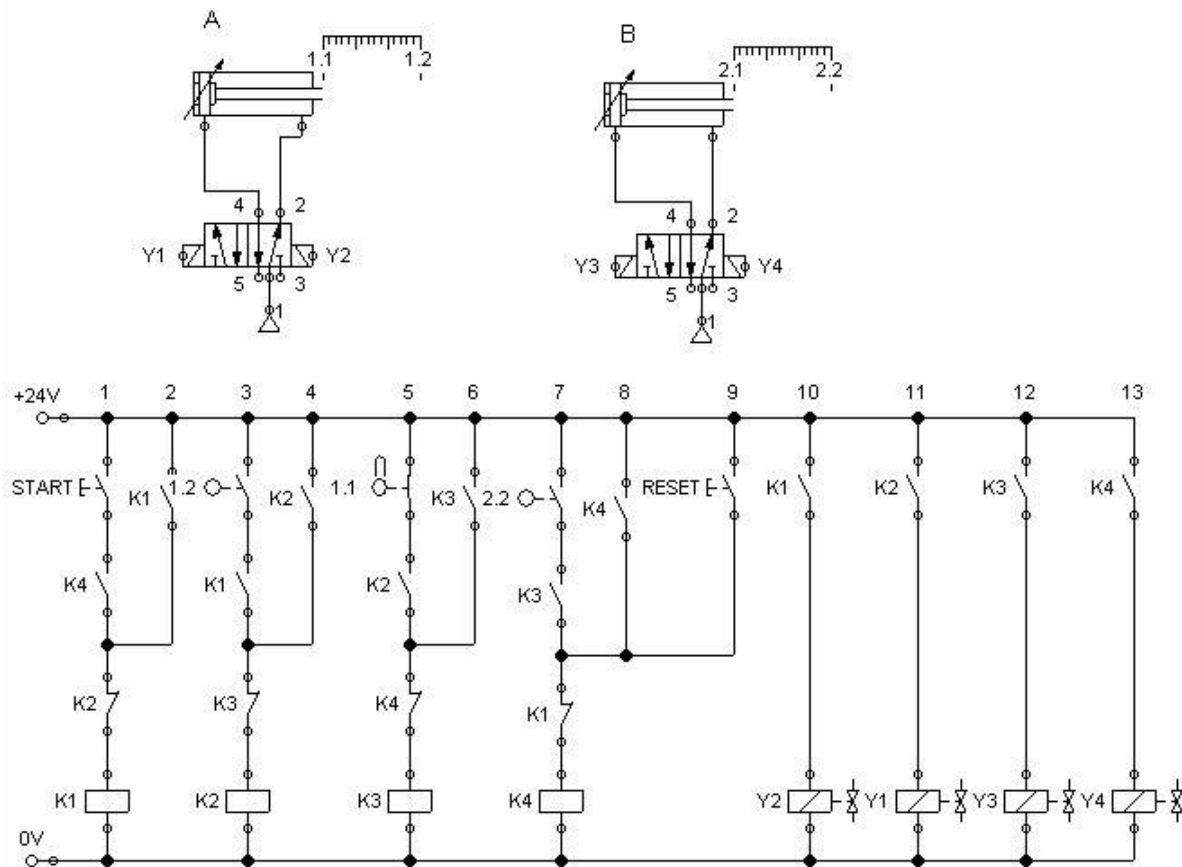
- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 227: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



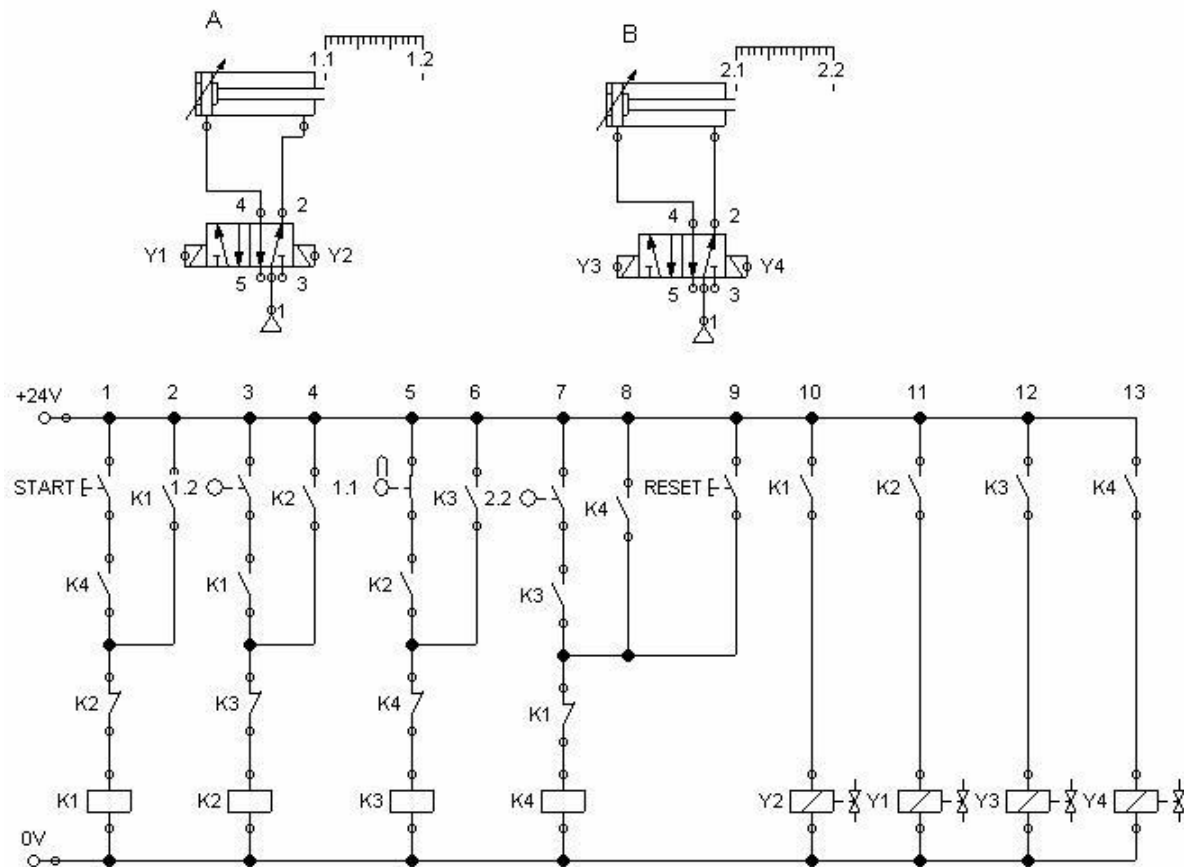
- A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1
- B. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1
- D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 228: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



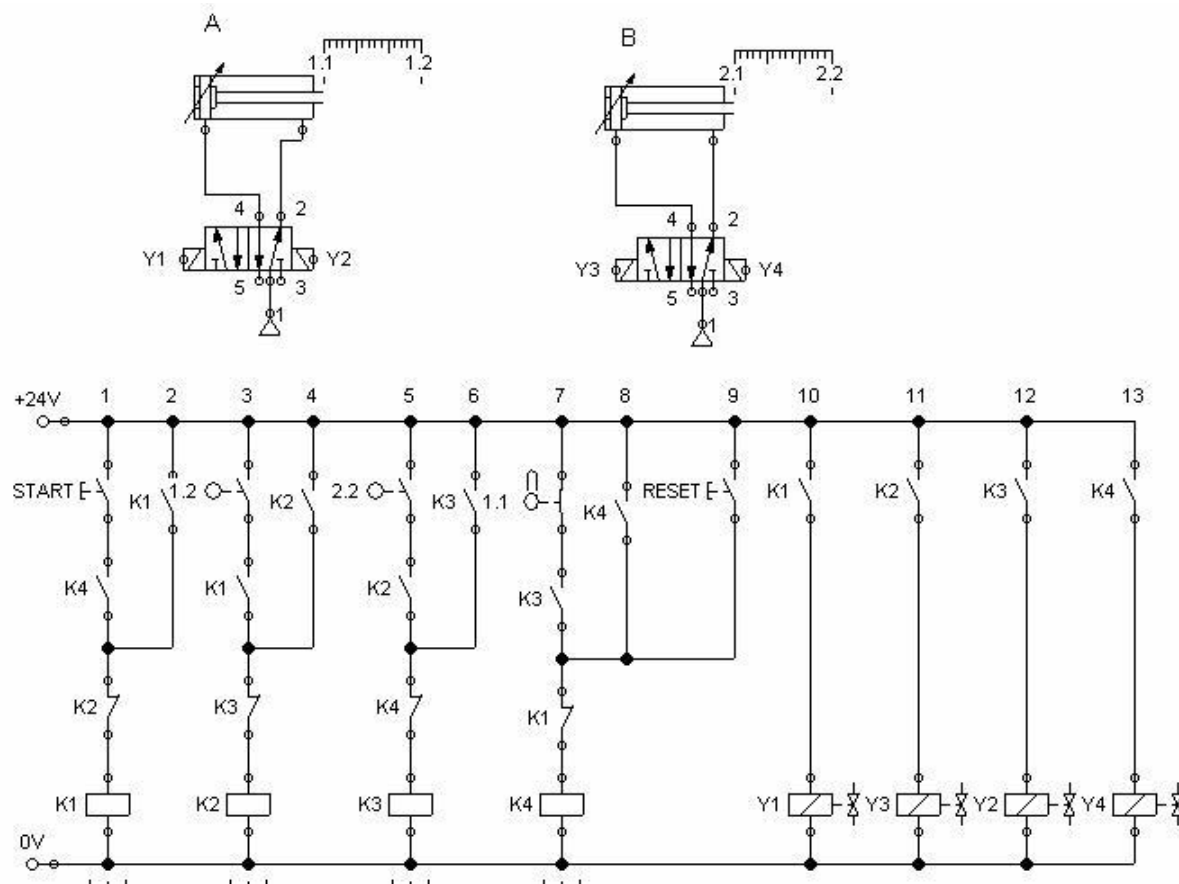
- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 229: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1
- B. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1
- D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 230: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



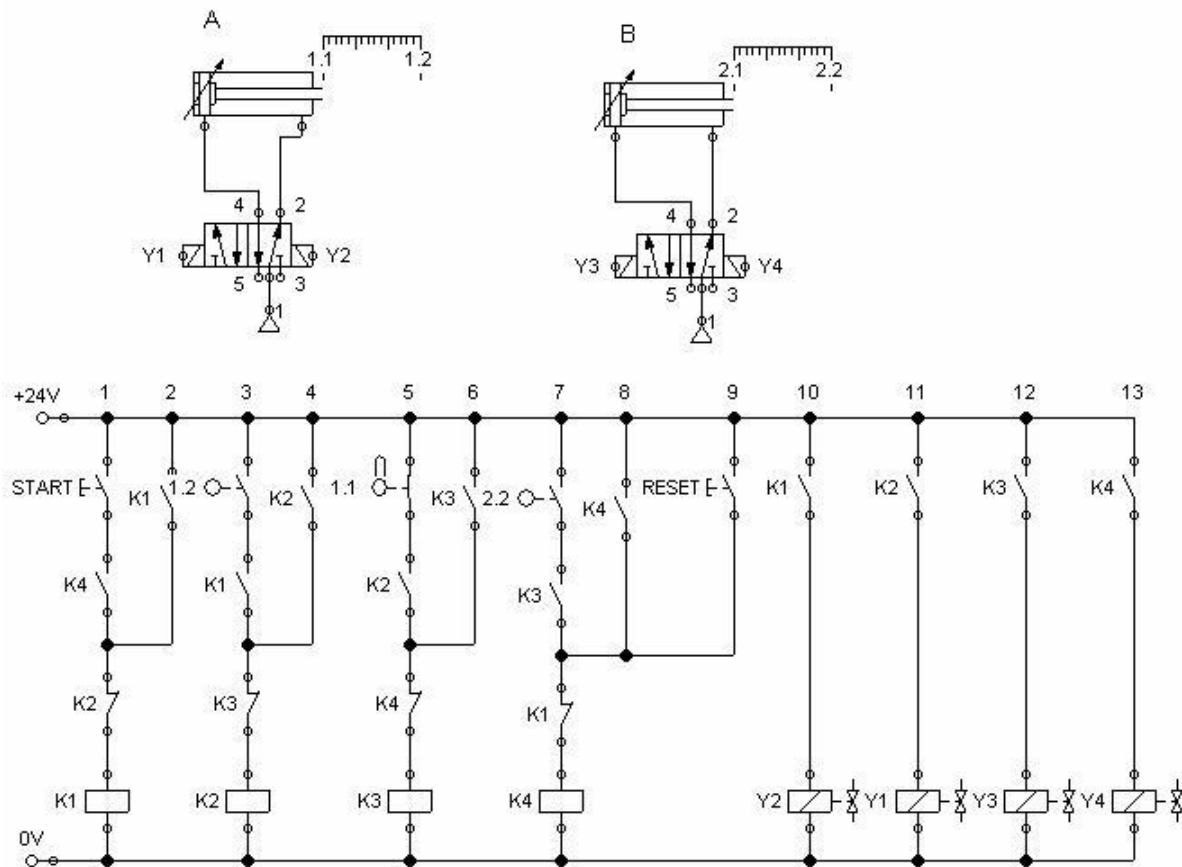
A. Mạch không hoạt động

B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$

☒ D. $A+B+A-B-$

Câu 231: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1

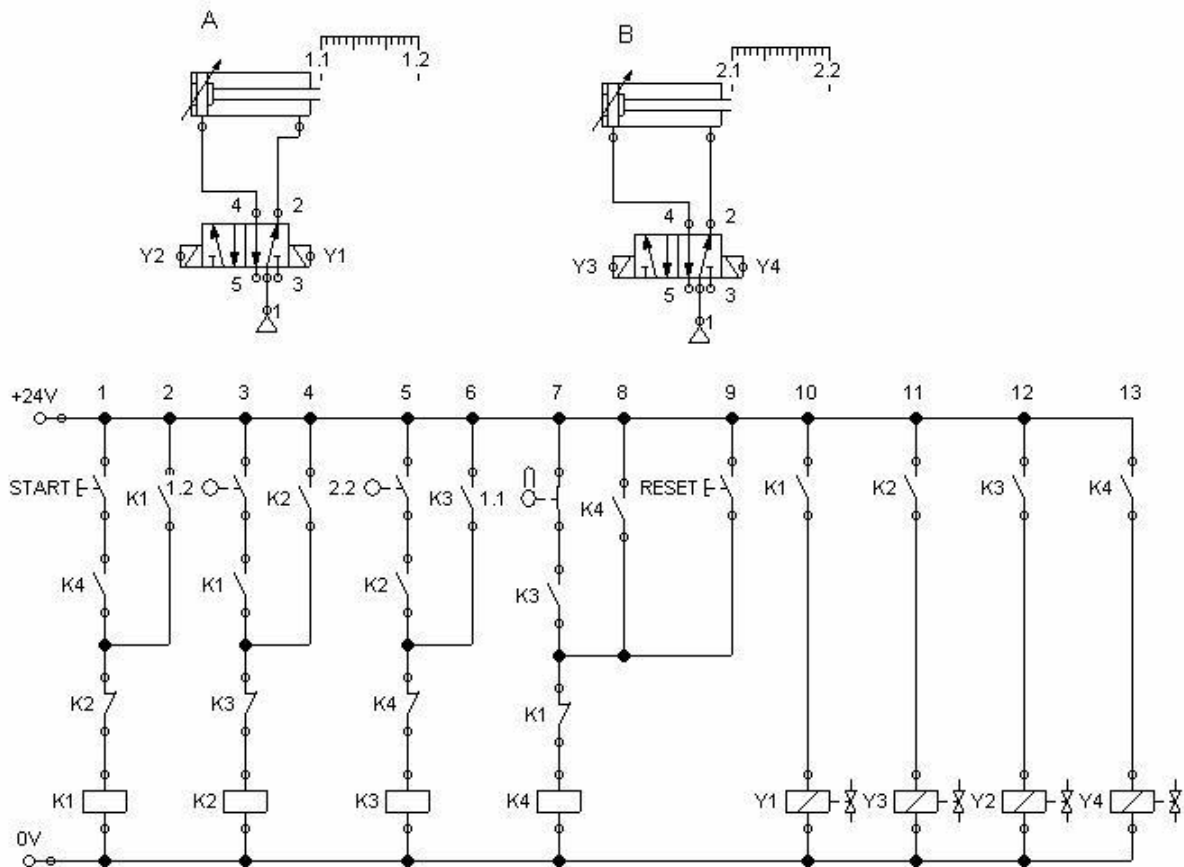


B. Mạch hoạt động đúng, không sai.

C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1

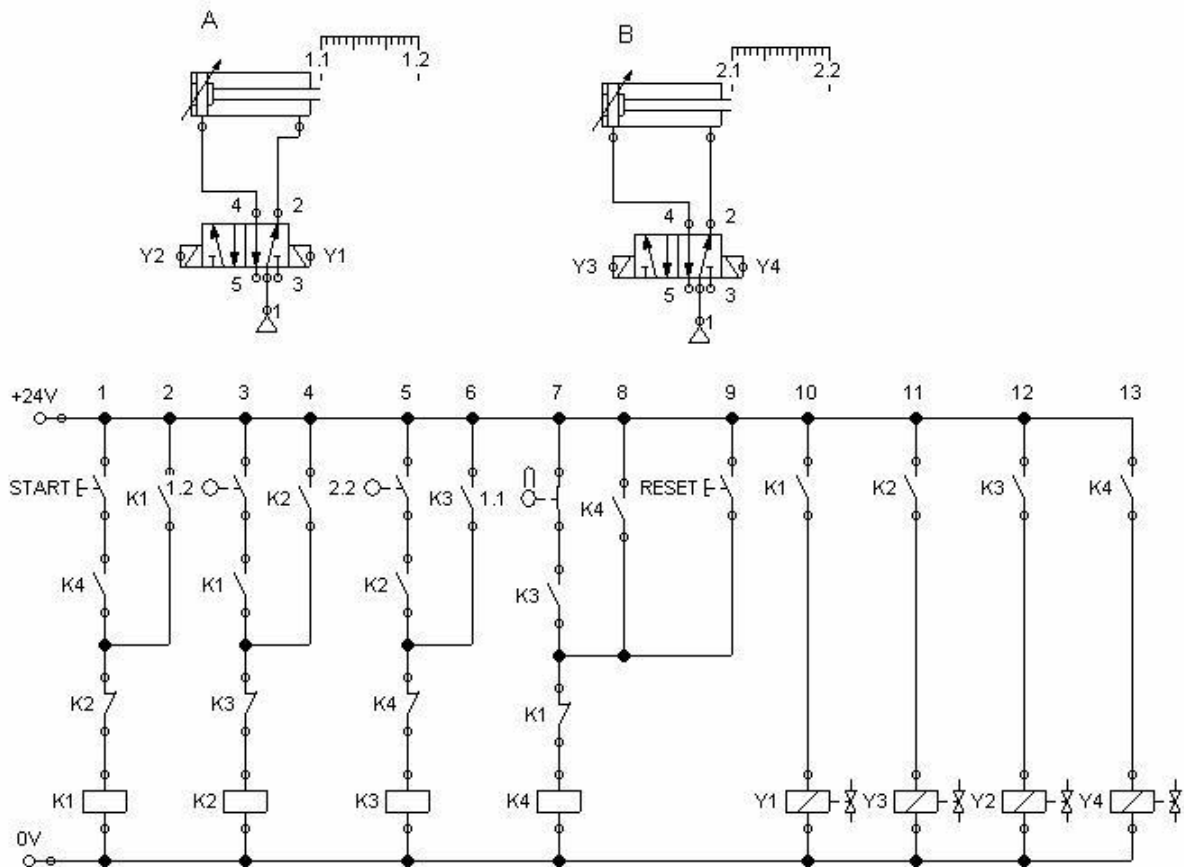
D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 232: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 233: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:

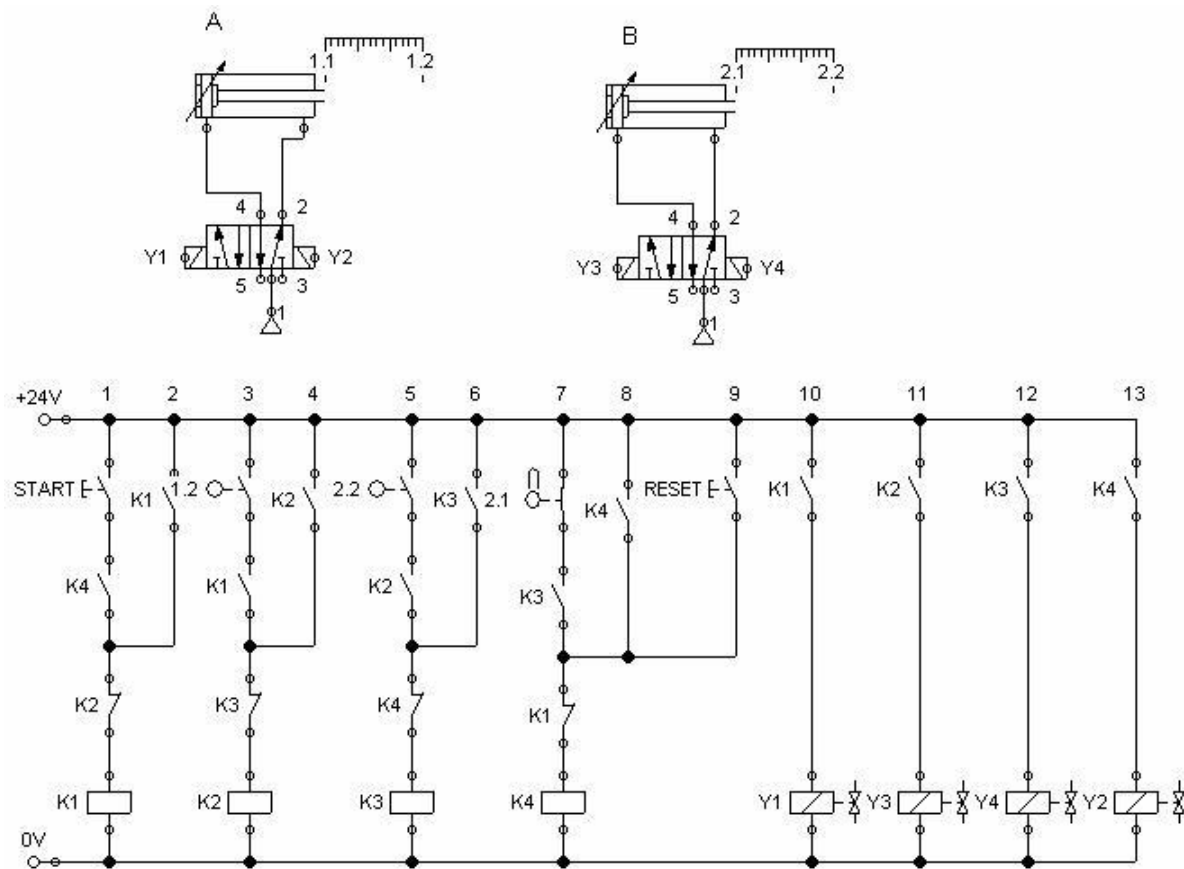


- A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1
- B. Mạch hoạt động đúng, không sai.
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1



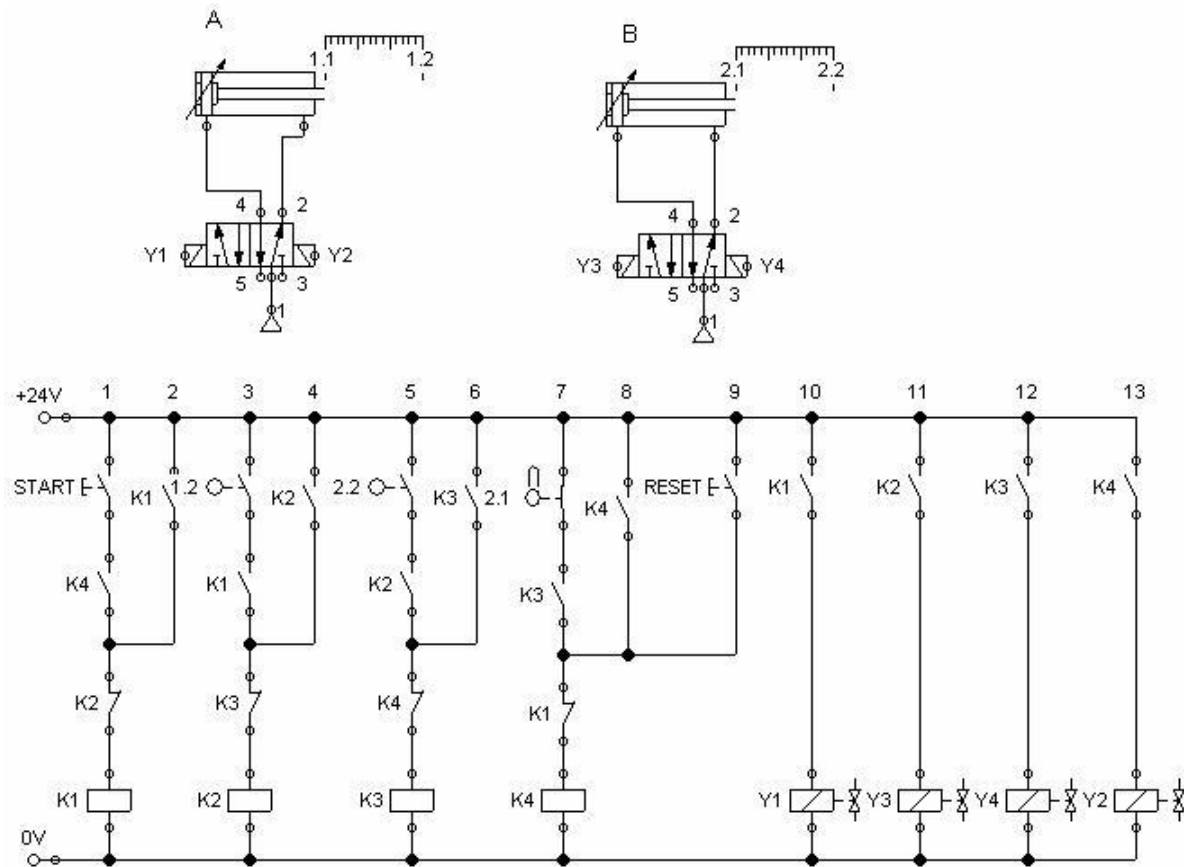
- D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 234: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



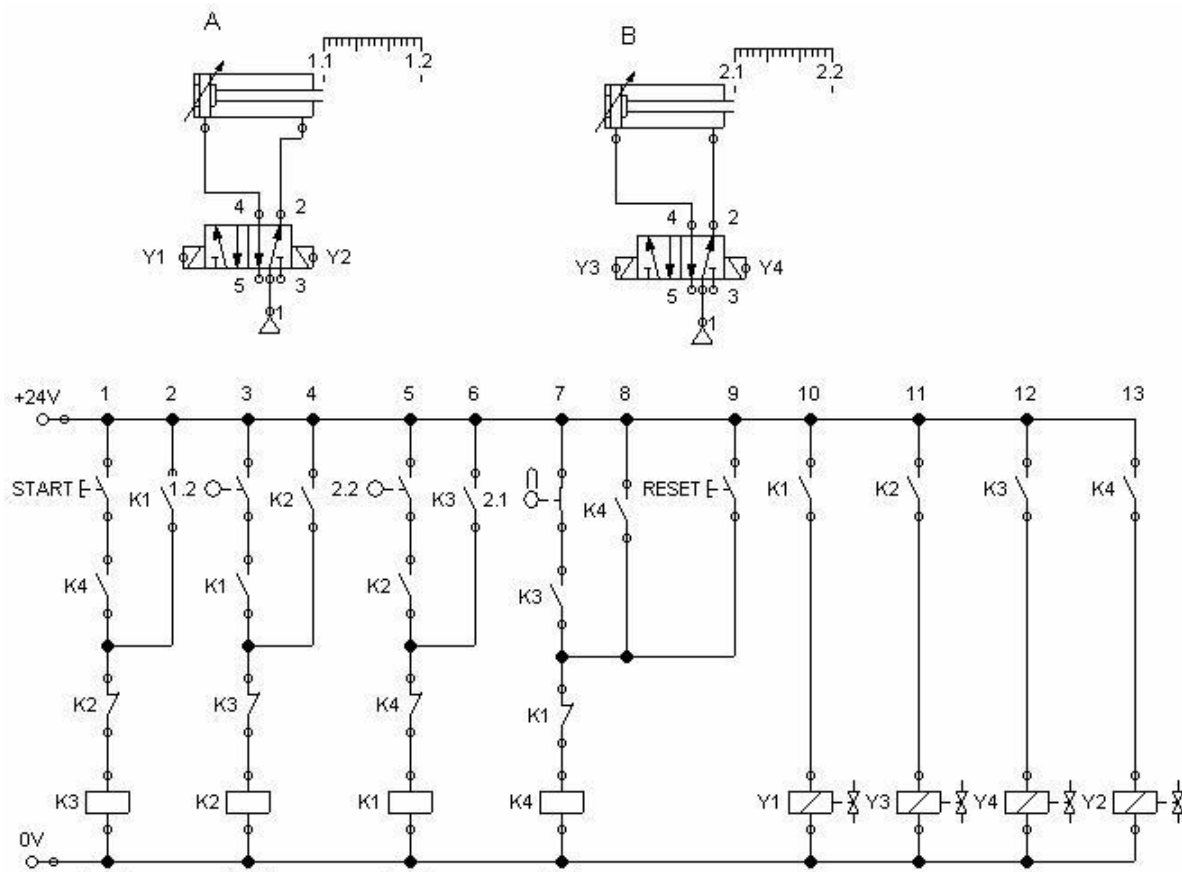
- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 235: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



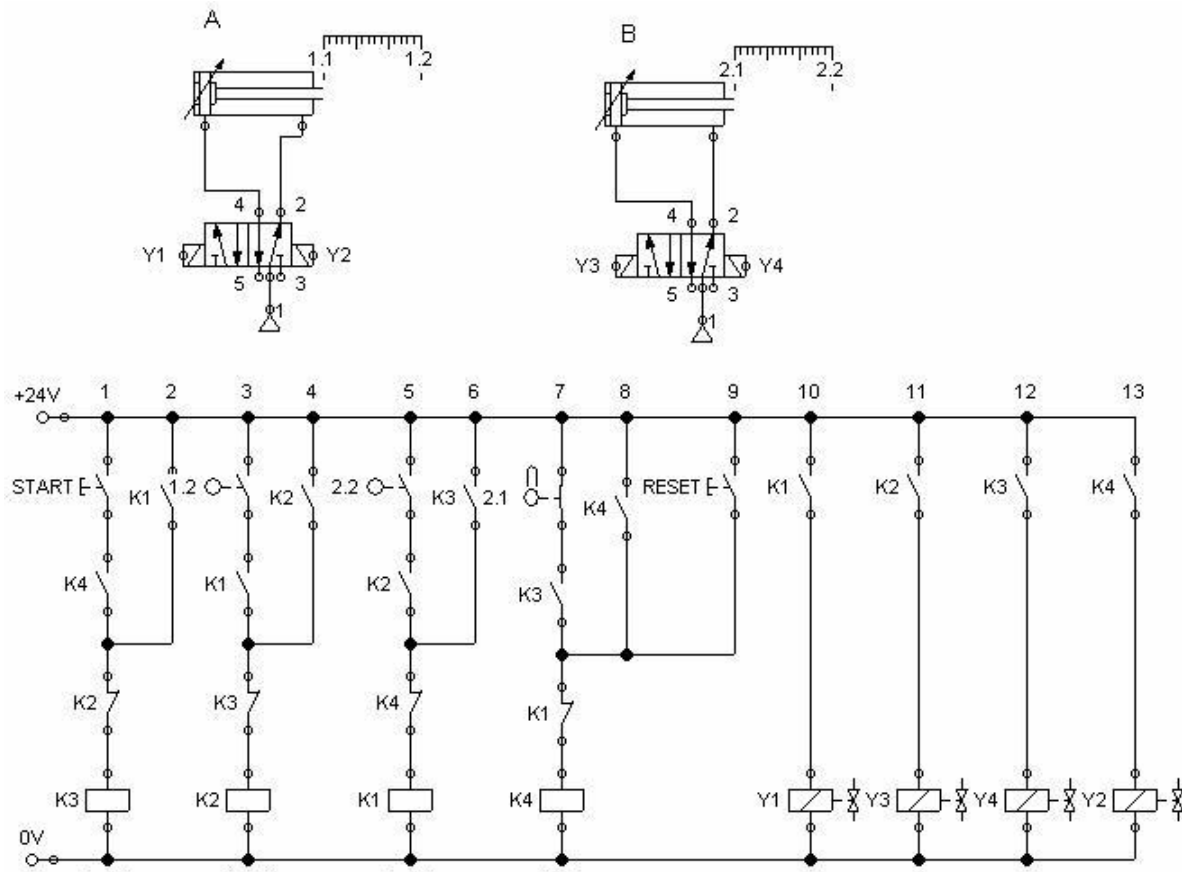
- A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1
- ☒ B. Mạch hoạt động đúng, không sai.
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1
- D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 236: Khi nhấn RESET, START mạch hoạt động như sau :



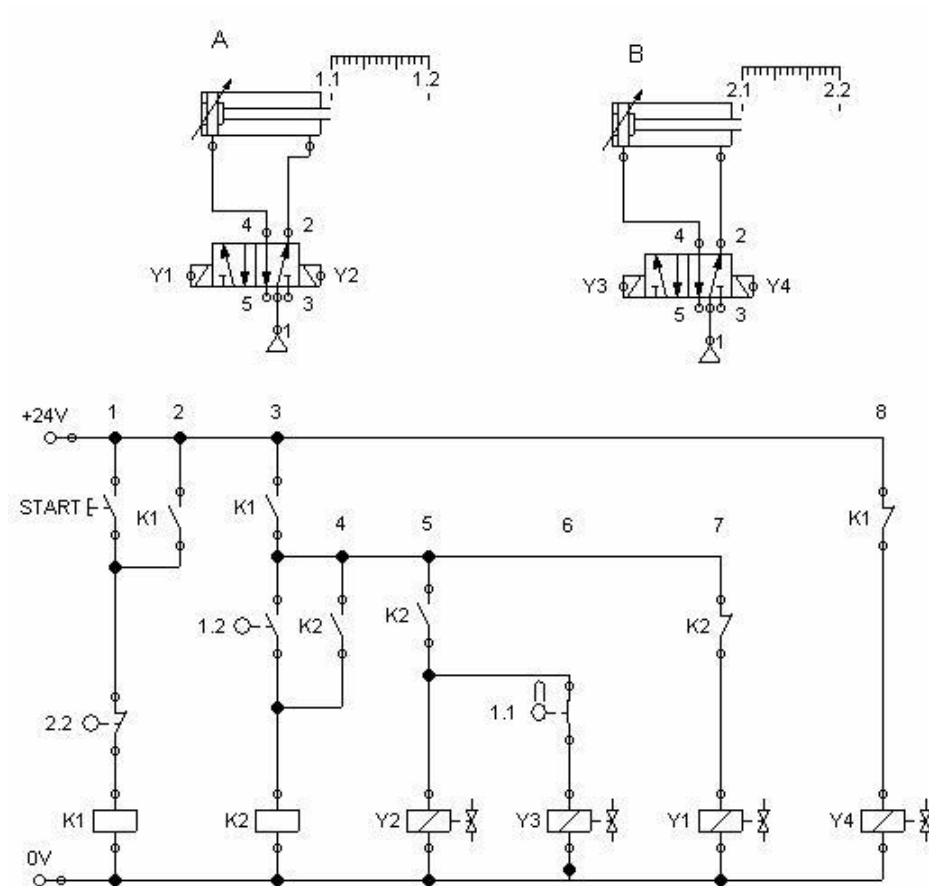
- ABC ☒ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 237: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



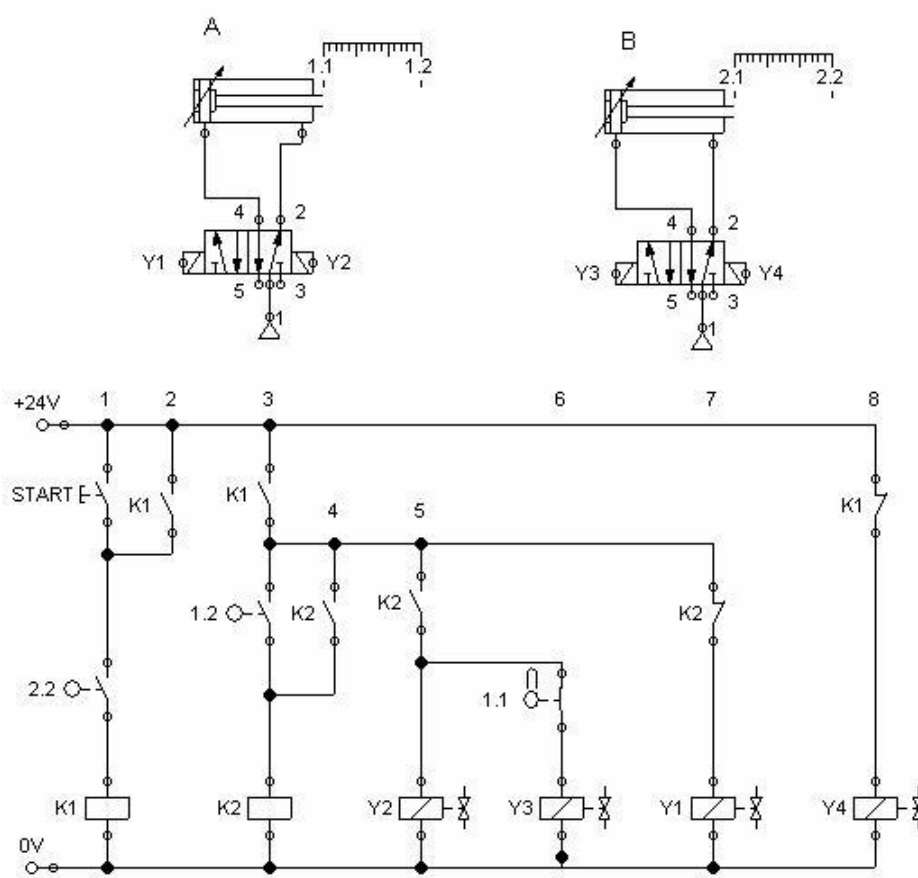
- A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K1 thường mở nhánh 1
- B. Mạch hoạt động đúng, không sai.
-  C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây trung gian K1 và K3
- D. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2

Câu 238: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



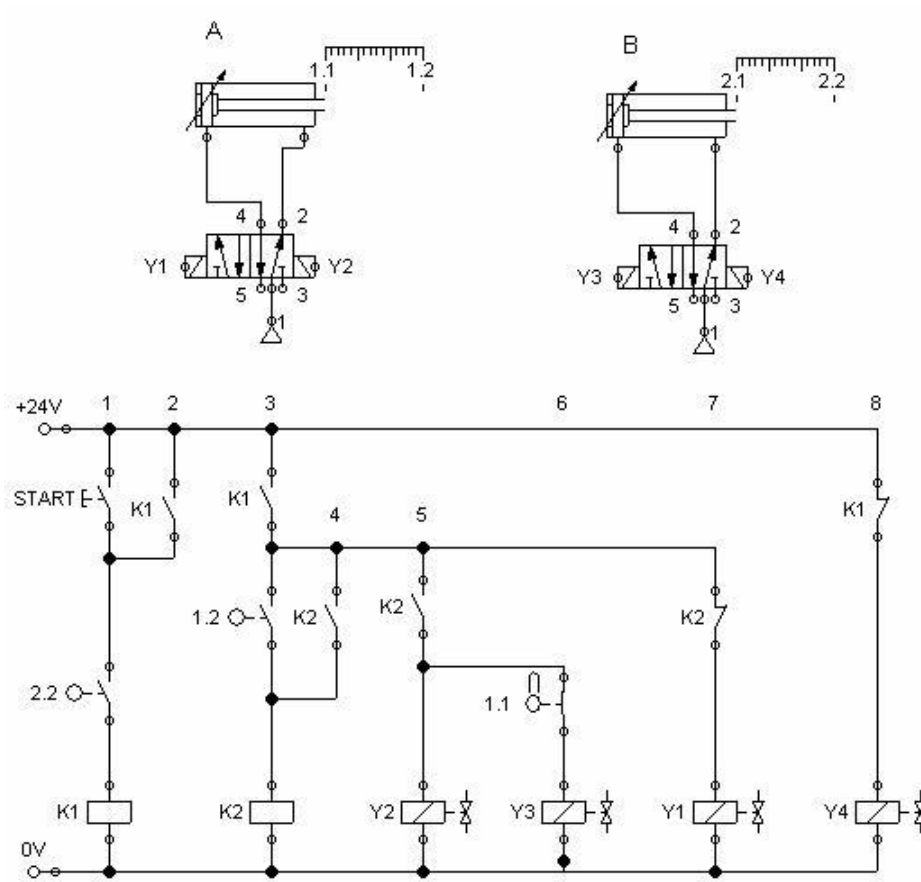
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 2.1 và 2.2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2
- ☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 240: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



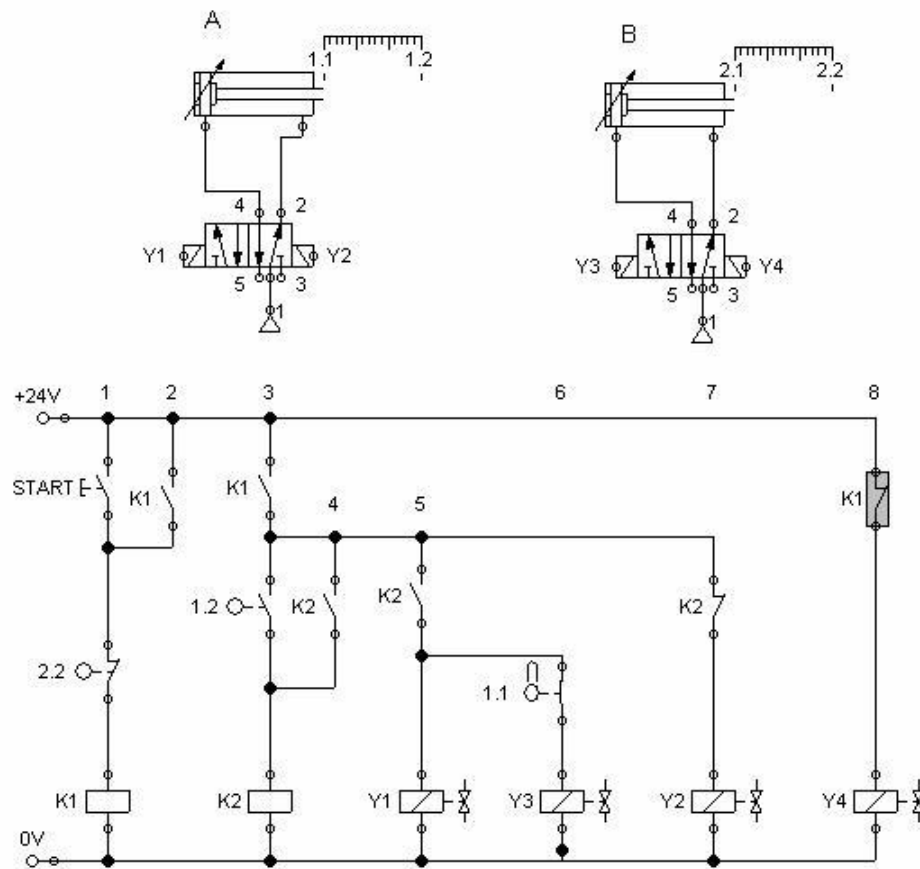
- ☒ A. Mạch không hoạt động
- ☐ B. $A+B+B-A-$
- ☐ C. $A+A-B+B-$
- ☐ D. $A+B+A-B-$

Câu 241: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



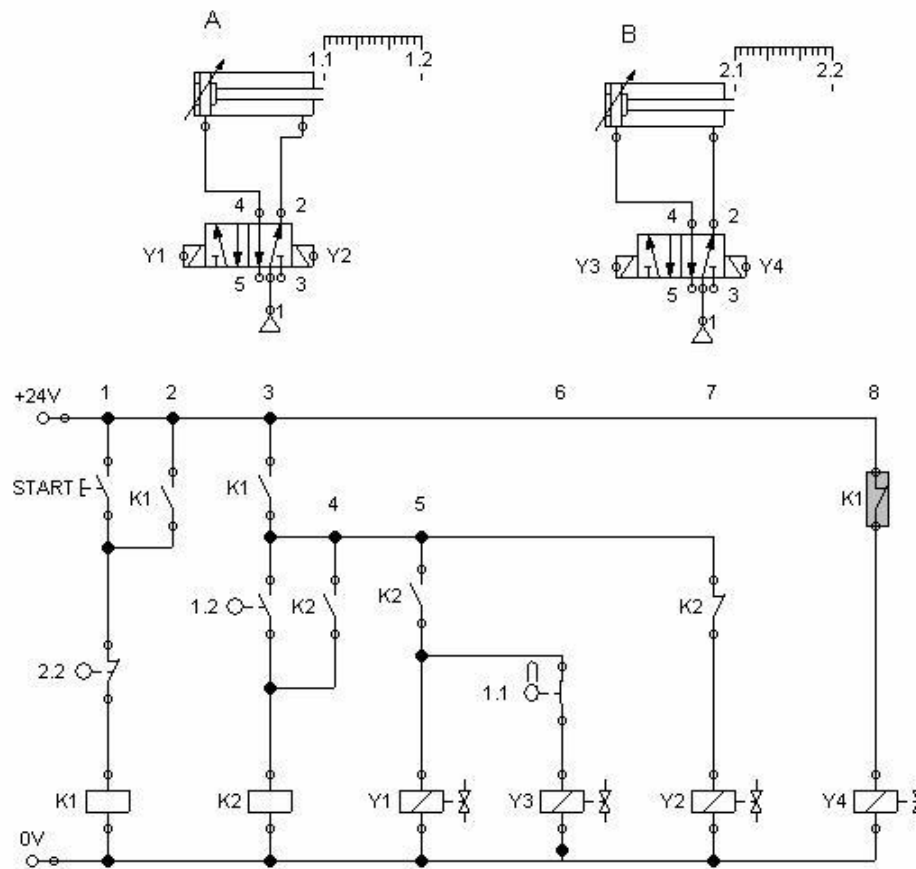
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 2.1 và 2.2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1 và 1.2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 242: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



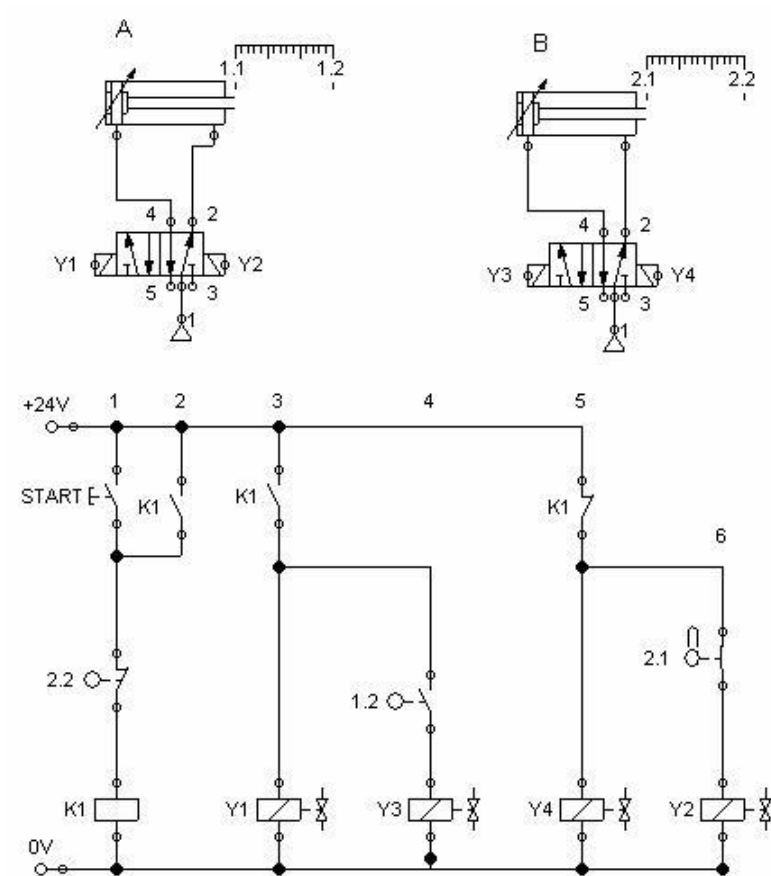
- ABC ✓ A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 243: Cho yêu cầu hoạt động $A+A-B+B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 2.1 và 2.2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☒ C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 244: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



A. Mạch không hoạt động

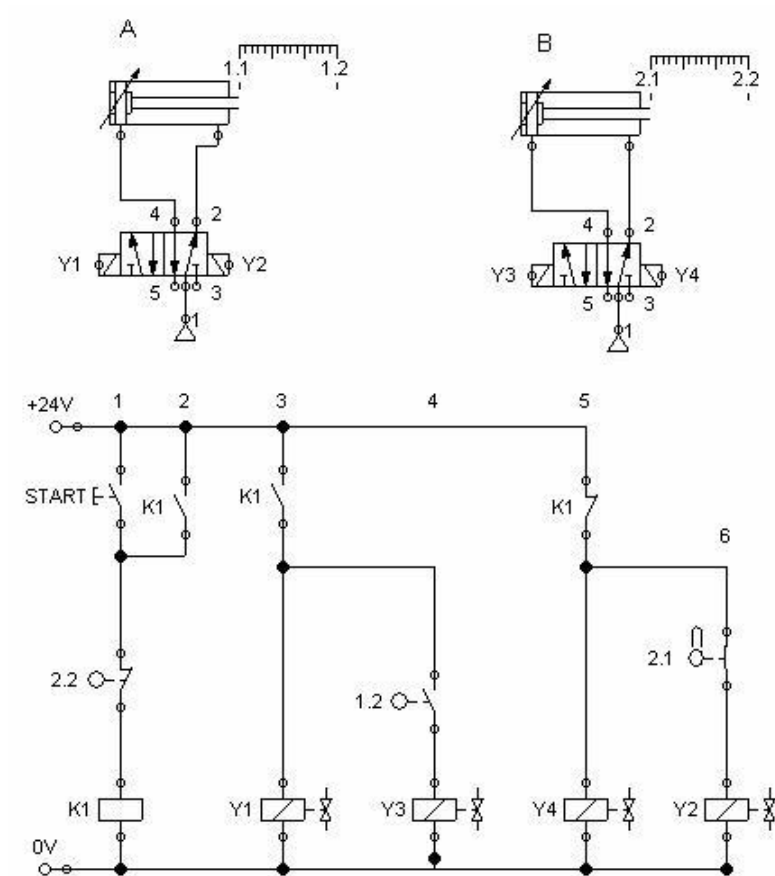


B. $A+B+B-A-$

C. $A+A-B+B-$

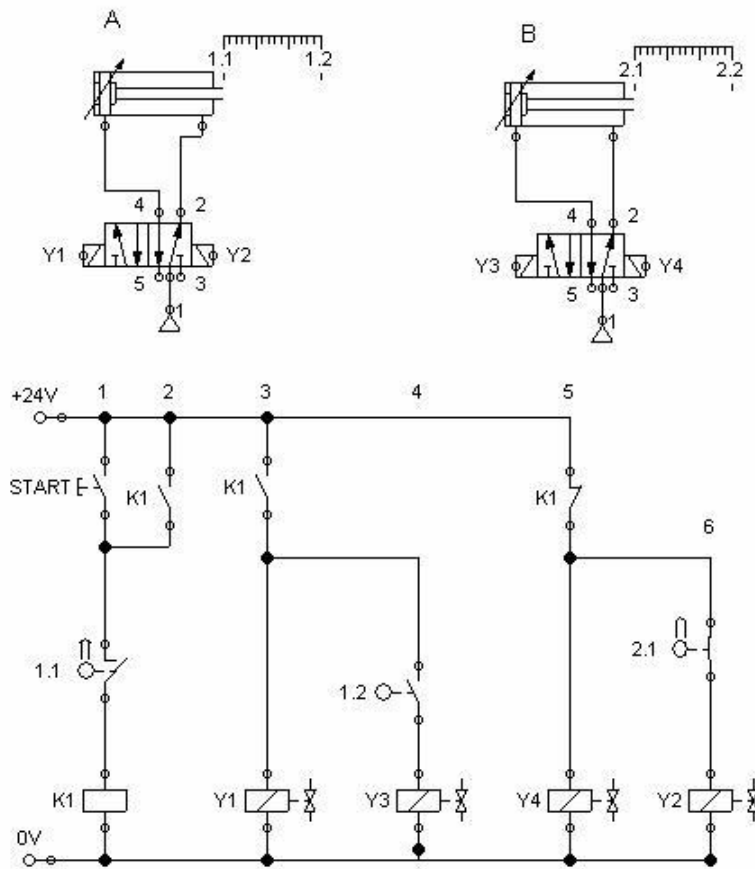
D. $A+B+A-B-$

Câu 245: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



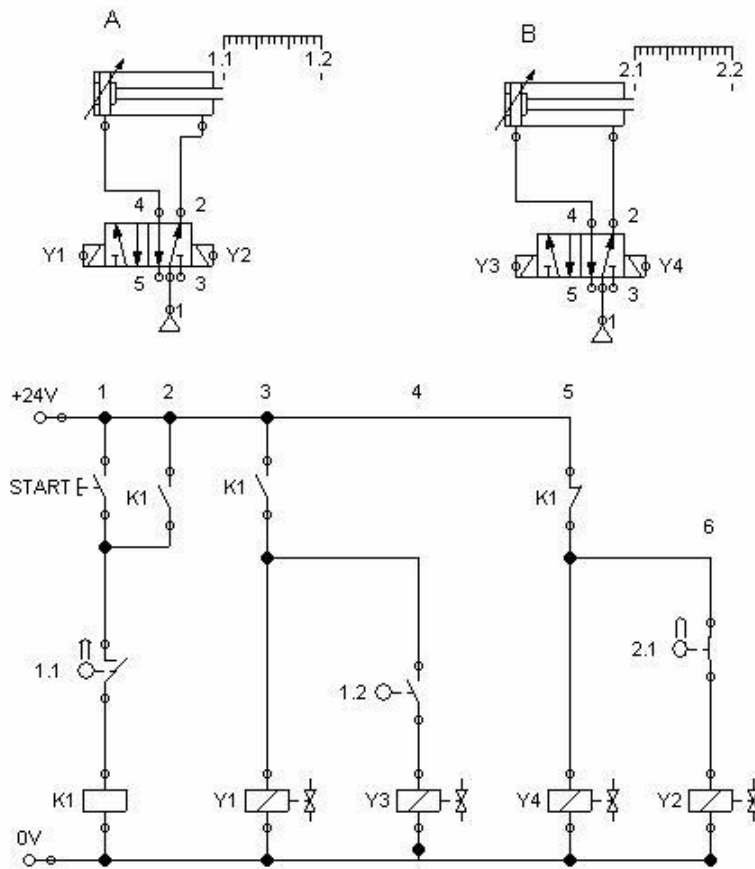
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 2.1 và 2.2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 246: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



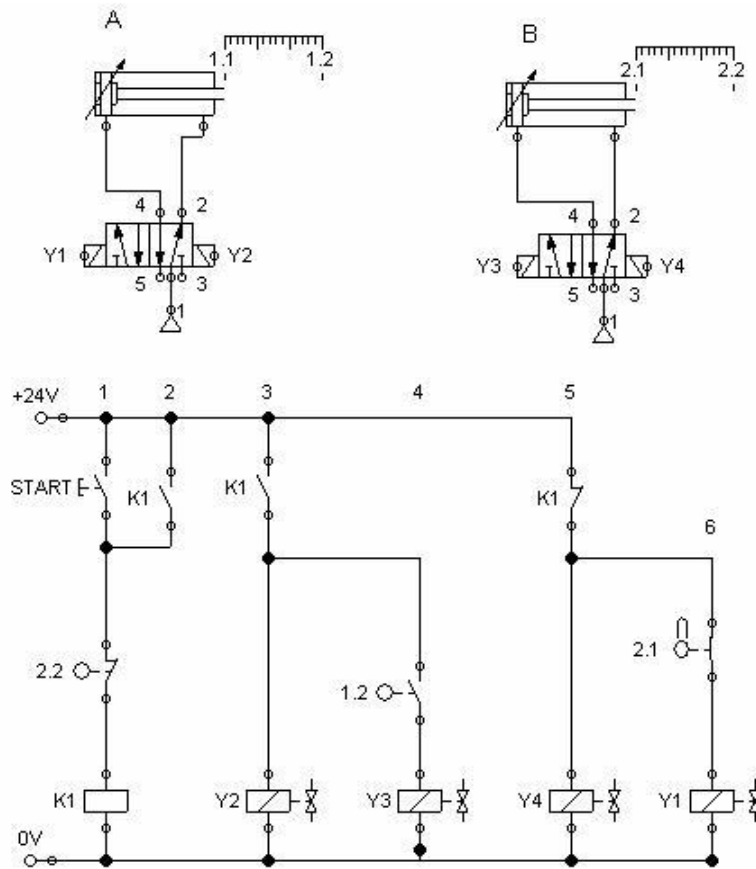
- ☒ A. Mạch không hoạt động
 B. $A+B+B-A-$
 C. $A+A-B+B-$
 D. $A+B+A-B-$

Câu 247: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+B-A-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



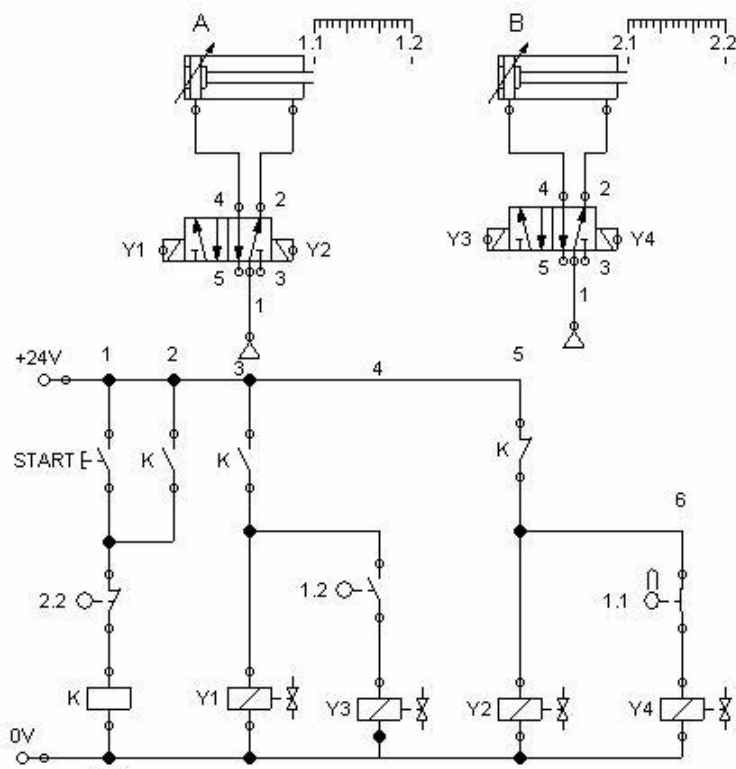
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 248: Cho yêu cầu hoạt động A+B+B-A- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



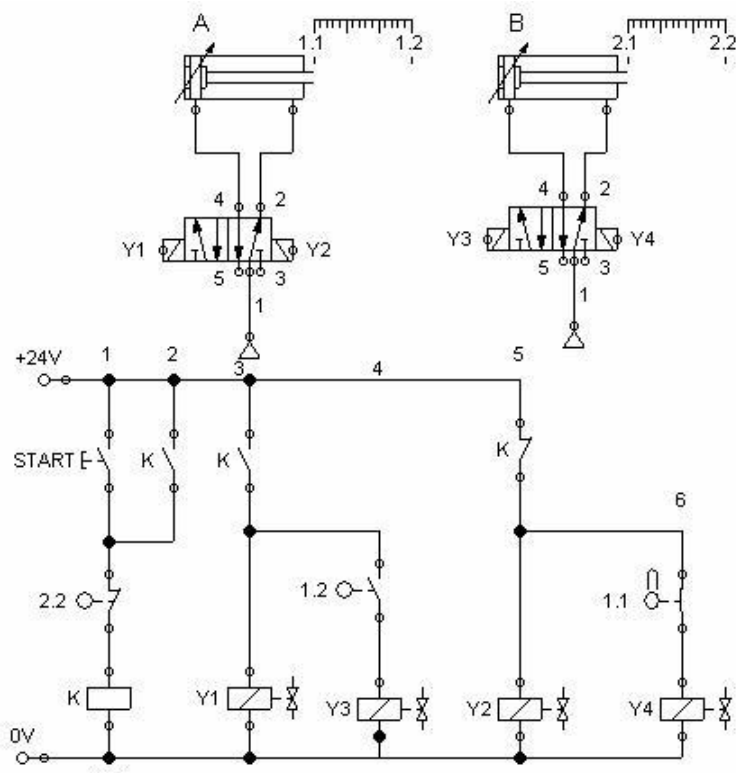
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 249: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



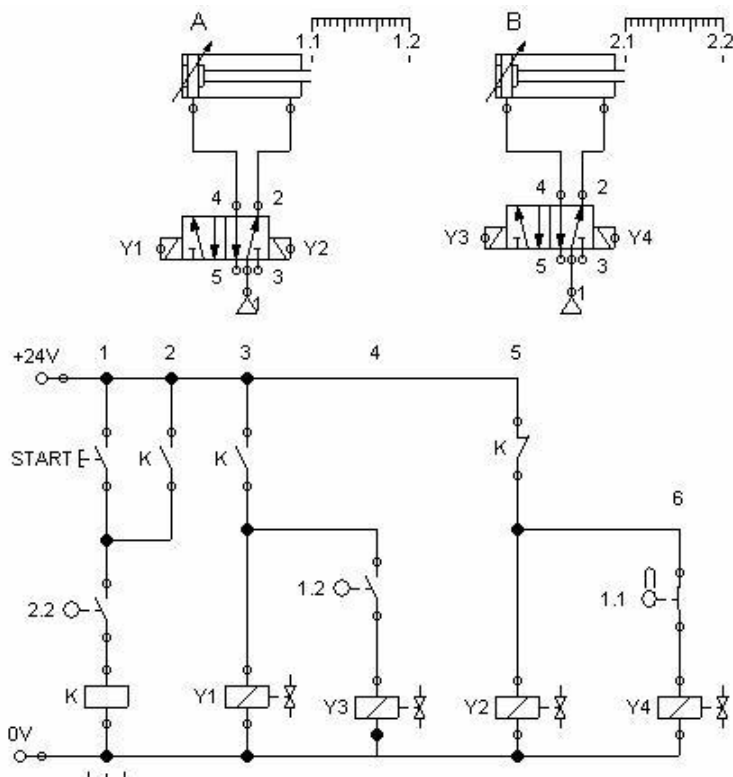
- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- ☒ D. $A+B+A-B-$

Câu 250: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+ A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



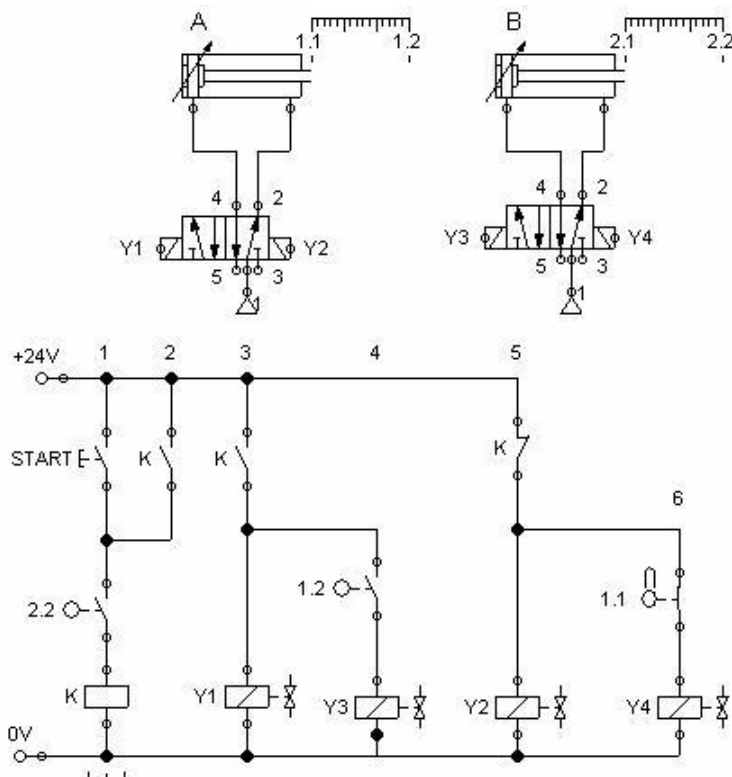
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- ☒ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 251: Khi nhấn START mạch hoạt động như sau :



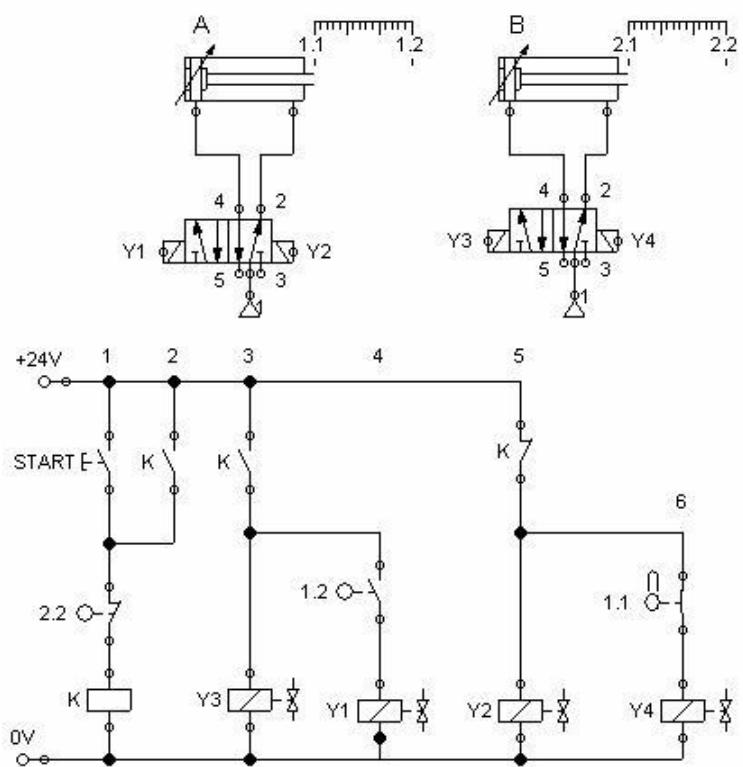
- A. Mạch không hoạt động
- B. $A+B+B-A-$
- C. $A+A-B+B-$
- D. $A+B+A-B-$

Câu 252: Cho yêu cầu hoạt động $A+B+ A-B-$ và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



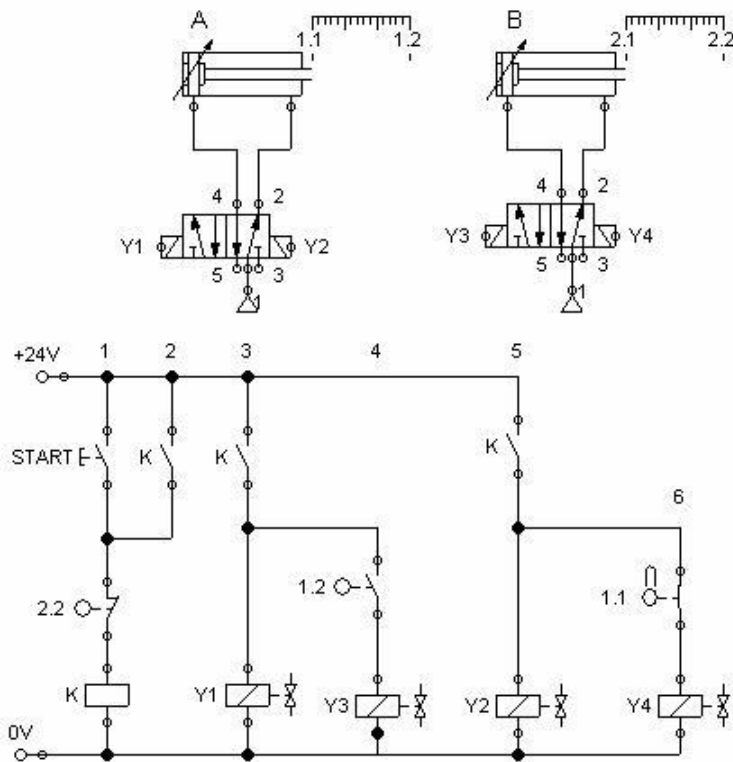
- A. Mạch sai tại vị trí công tắc hành trình 1.1
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 253: Cho yêu cầu hoạt động A+B- A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



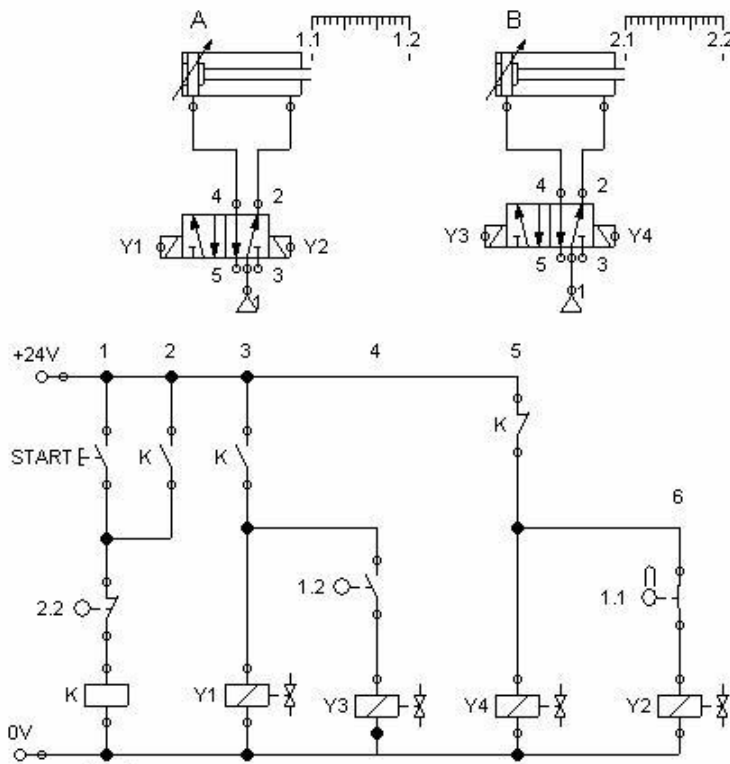
- A. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y3
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 254: Cho yêu cầu hoạt động A+B+ A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- ☒ A. Mạch sai tại vị trí tiếp điểm K nhánh 5
- ☐ B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- ☐ C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- ☐ D. Mạch hoạt động đúng, không sai.

Câu 255: Cho yêu cầu hoạt động A+B+ A-B- và sơ đồ mạch. Ta thấy mạch sai tại:



- A. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y4 và Y2
- B. Mạch sai tại công tắc hành trình 2.2
- C. Mạch sai tại vị trí cuộn dây Y1 và Y2
- D. Mạch hoạt động đúng, không sai.